

LỜI MỞ ĐẦU

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, UBND phường Hòa Thọ Tây, hoạt động văn học – nghệ thuật của phường đã bước đầu khởi sắc.

Mừng Đảng, đón xuân Giáp Thìn 2024, Câu lạc bộ VHNT của phường ra mắt giai phẩm xuân PHONG LỆ với mong muốn thúc đẩy hoạt động văn học – nghệ thuật của phường phát triển.

Vạn sự khởi đầu nan, Câu lạc bộ VHNT Phong Bắc, phường Hòa Thọ Tây rất mong nhận được sự ủng hộ và góp ý của quý bạn đọc để giai phẩm PHONG LỆ ngày càng hoàn thiện hơn.

Nhân dịp xuân Giáp Thìn 2024, chúng tôi xin chúc toàn thể quý vị lời CHÚC MỪNG NĂM MỚI 2024 AN KHANG THỊNH VƯỢNG và THÀNH CÔNG.

BAN BIÊN TẬP GIAI PHẨM
XUÂN **PHONG LỆ**



PHONG LỆ
CÂU LẠC BỘ VĂN HỌC-NGHỆ THUẬT PHONG BẮC
PHƯỜNG HÒA THỌ TÂY

MỤC LỤC

**CLB VHNT PHONG BẮC
CẨM LỆ ĐÀ NẴNG**

TỔ CHỨC THỰC HIỆN
Trương Thị Mỹ Linh
Nguyễn Khắc Điệp
Tăng Tấn Tài
Võ Văn Hòe
Phùng Đình Ước

TRÌNH BÀY
Võ Văn Hòe

NXB. HỘI NHÀ VĂN
Chi nhánh miền Trung &
Tây Nguyên.
QĐ số: 1751/QĐ-NXBHNV

Chịu trách nhiệm xuất bản:
GD-TỔNG BIÊN TẬP
NGUYỄN QUANG THIỀU

Biên tập, sửa bản in:
Hồ Sĩ Bình
Bìa:Hs. Nguyễn Tài

TRANG VĂN

+ Mai Hữu Phước	5
*Tết quê ngoại (<i>Hồi ký</i>)	
+ Phương Bội	10
Vùng trời tuổi thơ (<i>Tản văn</i>)	
+ Trần Trung Sáng	12
* Cuộc phiêu lưu của quả banh da	
+ Nguyễn Khiêm	16
*Giã bánh dầu (<i>Truyện</i>)	
+ Hạ Anh	27
* Khoảng trống (<i>Truyện</i>)	
+ Nguyễn Quang Hiên	35
* Đồn điền Phong Lệ – xứ Quảng: đồn điền cà phê đầu tiên ở Trung kỳ (<i>Biên khảo</i>)	
+ Lưu Anh Rô	43
* Về một bài thơ của Ông Ích Khiêm được ghi vào lịch sử triều Nguyễn	
+ Huỳnh Viết Tư	49
* Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ	
+ Nguyễn Thuận	56
* Giá trị di sản lễ hội làng Phong Lệ	
+ Võ Văn Hòe	60
* Hến sông	
+ Nguyễn Khiêm	65
* Sửa soạn đón xuân	
+ Cẩm Lệ	78
* Thơ lục bát, hành trình từ cổ truyền đến đương đại	

TRANG THƠ

+ Tăng Tấn Tài	94
* Hoàng thành mùa lá rụng	
* Làng quê soi bóng dòng sông	
* Lời xuân từ những cơn mưa	
+ Dương Xuân Định	100
* Dáng vẻ quê hương	
* Vòng tay thân thiết	
* Lời chúc phúc đầu năm	
+ Nguyễn Lương Hiệu	103
* Làm khách quê hương	
* Lời ru bạn bè	
* Trăng ngọc	
+ Hồ Sĩ Bình	106
* Trở lại phố xưa	
* Biển.Núi.Sông và Phố	
+ Cẩm Lệ	109
* Về quê ăn tết đi anh	
* Câu ca đưa tiễn	
+ Lê Huy Hạnh	111
* Không đề	
* Sẻ sàng	
+ Đỗ Phan	112
* Bão	
* Sợi bạc	
+ Trần Trung Sáng	113
* Giấc mơ xanh	
+ Phương Bội	114
* Ngọn đèn	
+ Vũ Hạ	115
* Câu ca ray rứt	
+ La Nguyễn	117
* Đêm của em	
* Ấn tượng	
+ Mai Hữu Phước	118
* Uống rượu một mình	
* Thì ta nghe hết	
+ Nguyễn Kim Huy	120
* Sợi xuân	
* Ngày đi qua	
khát vọng đời người	
* Những đốm lửa	

Tranh ký họa: *Henri Oger*
Technique du peuple
Annamite

Tranh bìa:
Nhịp Cầu Trắng
Giấy dán: 60 x 80
Hs. Nguyễn Văn Tài

In 300 cuốn khổ 16x24	
Tại: Nhà in Đông Phương	
Địa chỉ: 65 Nguyễn Thị	
Minh Khai, Đà Nẵng.	
Số xác nhận ĐKXB:	
4916-2023/CXBIPH/	
44-137/HNV	
Mã ISBN: 978-604-4981-22-2	
In xong, nộp lưu chiểu	
tháng 2 năm 2024.	
	+ Thu Di 123
	* Giã dũa - Đôi mắt
	* Viết giữa ngày xuân
	* Trăng muộn
	+ Hạ Anh 126
	* Bóng mẹ buổi hoàng hôn
	+ Ngô Nguyên Xuân 128
	* Tình thơ trong xuân
	* Ở đó là quê hương
	* Buộc vào thân phận
	+ Phạm Đình Đề 133
	* Xuân về bên sông
	* Hạt xuân
	* Vũ trụ vẫn xoay
	+ Ông Văn Lạc 135
	* Cô giáo vùng cao
	+ Hồ Thị Ngọc Hoài 137
	* Bắt đầu cho một mùa xuân
	+ Nguyễn Thị Kim Hải 138
	* Con đường ký ức
	+ Nguyễn Hoài Linh 139
	* Một thoáng quê em
	+ Đình Tùng 141
	* Thọ Tây vườn mình đi tới
	TRANG ÂM NHẠC
	+ Quỳnh Hợp 143
	*Lời mưa – (thơ Tăng Tấn Tài)
	+ Cẩm Lệ 144
	*Hội non sông
	TRANG MỸ THUẬT
	+ Hs. Nguyễn Văn Tài 145
	+ Hs. Nguyễn Giao 146
	+ Tranh hs. Trường Tiểu học
	Hoàng Dư Khương 147
	+ Tranh hs. THCS
	Đặng Thai Mai 148
	TRANG NHIẾP ẢNH
	+ Võ Văn Hòe 149
	* Di tích lịch sử phượng Hòa Thọ Tây

TRANG VĂN



MAI HỮU PHƯỚC

Tết quê ngoại

Bây giờ, mỗi lần kể chuyện cho các con nghe về thời thơ ấu của tôi, tôi thường bắt đầu câu chuyện bằng hai chữ ngày xưa, ngày xưa...

Ngày xưa, ngoại ở quê. Gia đình chúng tôi ở phố. Mẹ tôi là con gái đầu của ngoại. Nên thường được gọi là Hai. Chị Hai. Cô Hai. Bà Hai. Cậu tôi thứ sáu. Nên ngoài cái tên còn được gọi là Sáu, thằng Sáu, anh

Sáu, chú Sáu... Tất nhiên, anh em chúng tôi gọi cậu là cậu Sáu.

Dưới con mắt của mọi người trong quê thì thằng Sáu - tức cậu tôi được vợ chồng chị Hai ngoài phố nuôi cho ăn học. Thời đó còn chiến tranh, ở quê là vùng chiến sự mà hai bên "Quốc gia và Cộng sản" có thể dàn trận đánh nhau bất cứ lúc nào. Những người dân trong vùng chiến sự không tránh khỏi thương vong. Ở phố tương đối an toàn hơn. Nói tương đối an toàn hơn thôi, chứ không an toàn tuyệt đối, vì đạn pháo ban đêm có thể ập trên đầu bất cứ lúc nào. Do đó, dù ở phố, nhưng nhà tôi vẫn có một chiếc hầm bằng thép cong, dày ngoài sân. Mỗi khi nghe tiếng nổ ầm oàng đâu đó thì việc đầu tiên là chúng tôi được bà nội và mẹ lừa hết vào ngồi trong căn hầm đó. Nghe đạn pháo, người lớn sợ xanh mặt, nhưng trẻ con chúng tôi lại vui như khi đang chơi trò đánh trận giả vậy.

Ngoại tôi ở quê. Nghe đâu ngoại là dân "bám trụ". Hồi đó, chúng tôi còn nhỏ không hiểu "bám trụ" là gì. Chỉ biết, trong quê ngoại tôi còn có một người con thứ năm đang theo "phía bên kia" - tức là theo cộng sản. Anh em chúng tôi chưa gặp mặt cậu Năm bao giờ. Nói đúng hơn, theo lời mẹ kể lúc tôi còn ẵm ngửa cậu Năm thường bông ẵm tôi và dứt cho ăn lòng đỏ trứng gà nhà ngoại nuôi. Ông ngoại mất sớm khi mẹ tôi chưa đầy 12 tuổi. Ngoại gái một thân một mình tần tảo nuôi con và tham gia kháng chiến. Các cậu Ba và Tư của tôi chết bệnh từ nhỏ.

Khi có chút ý thức, chúng tôi hiểu rằng ngoại tôi làm lưng sinh sống vừa "tiếp tế" cho một cậu ở trong quê, vừa "tiếp tế" cho một cậu ra phố đi học ở nhà tôi. Nên ngoại như là con thoi đan bện hai chiều giữa quê và phố. Những ngày cuối năm, ngoại từ quê ra phố với linh kính gà, nếp, chuối. Nhớ nhất là những lần ngoại đi Tết thầy cho cậu.

Các cụ dạy: "*Muốn sang thì bắc cầu kiều/ Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy*". Các bậc phụ huynh

xưa bày tỏ tấm lòng biết ơn các thầy cô giáo đã dạy dỗ con cái của mình bằng một tấm lòng dân dã, chân thật với những sản vật sẵn có. Và cũng chỉ có một dịp Tết mà thôi. Ngoại tôi, đầu đội thúng nếp, tay xách con gà. Cậu tôi áo quần tươm tất đi bên cạnh ngoại đến nhà thầy. Lúc đó, cậu tôi mất đi sự linh hoạt bình thường. Dáng vẻ cậu ngượng ngịu như những chàng trai lần đầu đi thăm nhà hỏi vợ. Tôi, quần xà lỏn, áo mayo miệng thì luyên thuyên, chân nhảy như sáo chạy trước mở đường đến nhà thầy của cậu. Tới ngõ, chân cậu ngằn ngừng, ngoại giục cậu bước vào cùng ngoại. Tôi đứng bên ngoài, lăm lét nhìn qua lỗ rào. Đợi một lát thì cả ngoại và cậu ra cổng cùng về. Lúc này, cậu tôi không còn ngượng ngịu như người đi làm rể nữa, mà linh hoạt hẳn lên. Có lần, bị tôi trêu, cậu tuốt áo ra khỏi quần và rượt tôi chạy thẳng về nhà. Đằng sau vắng vắng tiếng ngoại tôi với theo: - Hai thằng, coi chừng té!



Những ngày giáp Tết, bọn học trò chúng tôi nghỉ học chạy lông nhông trong xóm. Niềm vui lớn nhất của tôi là được theo ngoại về quê ăn tết. Cho đến bây giờ tôi vẫn tự hỏi, không hiểu tại sao tôi lại

có sự thích thú khác thường kia. Do vậy, sau ngày không phải đến trường, vừa chạy chơi, tôi vừa ngóng ngoại ra Tết thầy cho cậu. Rồi theo ngoại về quê ăn Tết. Ngoại sống một mình. Tuy ở quê, nhưng lại là xóm tản cư. Vườn tược nhà ngoại ở Lạc Thành, Điện Bàn (Quảng Nam) cách đó vài ba cây số. Tôi đã nhiều lần đi bộ cùng ngoại về thăm vườn và xem ngoại trồng tía.

Xóm tản cư ở trên một cái gò, gọi là Gò Muồng. Gò là một vùng đất nhô lên. Có nhiều cây muồng mọc trên cái gò ấy nên người ta gọi là Gò Muồng. Cây

muồng thuộc dạng cây thân thảo, mọc thành lùm cao lút đầu bọn trẻ con. Hoa muồng nở thành chùm dài và có màu vàng cam đẹp mắt, nhưng có mùi hôi nên chẳng ai động đến. Người lớn cũng vậy. Trẻ con cũng vậy. Nhờ đó, hoa muồng cứ thản nhiên nở và lung linh trong trời chiều chập chờn hoài trong ký ức của tuổi thơ tôi. Gò Muồng có nguồn gốc tên gọi mọc mọc và đơn giản vậy thôi.

Ở quê thời chiến tranh, không có đèn điện chỉ có đèn dầu. Ban đêm, đèn dầu đốt lên một lát rồi nhà nào cũng thôi tắt đi ngủ, vừa tiết kiệm lại vừa an toàn. Không điện. Không tivi. Không radio và nhiều cái không khác... Buổi chiều thường ăn cơm sớm. Tối đèn đốt lên một lát rồi cũng tắt sớm. Nếu không có việc gì khẩn cấp thì chẳng ai dám ra đường. Trước khi tắt đèn, ngoại soi đèn cho tôi chun vào hòm trước ngoại vào sau. Hòm nằm trong nhà, ngay bên cạnh bàn ngồi chơi, ăn cơm và uống nước. Ban đêm phải ngủ hòm cho an toàn để đề phòng đạn lạc. Ngoại luôn bảo tôi như vậy. Tôi hỏi mấy đứa nhỏ hàng xóm của ngoại. Chúng nhe răng cười bảo: Ngủ hòm nóng lắm, tao quen rồi, không sợ, khi nào nghe có tiếng súng nổ đầu đó mới nhảy tót vô hòm. Nhưng tôi thì phải tuân lệnh ngoại. Nên đêm nào cũng phải ngủ trong hòm. Nóng thì ngoại quạt cho ngủ. Giữa màn đêm đặc quánh, hai bà cháu chuyện trò thâm thì và tôi ngủ lúc nào cũng chẳng hay. Tôi là thằng bé vốn dĩ tò mò nên hỏi ngoại đủ thứ chuyện thuộc về ngày xưa, ngày xưa của ngoại và của những người thân quen. Có câu đêm trước hỏi đêm sau lại hỏi, vì khi ngoại kể tôi đã ngáy khò rồi. Vậy mà đêm nào ngoại cũng kiên nhẫn kể cho tôi nghe.

Buổi sáng, khi tôi thức dậy ông mặt trời đã sáng banh mắt. Ngoại tôi trước đó đã dậy và làm biết bao nhiêu công việc rồi. Sau thức dậy và ăn uống chắt bụng, tôi lẻo đẻo theo sau ngoại đi thăm vài người quen và nhận tiền lì xì. Thú vị nhất là lúc tôi được tự do chạy theo mấy đứa cùng trang lứa. Trong ba ngày

Tết, vẫn có những người ngồi rung bầu cua tôm cá bên gò. Có lần tôi với mấy đứa bạn đặt thua về kẻ ngoại nghe. Ngoại la, bảo được lì xì đồng nào để dành khi nào về đi học lại có tiền mà ăn kẹo. Sát nhà ngoại có một đứa bằng tuổi tôi. Nghe đâu có chút huyết thống bà con xa gần chi đó. Nó thường cho tôi cỡi con trâu mà nó chăm. Con trâu đang độ trưởng thành, đen bóng vừa cao lại vừa to. Thú thật, lần đầu tiên leo lên lưng trâu để cỡi, tôi cũng run lấm và tim đập thình thịch. Tôi thấy nó phóc lên lưng trâu thật là dễ dàng như con nhái bén nhảy trên những chiếc lá sen. Tôi thì không làm được điều đó. Bỗng dưng, nó đập mõng con trâu và hô một tiếng gì như là... phép thuật. Con trâu đứng lại, quỳ hai chân trước xuống để tôi leo lên. Chỉ có nó mới khiến cho con trâu làm được điều đó. Tôi phục lẫn nó về chuyện này. Nhưng nó cười hiền và khiêm tốn bảo, tập cho trâu quen rồi, có chi đâu mà khen. Bù lại, nó phục tôi hàng chục chuyện khác. Nó thường nói mậy ở phố chuyện gì cũng biết, giỏi hơn tau ở quê nhiều.

Gần năm mươi năm trôi qua. Đời người biết bao nhiêu thay đổi và biến động. Ngoại, từ lâu đã hóa ra người thiên cổ. Cuối năm. Đông tàn. Giá lạnh dần tan. Nắng ấm. Xuân đến. Tết về. Chợt nhớ ngoại. Nhớ khi ngoại đi Tết thầy cho cậu và nhớ nhất vẫn là những năm theo ngoại về quê ăn Tết, ngủ hầm tránh đạn. Nhớ cả những lần theo bạn cỡi trâu ngắm hoa muông màu cam rực rỡ cả một góc gò. Dư âm còn đọng mãi...

PHƯƠNG BỘI

Vùng trời tuổi thơ

Một sáng mùa xuân. Nắng xuân thả những tia nắng ấm áp lên những đóa mai vàng rực. Một làn gió nhẹ thổi qua, vài cánh mai mỏng manh thông thả đáp mình xuống gốc cây. Tôi thả hồn miên man trôi về miền ký ức. Một vùng trời tuổi thơ với ngôi chùa, giếng nước, hồ sen... Tôi lớn lên ở quê cha miền biển. Nhưng mỗi hè về tôi lại được tắm mình trong niềm vui của cô bé vùng quê. Nhà ngoại ở gần một ngôi chùa nhỏ, đơn sơ, ba chữ “Liên Trì Tự” nằm dưới đóa hoa sen nở xòe như vãn đang hiển hiện trước mắt tôi. Trước mặt chùa là một bầu sen xanh mát. Nhớ ngoại kể, chiếc bầu này là do người Chăm đào lấy đất sét để nung gạch ở lò gạch bên khu đất Cầm cách đó không xa. Mùa hè, hoa nở trắng ngát, hương thơm hòa vào làn gió mát rượi phả hương một vùng, ủ hương vào tâm hồn thơ dại của tôi. Thứ Bảy, Chủ nhật, đi về chơi, tôi thường vùi vùi di công ra tận giữa hồ để hái hoa hoặc các gương sen đã già hạt. Tách gương sen, bóc lớp vỏ cứng, bỏ tìm sen xanh lục giữa hạt sen trắng ngà, nhâm nhi vị ngậy ngậy, bùi bùi, giòn ngọt thật là thú vị.

Chiều chiều, hoa dũ dề nồng nàn gọi bước chân tôi. Tôi cùng cô chị hàng xóm theo mùi



hương dán mắt vào những chùm cây dại. Tiếng cười reo vui giòn tan khi nhìn thấy những bông hoa sáu cánh cứng cáp, màu vàng nhạt, ẩn mình trong khóm lá xanh. Chúng tôi nhẹ nhàng ngắt hoa, đặt vào chiếc đĩa nhỏ rồi mang vào chùa trang trọng dâng lên cúng Phật. Thỉnh thoảng, có được chùm trái dừa dứa chín vàng, lễ vật của chúng tôi có thêm nải chuối.

Rồi giếng làng. Giếng vốn có tên là giếng Huân. Đó là chiếc ao nhỏ, nước trong vắt, ngọt lịm nằm cạnh con đường làng nên dân làng thường xuyên đến gánh nước và xem như giếng làng. Buổi sáng, ánh mặt trời đỏ hồng chiếu xuống làn nước trong veo, lấp lánh như mỉm cười với những cô cậu nhỏ ngồi trên bờ mãi mê ngắm đàn cá nhỏ tung tăng. Thỉnh thoảng, chúng tôi men sang bờ bên kia lội xuống làn nước mát rượi nghịch ngợm và không ít lần bị la mắng. Buổi tối, nhất là những đêm trăng sáng, trai gái rủ nhau gánh nước, chuyện trò râm ran.

Tối tối, cô bé nhỏ nhắn, tóc ngắn, da ngăm ngăm lại nắm tay ông ngoại lên dốc bà An đến quán hàng xén đón bà ngoại về. Con dốc ngắn mà cao, đất đỏ trơn trượt làm cô bé nhiều lần suýt té. Ông ngoại một tay bưng chiếc đèn dầu hột vịt, một tay đỡ cháu... Ông ngoại phụ bà dọn quán xong, một tay bưng chiếc đèn dầu soi đường, một tay bưng chiếc tráp nhỏ dẫn hai bà cháu trở về...

Thấm thoát đã gần sáu mươi năm năm. Ông bà ngoại hiền từ nhìn cháu mỗi lần về thấp hương. Cô chị hàng xóm tóc đã muối tiêu. Cảnh cũ đổi thay. Ngôi chùa nhỏ năm xưa bây giờ đã xây dựng khang trang và mang tên dân dã: chùa Bà Sen. Con đường làng rợp bóng tre nay đã được mở rộng, dẫn ra đường Trần Ngọc Sương mới mở. Bà Sen, giếng làng, dốc bà An chỉ còn trong hoài niệm...

Ngắm chậu mai trắng nhỏ xinh trước hiên nhà đang trổ những bông hoa trắng muốt, chợt nhớ về những câu thơ của người bạn đời thương yêu:

*Em mang màu trắng liêu trai ấy
Tiết tháo của người trải gió sương
Cho hoa xinh xắn rung cánh mỏng
Cao quý tỏa thơm mùi trầm hương.¹*

¹ Thơ LHH.

TRẦN TRUNG SÁNG

Cuộc phiêu lưu của quả banh da

Còn vài tuần nữa là Giải bóng đá xóm Chùa sẽ chính thức khởi tranh, để tiến đến tham gia Giải vô địch Liên xóm. Nếu may mắn lọt vào vòng chung kết, thì bọn trẻ xóm Chùa có quyền tiếp tục mơ ước chạm chân vào những Giải cao hơn. Thậm chí là Giải thành phố, Giải Thiếu niên khu vực miền Trung, Giải quốc gia, Giải quốc tế U13... Chính vì vậy, mà suốt những ngày này, cứ mỗi buổi chiều sau giờ tan học, bọn trẻ con xóm Chùa lại tụ tập nhau đến bãi đất trống trước sân Chùa làng, để chia ra những nhóm nhỏ tập luyện lừa bóng, sút bóng vào gôn.

Trong những pha tập luyện, bọn nhỏ thích nhất là thực hiện quả sút 11m. Tí Ròm, vừa là cầu thủ số 10 của đội bóng vừa là chủ nhân của quả bóng, thường dành phần làm điều này nhiều hơn cả. Mỗi lần đứng trước quả bóng đối mặt với thủ môn, Tí Ròm chừng thoáng đôi giây trầm ngâm mơ mộng, tưởng tượng mình đang đứng trên đôi chân của Maradona, Ronaldo, Messi... Và giờ đây, sau ba lần sút bóng, thì có hai quả đối phương bắt được, một quả văng vào bụi cây..., Tí Ròm tỏ ra khá căng thẳng, cẩn thận nâng niu thì thầm cùng quả bóng, rồi mới đặt xuống đất.

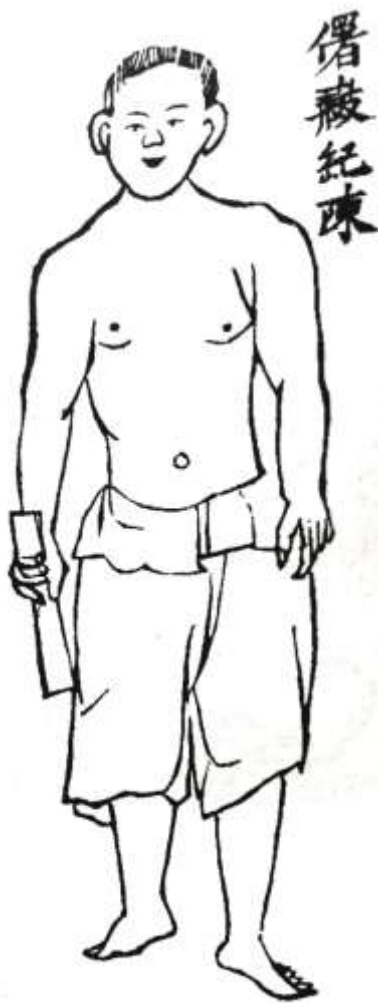
Bụp...

Đó là lần đầu tiên Bóng Tròn nhận ra một cảm giác mạnh mẽ như vậy tống vào thân mình. Nó bay thẳng vào bầu trời xanh bao la... Đến chừng, nghe một tiếng la í ới của một phụ nữ kề bên mặt : “ Banh với bóng ở đâu thế này, vấy bẩn hết thau quần áo của tôi rồi!”, Tròn hiểu rằng, nó vừa bay vượt qua rất nhiều mái

nhà, và bây giờ đã rơi tọt vào một sân thượng trên lầu cao, hắt tung thau quần áo mà người người phụ nữ đã giặt giũ đang chuẩn bị phơi khô. Mặc dù bị sức cản của thau quần áo, nhưng Tròn vẫn còn nảy tung lên nền gạch mấy lần mới chịu dừng. Nó cố gắng bày tỏ thái độ thân thiện nhất với người phụ nữ: “Em xin lỗi chị, em không cố ý như vậy. Chỉ là em ở bên xóm Chùa...”. Nhưng xem ra, người phụ nữ chẳng chịu lắng nghe. Chị tóm lấy Bóng Tròn, ném thẳng vào không gian phía trước, kèm theo câu nói: “Banh với bóng! Đi đâu thì đi cho khuất mắt!”.

Chẳng rõ người phụ nữ có ý đồ ném Bóng Tròn về những mái nhà lân cận, hoặc ném vào một khoảng sân nào khác, nhưng Tròn lại thấy mình đang rơi vào một khu chợ nhộn nhịp, đông đúc người qua kẻ lại...

Lần này, Bóng Tròn khá cẩn thận, cố gắng nhảy nhót vào khoảng trống, tránh đụng chạm vào mọi thứ chung quanh. Vậy mà cũng chẳng yên. Từ một xó chợ, bỗng xuất hiện hai gã đàn ông trung niên, quần áo lấm láp chạy theo tranh bóng. Họ không lừa bằng chân, mà đuổi bắt bằng tay, giống như chơi bóng rổ. “Ê hết chỗ chơi, chơi bóng giữa chợ vậy tui bây”. Mặc cho những lời phàn nàn, xua đuổi, hai gã đàn ông vẫn say sưa tung hứng Bóng Tròn cho đến khi nó rơi vào một chiếc xe tải chở hàng hóa đang nổ máy. Hai người đàn ông ủa đến, đòi trèo lên xe tìm trái bóng, nhưng người tài xế bóp còi, xằng giọng: “Xe tôi chở đi giao hàng ngay bây giờ, kéo chiều tối đến rồi. Ai biết banh bóng gì đâu!”. Nghe vậy, Tròn hốt hoảng la toang: “Ôi không, cho cháu xuống mấy chú ơi! Cháu muốn về lại xóm Chùa. Tí Ròm ơi...” Nhưng không



ai nghe thấy những lời gào khóc của Tròn. Xe chuyển bánh. Nó đành nằm yên một chỗ, bên cạnh những bao, gói hàng hóa linh tinh trên thùng xe tải.

Lần đầu tiên, sau những giây phút lưu lạc rời khỏi xóm Chùa, Bóng Tròn bắt đầu cảm thấy âu lo: Rồi làm sao mình quay lại với Tí Ròm, với Xóm Chùa đây? Nó nhớ lại, những ngày đầu tiên nó về cùng nhà Tí Ròm. Đó cũng là lần tiên, kể từ sau khi xuất xưởng, sau thời gian nằm lẳng lẽ trưng bày trong chiếc tủ kính cho khách qua lại nhìn ngắm, nó được chuyển đến bàn tay ấm áp của một người đàn ông, và sau đó chuyển vào tay Tí Ròm: “Đây là quả bóng chú tặng cho cháu, để vui chơi trong mùa hè năm nay, nhưng đừng vì vậy mà lơ là chuyện học hành nhé!”. Người chú của Tí Ròm còn đưa cho Tí cây bút dạ ghi tên “Tí Ròm” vào lưng Bóng Tròn để khẳng định chủ quyền. Lần ấy, Tròn nhớ mãi, nó cùng Tí Ròm đầy hạnh phúc với sự chào đón của bọn trẻ Xóm Chùa....Vậy mà vài ngày tới..., bọn trẻ lấy bóng đầu để tập luyện tranh Giải đây?

Không rõ, hành trình xe tải ngang qua những nơi đâu, thời gian bao lâu? Mãi đến khi Bóng Tròn cảm nhận ra có tiếng nói lao xao gọi nhau: “Trời sáng rồi, mau ra xe chuyển hàng vào kho”, nó mới bừng tỉnh. Người tài xế xe tải không quan tâm đến Tròn. Những người bốc vác và chủ kho hàng cũng không quan tâm đến nó. Tròn lại lọt vào tay một nhóm trẻ khác, có lẽ là con cái của người chủ kho hàng.

Lại một buổi tập luyện mới. Thi thử lừa bóng. Sút 11 mét... như Tí Ròm cùng bọn trẻ ở xóm Chùa. Sân chơi nằm trên lề đường không mấy rộng rãi, nhưng bọn trẻ vẫn cố tận dụng thực hiện những phần việc của môn chơi bóng đá. Lại Bụp... Trời ơi! Cú sút này nghe quen quen, nhưng Tròn không có cảm giác bay bổng đến gần trời xanh, mà nó xé rít trong không khí chừng theo một chiều thẳng. Và thật nhanh chóng, Tròn nghe thân mình va vào một vật cản nào đó với những tiếng thủy tinh vụn vỡ, tạo thành các âm thanh hỗn độn. “Cái gì đó? Vỡ tú kính rồi? Trái bóng của con cái nhà ai đó? Tìm lũ ranh đó cho tao?”. Sau tiếng gào thét của chủ nhân hiệu tạp hóa có chiếc tủ kính vừa bị vỡ, lại có những giọng nói xôn xao qua lại bàn tán, dường như đang tập trung truy tìm những kẻ gây ra vụ việc.

Đôi mắt với Bóng Tròn, chú Công An trẻ có gương mặt cầu kính, chừng như muốn hỏi nó: “Mày từ đâu đến đây? Đứa nào xúi mày đập phá tủ kính nhà người ta?”. Tròn khóc tỉ tê: “Cháu không cố ý làm vậy chú ơi. Cháu từ xóm Chùa đi lạc đến đây. Xin chú đừng bắt cháu. Giúp cho cháu trở về chú ơi!”. Nhưng chú Công An chẳng buồn nghe, tiếp tục nói: “Mày không khai ra đứa nào cầm đầu, thì tao sẽ lập biên bản, xử phạt mày”. Nghe thế, Tròn lại càng hoảng lên: “Xin đừng phạt cháu, không phải lỗi cháu chú ơi! Cháu chỉ đi lạc đến đây. Xin cho cháu về xóm Chùa”. Chú Công An đưa tay kéo hộc bàn, chừng muốn tìm bút giấy để ghi biên bản, vừa lúc ấy một chú Công An khác lớn tuổi hơn bước vào hỏi: “Lúc này mới có chuyện gì xảy ra vậy?”, “Dạ báo cáo sếp, mấy đứa nhỏ nào đây vừa đá bóng vỡ tủ kính một hiệu buôn phía trước, người ta phàn nàn dữ lắm!... Chắc phải tịch thu quả bóng để răn đe tội nó một lần”. Người lớn tuổi nhìn chăm chăm Bóng Tròn. Nó nhận ra ông chú này có nét thân quen. Chợt ông ta nâng bổng nó, sờ tay vào nét chữ bút dạ, reo lên: “A, Trái bóng của Tí Ròm, sao nó lưu lạc tận đây?”. Thì ra, chính xác đây là chú của Tí Ròm, người đã lần đầu giải cứu Tròn ra khỏi tủ kính trưng bày trao cho Tí. Ông ta lập tức rút điện thoại gọi về gia đình Tí Ròm...

Chiều hôm sau, Bóng Tròn lại cùng Tí Ròm trở lại sân tập Xóm Chùa trong tiếng hò reo cuồng nhiệt của bọn trẻ. Cả đội lại nỗ lực, khát khao, mơ ước... như chưa từng có cuộc chia ly./.

NGUYỄN KHIÊM

Giã bánh dầu



(A. Internet)

Một buổi tối trời trong, tiết tháng mười một âm lịch, dân làng Thu chuẩn bị đón cái Tết nguyên đán sắp tràn về làng. Ngôi làng nằm dưới chân núi Phước Tường chuyên nghề thuốc lá Cẩm Lệ và sản xuất nông nghiệp của Thu.

Cơm nước xong, ông nội Thu lên xuống trong nhà lục tìm mấy dụng cụ rửa liềm, mủng thúng, ... cho lần giã bánh dầu. Lần này lên hàng thuốc nên cái rổ tiếng dùng sàng bánh dầu, lỗ đan to sao cho hạt bắp có thể lọt qua được. Hai lần trước nhữ và phụ thuốc, bánh dầu được giã

và sàng lấy loại mịn hơn. Anh Hai Thu sửa soạn lại mấy cái chày giã gạo. Chắc lần này anh định giã chày ba nên thấy cùng lúc có ba cái chày đều bằng gỗ chò chỉ dựng bên vách phen nhà ngang. Anh lúi trong góc nhà ra cái cối giã bằng gỗ, dùng chổi quét sạch cát bụi, rồi bê lại đặt nơi khoảng trống. Cối này cũng dùng giã gạo thường ngày. Mẹ Thu đứng trước bếp lăm thâm gì đấy rồi dùng hai chiếc đĩa bếp đợ ông kiềng xuống đặt trên nền đất, giữa nhà. Xong mẹ nhúm bếp bằng rơm rút từ cây rơm ngoài góc sân nhà, chuẩn bị cho đêm thui giã bánh dầu lên hàng thuốc lá tại gò Đò. Khói bắt đầu um lên, ngọn lửa dùng đực nhập nhòa đốt cháy những gùi rơm.

Hồi ấy nhà Thu làm chừng ba ngàn thuốc lá. Các gia đình trong làng, có người làm đến năm ngàn cây thuốc. Năm ngàn cây xem đã là nhiều, bởi có nhiều nhân lực lao động nên mới có thể chăm sóc thường xuyên trong ba tháng cho một mùa thuốc lá. Bà nội Thu lom khom đưa gùi rơm vào bếp nhóm lửa, chuẩn bị đặt lên ông kiềng một tấm bánh dầu để thui cho chín. Những tấm bánh dầu mới mua từ sở ép dầu gánh về xếp từng còi, từng đồng ngay trước cửa. Mỗi tấm nặng chừng hơn hai kí lô. Thu còn nhỏ, hấn thử xách một tấm đã thấy nặng tay. Bánh dầu được quần bằng rơm rạ, ép trong khuôn bằng niềng tre. Xác đậu phụng được giã nhỏ, mịn quần lại trong cái khung bằng tre, hâm nóng trong chảo rồi cho vào bông ép. Người ta sắp bánh vào bông dầu theo lớp nằm ngang, đóng chặt những cái nêm xuống bông dầu. Hết nêm nọ, họ đóng tiếp nêm khác. Cứ thế, đóng chặt, chừng nào dầu phụng hết chảy ra thì thôi. Dầu lấy xong còn lại xác, gọi là bánh dầu. Bánh dầu dùng bón các loại cây trồng rất tốt. Cây thuốc lá được cho là có bốn phân bánh dầu, thuốc lá sẽ ngon hơn, lá dày hơn, nhiều nhựa hơn và khi hút thuốc tàn thuốc có màu trắng gọi là tàn kim. Thuốc như thế là thuốc ngon. Người tiêu dùng nhìn lá thuốc là biết được có rạ bánh dầu cho cây thuốc lá hay không. Họ ưa chuộng là vì thế.

Đêm yên ắng, màn đêm vừa buông xuống, chó quanh quẩn nơi mâm cơm mỗi nhà nên không nghe tiếng chó sủa. Có ai phía đầu sân nhà Thu tăng hắng một tiếng, vọng vào trong. Ông nội Thu dừng tay, ngược người lắng nghe. Bà nội Thu cắt ngang nghi vấn:

- Ông họ! Ai gọi giờ ni rứa hè?

Ông nội Thu nhảy cảm theo cách mê tín ngày xưa, hễ đến chừng chàng vọng mà ai gọi gì cũng không thưa, không hỏi. Ông tin là có ma ngoài ngõ. Cho đó là “ma trôi” nếu chưa biết mặt người thì hãy khoan lên tiếng trả lời, nếu trả lời liền bị ma hớp hồn, người có thể ngã bệnh bất thành linh. Ông Thu nhìn bà rồi khoát tay ra dấu, chừng như bảo làm thỉnh cái đã! Ông bước về phía cửa nhìn ra sân xem ai gọi vọng tiếng vào nhà. Tiếng cụ già lại cất lên:

- Tối nay xem hát bội chớ ông Hương?

Thu lần bước theo sau, như có điều gì hệ trọng lắm, nín vạc áo ông, hẩn nhìn ra sân. Một khoảng trời đùng đục mờ mờ tối, nhưng ông Thu vẫn nhận ra người gọi hỏi ông là ai. Ông cất tiếng đáp lại. Dường như Thu thấy yên tâm trong màn đêm mờ mờ bao phủ quanh nhà:

- Tiếc quá ông hươi. Tuổi ni tui lại mắc giã bánh dầu!

Ông già bước vào nhà, ánh đèn dầu mù u nhấp nhóa lơ mờ, Thu cũng nhận ra cụ ông ở xóm dưới lên rủ ông Thu đi xem hát bội nhân khánh thành ngôi đình làng vừa mới tái thiết xong. Bà nội Thu mấy hôm trước, khi ngoài trăng Đình thơ xây đang tái thiết ngôi đình, có kể rằng còn mấy bữa nữa làng rước đám hát bội về đình trưởng thành hát chào khánh thành đình làng. Bà cũng thờ dài mà rằng: đình làng cứ dời qua dời lại năm ba bận, trước tại gò Đò, sau dời xuống gò Đá, rồi vườn Đình, nay lại dời xuống trăng, mấy trăm năm rồi mà chưa thấy yên ở chỗ nào. Kỳ này các ông hương lão, lý dịch trong làng dời ngôi đình về cồn Đình, tái thiết lại phía ngoài ao Cù một đoạn. Thế nên đêm nay hát bội là để mừng cho làng có ngôi đình mới, cũng là dịp trả lễ cho thần thánh trong làng, lại được dịp cho dân làng xem hát bội một bữa.

Ông nội Thu đôn đả mời khách vào nhà:

- Chỉ mà nôn. Đã nghe kèn trống khởi lên đâu. Uống bát nước đã anh!

- Ủ, có sẵn thì mang lên đây. Mà này, chớ bà nhà ngủ rồi hay rằng ?

- Có đâu mà ngủ được, tuổi ni nhà tui già bánh dầu, ba bữa nữa lên hàng thuốc trên gò Đò.

Rồi ông tỏ vẻ tiếc:

- Chà, làm răng mà đi anh hè. Lâu rồi bữa ni mới có đêm hát bội, bỏ uống quá. Mà thuốc trên gò Đò đúng độ lên hàng rồi, không trễ được anh Trùm nợ. Ngặt là nguồn nước tưới. Tui tính ngày một lên hàng, bữa tề đến phiên làng mình trở nước hồ Nguyên ra tưới nước. Nếu mà trễ phải mất thêm ba ngày nữa mới tới phiên trở nước. Sợ thuốc khô chớ anh.

Cụ Trùm hớp miếng nước chè, đặt bát xuống chiếc giường tre, cười nhỏ, hiền kẻo:

- Có chi mà lo, anh! Tuổi mai anh già, tui qua làm giúp. Bữa ni rủ bà nhà đi coi hát cái đã. Hiếm khi có dịp. Bỏ uống lắm. Nghe đâu tuồng đồ tuồng pho chi đó, hát hay lắm anh.

Bà nội Thu bỏ đôi đũa bếp đang thui tấm bánh dầu, bước lên ngồi bên ông nội Thu, góp chuyện:

- Có thiệt anh Trùm giúp cho không. Được rửa tui mừng Nhìn sang ông nội, bà mời khéo:

- Cũng mong ông Trùm sang giúp, bữa sau nhà tui sang giúp lại, được không ?

Ông Trùm nhanh miệng:

- Răng lại không! Có chi đâu mà nề hà chuyện nớ. Thì công chuyện làm ăn giúp nhau mà! Hề chi!

- Có ông Trùm tuổi mai giúp sức, mình đi xem đi ông. Kệ ! Để đó đã! Đi xem cho con Ba với lại thằng Hai hăn đi với. Mình giữ ở nhà già bánh dầu đang lúc trống giục thùng thùng, kèn kêu sáo thổi vui như hội ngoài đình, chắc già cũng không được chi, lại không được coi hát thì cũng tệ.

Vậy là đêm già bánh dầu đã được dời sang tối mai. Cả nhà Thu cất đặt đồ đạc dầu vào đó.

Thu, thằng em hăn với đứa em gái cũng được ông bà cho đi xem hát bội. Đêm đó, Thu được anh Hai hăn cõng trên lưng,

thằng em lại một mực bầu cứng lấy ông nội. Hấn hỏi hộp, vui sướng như chưa lần nào vui sướng hơn, nhìn Thu cười toe miệng:

- Bữa ni ông nội cho đi coi hát đó nghe. Ôi. Sướng dễ sợ, khỏi phải đồ bài! Chao ơi, coi hát bội, sướng ghê là sướng!

Cả nhà Thu chuẩn bị đến đình xem hát bội. Mẹ Thu dắt đứa em gái đi cùng. Bà nội Thu quấn cái khăn trùm đầu kéo sương ướt tóc, đi với mấy cụ bà hàng xóm.

*



Thu không biết gánh hát hát tuồng gì, mà cũng chưa biết xem tuồng hát bội được. Tuổi nhỏ như Thu làm sao hình dung được hát bội với cái hay, cái nghệ thuật của nó. Nhưng hấn cũng náo nức như mấy đứa bạn bè trong xóm vậy, như thằng em của hấn. Nghe người lớn bảo đi xem hát, thế là đòi đi và được công đi. Thế nên tuổi nhỏ như Thu chưa hiểu được. Các cụ xóm

trên, xóm dưới tụ về đình làng đứng chật sân, bàn thảo nhiều chuyện mà chung quanh chuyện đêm nay gánh hát trình làng vở tuồng gì đây. Thu choàng trên lưng, ôm hai vai anh Hai, nhìn vào sân đình. Thu nghe mọi người bàn luận, cái hiểu, cái không, gì mà... Phụng Nghi Đình... rồi Thoại Khanh Châu Tuấn ..., hay cái gì nữa không hiểu được. Một hàng đèn sập trong đình được thắp sáng lên, hắt ánh sáng vàng mờ ra sân. Ngoài sân, dân làng treo ba cái đèn năng - sông sáng lóa, tỏa ánh sáng chung quanh, đủ nhìn rõ mặt những người đứng ở hàng trong. Một thanh niên lớn hơn anh Hai Thu, nắm cái loa (chắc làm bằng mo cau, quấn lại cho tròn), loa lớn: Nghe đây, nghe đây! Tuổi nay làng mình rước gánh hát Khánh Thọ ở miền trong ra hát mừng khánh thành đình làng, mời bà con tề tựu tại sân đình để coi hát bội. Nghe đây, nghe đây!

Người đó loa lên nhiều lần như vậy để mời bà con đến coi hát bội. Trong đám, các cô phụ nữ tùm lại vui cười liếng thoảng, có cô thắc mắc: Hát bội là hát ra răng. Hồi nhỏ tới chừ, bữa ni mới nghe hát bội. Cô khác lại chen vào: Thì để coi mới biết, chớ hồi

cha sinh, mẹ đẻ tới chừ có biết hát bội là hát ra rả. Ở nhà chỉ nghe mẹ với bà hát ru em là nhiều mà! Một cô gái trẻ nhìn quanh tuồng như đang tìm ai trong đám thanh niên đứng tùm phía bình phong ngói đình. Những cô gái đang tuổi thanh xuân, thường ngày bằm ruộng bằm nương, có thời gian đâu mà nghĩ đến chuyện hội hè đình đám. Có lẽ rất ít dịp dân làng tề tựu đông đủ thế này, nên đêm nay họ được dịp làm quen, nói chuyện làm ăn, chuyện nhà chuyện cửa, chuyện học hành, chuyện chồng con,... Một cô nhìn quanh khung cảnh đình làng một lượt, mấy cây cờ hội tung bay trong gió trắng Đình. Một cây cờ vuông nhiều màu sắc được treo trên cây tre to tướng thẳng đuột dựng trước bình phong một đoạn xa. Trên đó có treo mấy cái lồng đèn. Lá cờ tung bay trong gió nghe phàn phật. Rồi cô để mắt vào chỗ có tấm bình phong có con nghê há miệng đưa bộ răng ra trông oai vệ. Thu độ rằng bình phong phải cao hơn người hẳn cả thước. Cô khẽ đánh nhẹ vào vai một cô bạn, rồi nói:

- Ai, phải anh chàng hôm khánh thành đình làng, ảnh đóng vai học trò gia lễ đó?

Cô gái nghe nói chăm chú nhìn về phía bình phong. Anh Hai Thu lui về phía sau một bước, tuồng cũng để quan sát mấy chị thanh nữ của làng đang tìm bạn hay sao ấy. Thu bâu trên lưng anh Hai không nhúc nhích. Cô gái nhướn người lên nhìn cho thật rõ, chỗ bình phong có ai đó đang trò chuyện cười vui cùng bạn bè hàng xóm.

Từ trong đình vọng ra tiếng gọi của cụ Thủ:

- Tuổi nay là đêm hát bội mừng đình làng được xây dựng lại khang trang, trước sau đèn hoa rực rỡ. Hồi tháng 6 đình làm chưa xong nên xuân kỳ cầu an chuyển đến tháng mười một này. Sang năm, xin lại giữ đúng nguyên lệ. Làng ta xưa nay là làng nghề thuốc lá. Đình làng vừa mới xây dựng lại, dân ta ai cũng náo nức tuân theo ý nguyện dân làng tô điểm, sửa sang, tề chỉnh ở đây, ai cũng có tinh thần tự coi như có bổn phận với làng. Cho nên đình làng được như ngày nay là điều đáng mừng. Mời bà con tập trung về đình để xem hát bội mừng khánh thành đình làng.

Ông Thủ nói xong, mọi người lại ồ lên trông đợi đêm hát. Lại có tiếng gọi nhau:

- Đây, tui xướng tên để các cụ, thân hào nhân sĩ nghe mà vào việc tuổi nì, chuẩn bị khai châu hát bội kéo khuya. Mấy ông Hương, ông Trùm, ông Thủ,...ai có việc gì vào việc nấy. Mời cụ Cử vào khai châu.

Mọi người lặng im nghe ông Thủ, xong rồi lại ồn ào bàn tán rộ lên. Ông Thủ lại gọi lớn, hỏi trống không:

- Các cụ đến đủ chưa?

Một người chạy đến thưa:

- Dạ, còn thiếu mấy ông nữa.

- Anh đánh một hồi chín tiếng trống, giục các ông đi, kéo trời khuya rồi!

Người giúp việc đi lại nắm dùi đánh to, rõ một hồi chín tiếng trống. Mấy cụ già làng đến trễ vội bước nhanh vào sân đình. Ông Thủ quay sang hỏi người giúp việc:

- Sửa soạn khai châu được chưa?

- Dạ, xong rồi cụ, hàng đèn trên bàn thờ đã thắp lên từ sớm, chầy được phân ba rồi cụ, hương cũng sắp tàn rồi.

Ông Thủ hô lớn:

- Chuẩn bị xây châu các ông! Các vị tư văn, tư lễ, chấp kích mặc áo vào đi chớ!

Người giúp việc lại nói:

- Còn thiếu cậu Hoàng!

- Ủa, lạ thiệt! Răng không nhắc cậu ta hử anh?

Rồi ông Thủ chắc miệng:

- Cha chả, cái thằng lại trốn đi chơi đâu rồi! Anh xem hán có ngoài sân không, gọi vào đây.

Người giúp việc bước ra sân nhướn người tìm cậu Hoàng, chen trong đám đông về phía bức bình phong, anh giúp việc bắt gặp chú Hoàng đang đứng nói chuyện với cô thanh nữ mà mới cách đây một lát, Thu và anh Hai hán gặp ở phía bên chái hiên đình. Người giúp việc nắm tay chú Hoàng:

- Này Hoàng, các cụ đang chờ!

*

Trên mặt trống châu, ông Cử chăm thất tinh gì đấy, ông nội Thu bảo thế, rồi ông nắm dùi trống có phủ chiếc khăn đỏ đánh ba hồi trống dài. Đứng cạnh ông nội Thu là ông Trùm, có ông

Hương nữa, hai ông nói chuyện với nhau, Thu bâu trên lưng anh Hai, nghe ông nội hần nói với ông Trùm:

- Nì, ông Trùm, người cầm châu phải thông thạo, phải biết ý nghĩa của mỗi tiếng trống mới dám cầm châu cho đêm hát chớ ông Trùm? Trống mà nổi lên mới hiểu được nhiều ý nghĩa thú vị từ tiếng trống từng tình đó, phải không ông?

Ông Trùm gật đầu tỏ vẻ tán đồng. Ông nói thêm:

- Tiếng trống phải reo vui bất tận, có lúc cũng phải thâm trầm lắng xuống thăm lăm chớ anh, có khi trống lại đập thành thỉnh như hờn hờ, có lúc như giận dữ, mà có lúc cũng loi nhẹ nhàng như là đồng lòng rồi đó anh Hương nọ.

- Ừ thì đánh châu, mà châu thì phải điểm thất tinh trên mặt trống. Họ điểm theo phép *nhứt tam thất trực như huyền, nhị tứ lục diệt tam biên* là đủ thất tinh đó anh. Ông cầm châu vừa chấm vừa đọc là *ta đang xuất hành, Võ Vương hộ vệ ta*² thì mới dám cầm châu chớ đâu phải ai cứ châu là châu đâu ông Trùm hợ.

Rồi hai ông lại bàn tiếp chuyện hát bội, chuyện tuồng pho khác với tuồng đồ thể nào, rồi phải hát làm sao cho ra được mặt tuồng. Trên tay các ông, điều thuốc lá Cẩm Lệ cháy lập lòe. Trên lưng anh Hai hần, thằng Thu gà gật ngủ vì đêm xuống lâu, sương bắt đầu lành lạnh. Các ông ấy bảo: Trong lúc cầm châu phải hiểu người diễn, họ vui hay buồn, mần đánh nhau phải đánh châu ra rặng, họ xuống nam ai phải đánh làm sao chớ đâu phải cứ cầm châu là *thùng thùng, thùng* ba tiếng đó mà giục mãi thì



² Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát.

rửa đầu phải cầm châu. Khó nhất là trong hát bội đó hử, điệu tầu mã là khó hát, người đóng vai thuộc hạng *nhưng* mới hát nổi chó đầu phải giỡn. Điệu tầu mã mà đánh không đúng coi như động dùi trống vào họng họ, làm răng họ hát.

Từ trong đình tiếng trống châu vang lên giục giã. Buổi hát bắt đầu.

Trên sân khấu, người ta thấy có một kếp hát, thay mặt cho gánh hát, hát mừng: *cá phơ vì giỡn nguyệt/ chim xòe cánh hưởng sương/ mừng nay quốc phú dân cường/ phi bấy phong điều vũ thuận.*

Màn khép lại rồi mở ra, các diễn viên trên sân khấu hóa trang như các vị tướng trong tranh. Màu mè ngũ sắc điểm xuyết, trông oai phong lẫm liệt. Đứa em của Thu nín lấy áo ông nội, hấn khóc thét lên khi nhìn lên sân khấu thấy các ông tướng mặt đen mặt đỏ, ra roi, múa kiếm thị uy. Hấn sợ hãi, bằng khóc thét lên to hơn rồi một mực đòi về:

- Ông nội cho con về. Con về ông nội ơi. Con sợ mấy ông trên nó quá!

Rồi cứ thế hấn vừa đòi về, nhắm nghiền hai mắt, vừa khóc om sòm lên.

Ông Trùm đứng cạnh ông nội Thu lên tiếng quở:

- Cha chả! Cái thằng này, sợ chi mà khóc, để ông nội coi hát bội chó con!

Em Thu vẫn khóc, hấn khóc to hơn, nín tay, nín chân ông hấn khóc. Một mực hấn đòi về. Hấn dậm chân ình ìch. Bà nội Thu đứng phía trước quay người lại, nói:

- Cái thằng mới lạ. Đưa bà bông hỉ?

Em của Thu vẫn không chịu. Hấn ngưng nguẩy. Hấn cứ khóc. Tiếng hát trên sân khấu vang ra mà người chung quanh đây không nghe được. Bà nó thấy vậy, giục ông Hương:

- Hay mình về trót ông. Về nhà tui đỡ cho hấn ngủ, ông ở lại đây coi với ông Trùm.

Nhưng hấn vẫn không chịu, một mực, đòi ông nội hấn phải cõng hấn về cho hấn ngủ vì sợ mấy cái

ông trên nó lắm. Ông hấn giận, phát vào mông hấn một cái, nhưng vẫn không cải thiện được tình hình. Ông Trùm đứng bên đề nghị:

- Anh Hương đưa hấn về cho hấn ngủ rồi ra coi cũng được anh. Chớ thế ni không ai quanh đây mà nghe được.

Ông nội Thu đành công thẳng em hấn chen ra khỏi đám đông.

Đêm hát bội tại đình, dân làng được một phen mãn nhãn. Trước khi kết thúc đêm hát, có một đoạn hát định đô, tức phải giết cho được nịnh thần (nếu trong tuồng ấy có nịnh) và tôn cho được tân vương. Câu hát định đô cất lên:

Biên thù đà dẹp yên quân giặc

Không còn dấy động can qua

Truyền bá quan yên vị

Truyền nội thị đãi yến bá quan

Nay nước nhà đà thanh trị

Lấy đức rải bốn phương

Ra ân nuần trăm họ.

Trên sân khấu, bảy giờ tất cả đào kép đồng xướng:

Vạn tuế!

Vạn vạn tuế!

*

Đêm hát bội đã khuya, bà con ai nấy băng qua trăng Đình thông thả về nhà, bàn tán xôn xao nhất là các điệu xuống nam của Thoại Khanh Châu Tuấn nghe mà nảo nuốt. Hay thật. Có người bảo: hát bội là rứa hả, bữa ni tui mới biết đó. Rồi một ai đó chen vào: chớ đã coi hồi mô đâu. Nghe đâu làng mình hồi trước có ông Võ Văn Lân không có con trai, rồi ai bảo ổng đến chùa làng ăn chay năm đất cầu tự, chắc được. Sau ông sinh được con trai. Mừng lắm, ông rước gánh hát tận đâu trong Tam Kỳ, Khánh Đức chi đó về hát tạ mấy đêm liền tại chùa làng mình nợ. Rồi ở Cẩm Lệ, nghe có ông Nguyễn Nghị mời gánh hát trong Hội

An ra hát trả lễ, sau khi ông cầu tự đạt nguyện vọng. Đợt đó, người ta bàn tán hát tới ba đêm tại Miếu Một, gần bến Thủ Suyền đó. Trên đường về nhà, họ vừa đi vừa kể. Có người phía sau hỏi gặng: có thiệt không. Một người khác nói: Thiệt không, lâu rồi không rõ, nhưng nghe thiên hạ kể rứa, không biết có đúng không. Chớ bà con không nghe ở làng Phong Lệ, có ông Phó Phong hứa với thần thánh là Tết mời gánh hát về hát lễ. Trong thiên hạ kể nhiều chuyện về hát bội ni lắm. Ông Hương Lan mô đó, sau khi được công nhận cụ Hương, ông rước gánh hát về hát trả lễ dịp Tết. Người ta kể rằng cụ rước gánh hát là tại mua được bằng phong chức Hương, có tổ chức đãi đằng như rúa làng họ mới công nhận và nể trọng, mới đáng mặt ông Hương. Rồi lúc đó người trong làng gọi ông là ông Hương.

Trời càng về khuya càng lạnh lạnh, thằng Thu ngủ ngon lành trên lưng anh Hai hấn. Đứa em gái mẹ hấn bông trên tay cũng ngủ không biết hát bội bao giờ. Qua khỏi ao Cù, ai về nhà nấy. Chó sủa theo chân người trên đường làng rợp lũy tre xanh.

Mẹ Thu và anh Hai hấn đẩy tấm cửa bước vào nhà, ánh đèn vàng đục hắt ra sân một vệt mờ mờ. Ông nội Thu từ trong chõng tre lên tiếng:

- Chu cha kiêu ni, bội với biếc chi, bánh dầu già không xong, mà coi hát cũng không xong!./.



Tranh: Hs. Lê Huy Hạnh

HẠ ANH

KHOẢNG TRỐNG

Mấy ngày nay mưa lớn. Mưa kéo dài, nước từ các khe, hồ trên núi đổ về. Cánh đồng Phước Tường, Nghi An rồi Bàu Voi của làng Đồng Bè đổ xuống. Nước từ trong sân bay theo mương Hương Mãn đổ ra, ... Nước từ phía dồn hết vào cánh đồng Bàu Da, dâng lênh láng đổ dồn vào chỗ trũng, nhiều hơn cả là khu vực chợ Hòa Cầm, Bệnh viện Cẩm Lệ, ... Giao thông gặp nhiều trở ngại, phương tiện đi lại trong mùa mưa lụt chỉ vài chiếc ghe nhỏ của mấy gia đình làm nghề cất rở, thả câu trên sông Cẩm Lệ, nên đoạn trũng sâu, có trăm người chờ nôn nao qua phía bên bờ cao ráo. Họ bàn tán xôn xao. Kẻ nôn nóng về nhà. Người lang thang xem nước lũ, lội vào vùng nước ngập mênh mông ngang quá gối. Long cũng chìm đắm trong suy tư, bao nhiêu kỉ niệm của thời trai trẻ chợt hiện về.

Nước chảy xiết, từng cụm bèo lục bình trôi dạt vào bờ, chúng cũng lang thang dọc theo dãy phố cao tầng hai bên đường nhựa trước khi kéo ủa nhau ra phía hói Dừa. Chúng chạy theo dòng nước và bị xé tan từng cụm nhỏ. Long liên tưởng tới cuộc đời hợp tan, tan hợp. Mấy ai lường được khu chợ Hòa Cầm chìm trong nước lũ. Người ta tất bật dọn dẹp, chuyển hàng hóa đến chỗ cao hơn. Đằng kia, đám bạn trẻ trai gái, họ đùa giỡn với nước, tung tăng trên đoạn đường ngập cạn. Mưa vẫn còn lất phất, họ kẻ nhau chung trong một chiếc ô. Mùa mưa lũ trông cũng nhộn nhịp lắm.

Long miên man trong suy tư riêng mình giữa ban mai trời còn lấm tấm những hạt mưa. Ừ, ngày ấy một ngày cũng mưa lũ thế này, người người kéo nhau đi xem nước đổ về, những khúc gỗ dập dềnh trôi trên mặt sông Cẩm Lệ về phía biển. Các cụ cao niên bảo đây là vua Thủy Tề muốn lấy súc xây cung điện nên súc trôi về nhiều có kể. Rồi chính vào bữa mưa lũ đổ về thôn xóm Long, một cuộc gặp tình cờ không hẹn trước để rồi chàng nặng nợ với người con gái Thu Lan. Từ cái ngày mưa lụt năm nào, hình bóng người con gái ấy rong ruổi theo chàng suốt thời trai trẻ.

Long cố quên, mà làm sao quên được. Mỗi lần nhắm mắt, Long lại thấy hình bóng Thu Lan hiện lên rõ hơn. Trái tim son trẻ một thời mơ mộng đã trót ghi hình ảnh Thu Lan rồi. Phải, tôi yêu người con gái ấy, một thời “yêu cả đường đi lối về”, yêu khu phố Cẩm, yêu luôn mái trường Hòa Vang ngày hai buổi đón nắng.

Dưới cái nhìn của tôi, Thu Lan đẹp lắm, đôi mắt mơ màng, vẻ mặt hiền từ, dáng dấp nhỏ nhắn đáng yêu, bởi sự duyên dáng trong cử chỉ của nàng. Buổi gặp đầu tiên tôi bị thu hút bởi ánh mắt thu hồn của nàng. Rồi từ đó tôi tìm đến để được quen nàng.

Những tháng năm dài từ tình bạn thân thương, dần kéo nhau đến tình cảm sâu đậm và mong nhiều ước vọng. Những ngày nghỉ học, tôi thường đưa Lan đi chơi những nơi nàng thích. Có lần chúng tôi đi trong mưa. Mưa nặng hạt thả vào lưng nàng những tiếng cười con gái, vào mặt nhau những hạt mưa làm tôi phải để mắt đến nàng. Mưa có hơi lạnh ủa vào không gian nơi tôi với nàng dừng chân chờ cho mưa tạnh ráo. Nàng đưa cánh tay trắng mềm mại lên che mưa. Nàng vuốt những hạt mưa lăn tăn

trên má tôi. Tôi nhẹ cắn ngón tay nàng, lòng tràn ngập niềm vui hạnh phúc. Nàng ngúng nguẩy: Không thèm che mưa cho anh nữa, ai bảo cắn người ta chỉ. Nàng đắm yêu thình thịch lên lưng tôi. Tôi đón nhận với niềm vui sung sướng, mê mê hạnh phúc đến vô cùng.

Chiếc xe đạp rẽ qua khúc cua có đoạn nước trũng rồi dừng lại, nàng bảo tôi dừng xe. Nàng bước vào vùng nước bạc lênh láng. Tôi hỏi nàng: Lạnh không em? Nàng không nhìn tôi, lại nghi vấn: Anh có lạnh không? Không! Có em bên cạnh lẽ nào... đi bên em, anh thấy ấm lòng rồi. Nàng ghét yêu: Xạo lắm, chỉ khéo nịnh.

Hai đứa lại đi lòng vòng xem nước lụt. Xem nước lụt xưa nay vẫn là cái thú mà! Người miền đồng bằng mỗi năm trông cho trời làm lụt một lần. Lụt làm cho mọi lo toan đời thường trôi tuột, các loại rắn rít, chuột bọ, cả họ hàng nhà đẻ cũng trôi tuột ra sông để rồi một vụ mùa mới lúa khoai tăng sản nhiều hơn. Tôi nắm tay nàng nhìn xa về phía đằng kia, chỗ đoạn ngập nước vắng người lại cũng có mấy đôi bạn như tôi. Họ cũng nắm tay nhau đi trong dòng nước lụt. Họ quẫy chân đùa nước, trông hạnh phúc như hạnh phúc của tôi bữa ấy, đùa nhau trong nước lụt dâng tràn.

Tôi đặt tay lên vai Thu Lan. Đừng anh, tay anh lạnh lắm. Tôi vít đầu Thu Lan vào ngực. Tôi hôn lên tóc nàng. Mưa vẫn bay từng làn như bụi, lấm chấm vào đôi trai gái.

- Em biết không, ngày anh còn nhỏ cứ trời mưa là anh trốn học, theo chân các bạn cùng xóm, lội nước khắp các ngõ, kiệt trong làng. Hễ mẹ bắt được là ăn đòn đích đáng. Mà hay, mẹ đánh anh mấy roi, lại xoa đầu anh vỗ về. Bây giờ nghĩ lại thấy thương mẹ vô cùng. Còn em có nghịch nước lụt như anh không?

- Còn hơn anh nữa, em nghịch nhứt nhà nên thường bị mẹ cho đòn.

- Tôi vậy sao em tôi. Lan cười. Khéo nịnh. Hai đứa cùng cười. Tôi kéo Thu Lan sát vào người.

- Cái anh này, chỉ được lợi dụng lúc người ta sơ hở. Nàng béo yêu lên má tôi.

Những giọt mưa ngọc ngà chưa muốn dứt cứ điểm nhẹ lên má Thu Loan. Mưa! Ừ thì mưa lạnh nhưng không làm cho hai má nàng nhợt nhạt. Ôi, hạnh phúc êm đềm, nhẹ nhàng quá, xin cho tôi được sống mãi với niềm yêu thương, với hạnh phúc

này. Tôi mong một người vợ như Thu Lan, duyên dáng đi bên chồng suốt cả những năm tháng cuộc đời. Ừ! Hạnh phúc, cái gì đó lại rất mong manh như tờ giấy trước gió, cái cúi mặt vô tình hay cái thở dài vô cớ cũng làm cho tờ chồng lay động. Tôi vội dập tắt những hình ảnh mong manh đó. Tôi sợ lắm. Tôi sợ một ngày kia, biết đâu...

- Thôi đủ rồi, xem nước lụt chừng đó là hay lắm rồi, về anh. Về kéo nhà mẹ trông.

Tôi đưa Lan về vừa tới đầu cổng, Thu Lan nhìn vào nhà, buột miệng: Ỗ! Anh, ba mẹ có nhà kìa. Ba mẹ biết tội mình đi nghịch nước chắc bị quở đó. Ba mẹ Thu Lan niềm nở mà, lại vui nữa, các em nằng cũng vậy. Ba Lan hỏi tôi: Lâu nay sao không thấy đến nhà bác thăm chơi. Tôi nhanh nhẹn trả lời: Dạ bác, cháu lo học thi, kỳ thi cũng sắp đến rồi! Hèn chi tuần rồi không thấy tới. Dạ, năm cuối nên cháu lo lắm bác. Học hành chuyên cần như cháu vậy, kỳ thi năm nay chắc là đậu mà! Đừng lo lắm cháu. Dạ! Nhỏ Lan sang năm lại đến mùa thi, vậy mà hể đến mười giờ đêm là tắt đèn đi ngủ!

Lan nghe được, buột miệng: Ba cứ nói xấu con hoài. Anh Long còn lơ đễnh hơn con. Ừ! Học hành như con thì sang năm đến kỳ thi, chẳng cần xem bảng cũng biết đậu là cái chắc rồi. Nói xong ông cười vui tờ mở. Cả nhà cùng cười theo lời nói đùa của ba Lan. Thu Lan xấu hổ úp mặt vào tập vở, trông nằng ngậy thơ duyên dáng đến nao lòng.

Ngày tháng qua nhanh, tám bằng tốt nghiệp của kỳ thi năm đó, tôi đạt kết quả tốt đẹp. Ôi, trên cả sự mong muốn. Tôi tràn đầy những ước mơ, về vời một tương lai sáng sủa, nhưng rồi những ước mơ đó có đúng với thực tế của cuộc đời vốn đầy sóng gió. Chiến tranh ngày một ác liệt, kẻ còn người mất, kẻ ngược người xuôi, bạn bè tôi như đàn ong vỡ tổ, tan tác mỗi đứa một phương trời. Cánh cửa Đại học khép lại. Mong vàng tan biến! Tôi sợ mai này lạc mất Thu Lan. Tôi muốn nằng là của tôi suốt cuộc đời này. Hai đứa quyết định xin phép hai bên cha mẹ để tôi và nằng nên nghĩa vợ chồng. Được tin, hai bên người lớn cũng rất đẹp lòng ủng hộ cuộc tình của chúng tôi.

Nhưng đau đớn thay, vì thương con theo cách ông bà xưa, lo lắng cho con đường hạnh phúc tương lai, các cụ tính toán thế nào mà kết quả chung cuộc tôi và Lan nhận kết quả đắng cay,

nghiệt ngã với mối tình tưởng không thể nào hạnh phúc hơn thế nữa. Phải chia tay với Thu Lan thật sao!

Sách vở Tàu ghi ra sao tôi không am tường việc ấy, vậy mà chung cuộc tôi và Thu Lan không thể đến với nhau được nữa. Các cụ bảo tuổi tôi và nàng không thể nào đồng thuận, không dung hợp nhau, không ăn ở với nhau được trọn đời. Toàn những “không” chia cắt. Các cụ còn bảo hai đứa có duyên mà không có nợ. Gặp nhau rồi cũng đang dở nửa chừng. Hai bên cha mẹ đã chọn phương án cuối cùng thà buồn thương chia cách bây giờ rồi ngày tháng, thời gian sẽ làm phai pha thương nhớ, chứ không để hai đứa phải đau khổ, chia lìa khi đã nên nghĩa vợ chồng.

Không kìm nổi sự hụt hẫng của cuộc tình bao năm tôi và Thu Lan xây đắp, hứa hẹn trăm năm. Hai đứa chìm đắm trong nỗi buồn xa cách. Ngày nào cũng tìm đến nhau than thở đất trời.

- Anh ơi, khổ lắm, làm sao em sống được?

Tôi cúi đầu bậm môi không nói nên lời, trong tôi cũng đã sờ đến tận cùng của sự khổ đau, mất mát. Tôi biết phải nói sao, biết phải hờn trách ai đây chừ với Thu Lan. “Không phải tại tôi cũng không phải tại em” mà! Người lớn cứ tin tưởng vào sách vở ngàn xưa để lại. Họ tin tưởng thời gian sẽ là liều thuốc làm phai nhạt tình thương của hai đứa.

*

Việc tới rồi phải tới, tôi quyết định lên bưng nhập cuộc, gọi mình trong quân ngũ, đòi lính phong sương chiến đấu giữ nước giữ làng và chấp nhận cuộc tình với bao hứa hẹn đành phải dở dang.

Trước ngày lên đường, tôi và Lan gặp nhau lần cuối. Nước mắt chan hòa trong nỗi đau mất mát. Tôi với nàng thật sự xa nhau sao. Tôi lặng người mạnh dạn: Đừng khóc nữa em. Ta đã yêu nhau cần gì chung sống một nhà. Mỗi đứa mỗi nơi mà lúc nào ta cũng nhớ đến nhau, mong cho cuộc sống bình yên là quý. Em có nghe một thi nhân nào đó nói “Tình chỉ đẹp khi còn dang dở. Đời mất vui khi đã vẹn câu thề”. Tôi tỉnh người, vào lúc khổ đau mất mát này, tôi triết lý băng quơ để tự an ủi con tim đau nhói của mình. Đành thôi! Con thuyền tình bé nhỏ của tôi ơi, hãy lặng đi, đừng làm tình làm tội. Tôi cay đắng lắm rồi. Lan khóc, gục đầu vào vai tôi, nước mắt giàn giụa. Tôi cũng nghẹn ngào rung rung nắm tay Lan...

Đặt nụ hôn lên tóc, lên môi Lan trong ngấn lệ rung rung. Mùi tóc, mùi thơm con gái làm tôi say đắm, làm sao tôi quên được. Trời hỡi! Sóng dồn như muốn ngát, cái gì của tuổi thanh xuân một thời con gái, căng phồng, trắng mịn. Tôi chạm tay vào. Tôi hôn lên đó. Áp tai lên đó, nghe từng nhịp đập thổn thức của trái tim nàng. Thu Lan lồng bàn tay thon nhỏ vào mái tóc rối bời của tôi, âu yếm ngọt ngào. Tôi nhắm mắt chìm trong tê mê thánh thiện. Tôi không dám tiến thêm bước nữa, bước qua bức tường lễ giáo ngàn đời mà người xưa đã vậy. Tôi không để mất cái trong thanh cao quý của Lan, của đời con gái, của người tôi yêu.

Nhớ ngày xưa còn nhỏ, cứ sáng ra tôi mê mẩn ngắm những giọt sương mai đọng trên ngọn cỏ. Giọt ngọc sương long lanh qua tia nắng sớm. Cậu bé ngày ấy mê mẩn vô cùng. Nhìn thật sát nhưng không dám sờ mạnh, sợ giọt sương tan. Có lần cậu muốn đem giọt sương qua bàn tay mình. Nhưng nào có được. Mới động vào, giọt ngọc đã vội tan biến, để lại ngọn cỏ chơ vơ... Mãi đến ngày khôn lớn, tôi đã biết cách kẹp giọt sương qua tay mình mà không sợ vỡ. Nhưng tôi chẳng muốn làm việc ấy bao giờ. Cứ để giọt sương mãi nằm yên trên ngọn cỏ mà cậu bé ngày xưa trân quý.

Buổi chiều tôi đưa nàng về đến cổng nhà. Buồn làm sao. Giọt nắng vàng còn sót lại như nhảy múa trên tóc nàng. Con gió cuối thu thổi qua nghe lạnh lạnh. Thu Lan bước chậm chậm vào nhà như níu kéo thời gian chùng lại. Tôi nhìn theo lòng tiếc nuối ngậm ngùi.

*

Hành trang của cậu học trò xếp bút nghiên lên đường chinh chiến, có gì đâu, một chiếc khăn tay thơm mùi con gái Thu Lan, mùi của nước mắt, của một cuộc tình dang dở. Và một chồng thư mang đầy chứng tích ngày hai đứa yêu nhau, đầy ấp những hứa hẹn vương tròn. Để lại quê nhà mẹ già với đàn con nhỏ. Nước mắt mẹ chảy dài tiễn đưa con yêu. Đây là kỷ niệm một thời, cậu ấy đã mang theo.

Biên biệt năm năm, bao dâu bể cuộc đời, rồi một ngày tôi gặp em. Tay em bông, tay em dặt, tôi thần thờ vừa mừng vừa tủi.

Mừng cho em có bến đỗ bình yên. Còn tôi tiếc rằng đã mất em, vẫn lênh đênh theo năm dài tháng rộng.

*

Trong quán bên đường tiếng ai vọng ra: Ê! Bạn già! Đi đâu thần thờ vậy cậu? Tiếng gọi của Minh làm tôi giật mình, cắt ngang dòng suy nghĩ miên man về cố nhân ngày ấy. Tôi nhìn vào quán. Minh, bạn tôi. Cậu ta vồn vã: Vào đây bạn già, cà phê đã, mấy khi anh em gặp nhau. Chừ bạn hữu anh nào cũng ngoài bảy mươi cả rồi. Gặp nhau thấy khỏe là quý, là mừng!

- Lâu nay cậu làm gì? Nói nghe!

- Ôi, làm gì đâu. Con cái chúng có gia đình ở riêng cả rồi. Mình thỉnh thoảng giúp bọn trẻ, đưa các cháu đi học thôi.

- Cậu nhớ chứ, lớp thời phổ thông của mình ra Tết này, mừng năm là mời họp mặt đó. Nhớ đi hội ngộ nghe!

- Ủ, đi chứ. Đến để gặp gỡ anh em, để tìm lại kỷ niệm bình yên một thời đi học, của cái thời rong chơi đầu trần chân đất chứ bạn!

- Phải rồi! Cậu còn nhớ ngày ấy, cứ hễ nghỉ học được bữa nào là bọn mình kéo nhau lên nhà các bạn ở Đồng Bè chơi. Ở đó nhà bạn nào cũng có vườn cây trái hì. Đi ra là gò, đồi... tha hồ mà bắt cá, đánh chim. Mấy con cu ghì, có bộ cườm phải đẹp! Lang thang khắp đồi nọ, gò kia hái đủ dẻ, trái nhãn rừng... còn nhớ không? Rồi đến mùa xoài, những cây xoài già dang tay như cái dù che mát một khoảng trời yên ắng đến là thích. Đám bạn rủ nhau nằm bên gốc xoài già mát rượi, nhìn lên những trái xoài tượng đu đưa trong gió in lên nền trời xanh mát mới là bình yên chứ. Vui hì!

Kỷ niệm thời đi học ủa về bao nhiêu là chuyện. Nhấp tí cà phê, chuyện vãn về thời đi học, lại nhớ những người bạn ngày xưa xa lắc ngầy ngô đến là thương. Nay ở Đồng Bè còn được mấy người, nhớ bạn Lê Ngô, bạn Trần Hùng... nhiều mà. Tiếc, các bạn Ngô Gia Phụng, bạn Trường Thanh Hương thì đã rời cõi tạm yên nghỉ tự lâu rồi.

*

Còn ta? Cuộc tình dang dở đã hơn năm mươi năm rồi, nửa thế kỷ trôi qua rồi, những tháng năm thăng trầm dâu bể của cuộc tình. Hố thăm thời gian đã vùi chôn tất cả...

Vậy mà sáng nay, trận mưa lũ bất thường của tiết cuối thu, nước đổ về lênh láng. Nước xô dạt từng tảng bèo lục bình bênh bồng về phía hồ Dừa, trong cái xôn xao của dòng nước bạc, nơi ngày xưa chứng kiến những mối tình của tiền nhân vời vợi, lúc hợp lúc tan: “Giả đồ đi chợ hái dừa. Xăm xăm bước tới hồ Dừa gặp nhau”. Nước lụt gợi nhớ mối tình ngày ấy của tôi. Hình ảnh Thu Lan lại dậy lên trong tôi là hình ảnh của sự đổ vỡ một cuộc tình. Nhìn dòng nước lũ, tôi như kẻ mộng du giữa xôn xao con nước hối hả trôi về biển lớn.

Lòng dậy lên chút trắc ẩn u hoài!

Thu Lan ngày ấy bây giờ còn lại gì trong tôi, Một cuộc tình trôi dạt theo dòng nước lũ, ra khơi mênh mông là biển cả. Còn lại trong tôi là khoảng trống chơi vơi, tôi như không còn điểm tựa yêu thương. Sự tiếc nuối và già cỗi là hiện thực tôi đang nắm giữ. Minh siết chặt tay tôi: Thôi anh bạn già ơi. Chuyện đã xa rồi. Quên đi bạn. Bình yên đi bạn. Hẹn mặt bạn hữu năm nay nhớ tin anh em đi đông đủ cho vui hì.

Tôi nhìn Minh: Có tuổi rồi, gặp nhau một bữa là mừng!

Cuối thu Quý Mão, 2023



NGUYỄN QUANG HIỀN*

ĐỒN ĐIỀN PHONG LỆ - XỨ QUẢNG: ĐỒN ĐIỀN CÀ PHÊ ĐẦU TIÊN Ở TRUNG KỲ

Ông Camille Paris, cựu trung sĩ thủy quân bộ binh (sergent - infanterie de marine), sau khi giải ngũ, nghề nghiệp chính của ông là chủ sự của ngành dây thép (bưu điện) nên ông đã từng chỉ đạo thi công đường dây điện báo Saigon - Tourane - Huế (1894) và cũng đã từng nhận lãnh sứ mạng như là một nhà khảo cổ học (1896); nổi bật hơn cả, ông là một colon (người khai thác thuộc địa) đã trồng thực nghiệm các loại cây trồng nhiệt đới tại Đà Nẵng và miền Trung như: cao su, cau, hồ tiêu... Sau 4 năm trồng thử nghiệm cây cà phê và cây chè ở vùng lân cận Tourane³, ông C. Paris đã viết sách về 2 loại cây này: *Le thé d'Annam*, in tại Hà Nội năm 1894 và *Le café d'Annam*, tác giả trồng thực nghiệm tại Tourane, sách in tại nhà in Indépendance Tonkinoise năm 1895.

Trong phần mở đầu sách *Le café d'Annam*, ông C. Paris dành chỗ cho bức thư ngỏ gửi Khâm sứ Pháp tại Trung kỳ, ông Ernest Albert Brière (1891-1897), trong đó có đoạn: “Bỗng chốc giờ đây đã được 4 năm, đầu tiên tại An Nam, tôi đã thử tạo lập một đồn điền trồng cây cà phê”⁴ - gọi là “đầu tiên tại Annam” theo ông C. Paris tự nhận trong sách của mình viết về đồn điền

* Nguyên Phó Giám đốc Công ty điện lực Gia Lai.

³ Thời điểm này Tourane là thành phố nhượng địa và từ “Annam” được hiểu là Trung kỳ.

⁴ C. Paris: *Le café d'Annam*, Chez L'auteur, 1895, tr. 7.

cà phê thực nghiệm này. Vị trí ông C. Paris lập đồn điền không xa Tourane lắm, xe hơi thời đó có thể đến dễ dàng vì chỉ cách Tourane 7 cây số⁵; một tờ báo của Pháp thời đó đã viết: “cách Tourane một giờ chạy xe”.

Vì để trồng thử nghiệm và cũng vì lý do vốn liếng đầu tư nên ông C. Paris chọn phương án lập đồn điền chỉ có diện tích khoảng 25-30 ha⁶, để được quyền sử dụng 25 ha này, ông Paris đã phải trả 200 piastres (đồng Đông Dương, theo thời giá 1 piastre = 3,65 Francs, tức khoảng 730 F; tuy nhiên trên giấy nhượng bán của làng sở tại chỉ ghi 160 piastres vì số tiền còn lại các chức việc của làng xung quỹ làng để dùng vào các việc công ích)⁷, quy mô này nếu gọi là đồn điền theo các ông hùn vốn để tạo lập nó cũng được, mà gọi là tiêu điền hoặc vườn thực nghiệm cũng được. “Bên cạnh đó, đồn điền của các ông C. Paris và De Pongerville được quản lý như một khu vườn và chỉ với số vốn dự kiến độ 30.000 Francs”⁸.

Ước tính của ông C. Paris về thành quả sau 4 năm tạo lập đồn điền này cũng tựa như câu chuyện “gà đẻ trứng vàng”, ông ta đã viết: “Chúng ta có thể bằng lòng trồng trên diện tích 25-30 ha, 40.000 cây cà phê và đến năm thứ 4 giá trị sản phẩm tính gộp (cả vốn lẫn lãi) đạt 50.000 F, lợi nhuận ròng là 20.000 F, (so với số vốn ban đầu như đã nói ở trên là 30.000 F)”⁹. Nếu được như vậy quả là quá ngon ăn!

Cách bố trí cây trồng theo ông C. Paris mô tả là các hàng cây cà phê cách nhau 3 mét và cây nọ cách cây kia cũng 3 mét. Như vậy, cứ 9 m² thì có 4 cây cà phê ở 4 góc, với số cây đã dự kiến trồng, 40.000 cây như ông viết trong sách, thì choán cỡ 30 ha là hợp lý - nói là dự kiến vì sau khi viết sách, lúc chuyển giao đồn điền cho ông De Pongerville thì ông C. Paris chỉ mới trồng được 25.000 cây cà phê với các độ tuổi khác nhau.

⁵ C. Paris: 1895, đã dẫn, tr. 12.

⁶ C. Paris: 1895, đã dẫn, tr. 12.

⁷ C. Paris: 1895, đã dẫn, tr. 39-41.

⁸ C. Paris: 1895, đã dẫn, tr. 11-12. Ông Pongerville là người tiếp nhận, quản lý đồn điền cà phê này, sau khi ông Paris rút vốn để hùn hạp với người khác là ông Delignon cư ngụ tại Qui Nhơn.

⁹ C. Paris: 1895, đã dẫn, tr. 12.

sauvetages”). Khoảng năm 1896, ông C. Paris giao lại toàn bộ đồn điền cà phê Phong Lệ cho ông De Pongerville, một cựu sĩ quan thủy quân bộ binh (vì các báo không nói rõ, họ ghi là 2 người này cộng tác với nhau từ ban đầu và sách báo Pháp từ 1898 trở đi chỉ ghi tên chủ đồn điền là De Pongerville, còn ông C. Paris từ 1898 hùn hạp với ông Delignon, kỹ nghệ gia về tơ lụa ở Qui Nhơn, để tạo lập đồn điền khác tại Dak Joppau trên cao nguyên An Khê, thời điểm đó An Khê còn thuộc tỉnh Bình Định; vì vậy có thể là ông Paris rút vốn khỏi đồn điền trồng cây cà phê thử nghiệm chứ không phải nhượng lại).

Tạp chí “Revue coloniale France service des Renseignements commerciaux et de la colonisation” số ra ngày 29-3-1898 viết: “Đồn điền De Pongerville, rộng khoảng 25 ha, cách Tua-ran 1 giờ chạy xe, tự mình ông De Pongerville, cựu sĩ quan thủy quân bộ binh, là người quản lý. Đồn điền này được tạo lập năm 1891 bởi ông C. Paris, công việc chính là chủ sự buro điện Tourane. Đồn điền chủ yếu trồng cây cà phê và các loại cây phụ là: cau và hồ tiêu”. Đoạn văn ngắn này đã khẳng định: Đồn điền cà phê Phong Lệ được ông Camille Paris tạo lập năm 1891.

Khi xin đất lập đồn điền Phong Lệ, ông C. Paris đã được cấp theo dạng nhượng địa không tốn tiền chỉ phải nộp thuế sau 3 năm tạo lập đồn điền (tạp chí Revue Colonial viết ông Paris được cấp nhượng địa, nhưng trong sách của mình, ông C. Paris viết: vì là khu đất đã được khai hoang và có đường giao thông lui tới dễ dàng nên ông đã trả tiền đền bù cho làng để nhận giấy tờ thỏa thuận nhượng đất như nói ở trên). Sau đó, để mở rộng đồn điền về phía sát sông, ông De Pongerville đã phải mua lại đất gò đồi của làng người Chăm kề cận: Từ khi ông De Pongerville thay thế hoàn toàn người cộng sự thuở đầu, ông đã khai hoang gò đồi sâu trong nội địa, nằm sát con sông của Tourane và nơi gò này có nhiều cây cỏ thụ che kín các phế tích Chăm. Với phần đất gò đồi của người Chăm để mở rộng đồn điền thêm 60 ha nữa, ông De Pongerville phải mua của các làng lân cận với giá 120 đồng Đông Dương¹⁰ (trên giấy tờ thỏa thuận nhượng bán của làng chỉ ghi có 100 đồng Đông Dương với tỷ giá của năm 1894 chỉ còn 1\$ bằng

¹⁰ “Plantation de Pongerville, près Tourane”, *Revue colonial France service des Renseignements commerciaux et de la colonization*, 29-3-1898.

2,85 Francs, số tiền còn lại làng xung quỹ để lo các việc công ích như đã dẫn ở trên), và khi phát quang ông đã phải thuê nhân công là những người nhà quê theo đạo công giáo vì những người bên Phật không dám nhận làm vì họ sợ kinh động giấc ngủ của các vị thần linh ẩn mình dưới các tảng đá cổ”¹¹.

Khi chuyển qua ô De Pongerville, đồn điền trồng chủ yếu cây cà phê và các cây khác phụ thêm là cây cau và cây hồ tiêu¹² (một số tác giả gần đây viết ông Paris trồng thơm và cà phê, nhưng các sách báo Pháp lưu trữ không nhắc đến cây thơm do ông Paris trồng, có thể cây thơm được trồng sau). Trong đó gồm có: 25.000 cây cà phê, 7.000 cây cau và 5.000 cây hồ tiêu, tất cả đều là cây cà phê Libéria (hay còn gọi là cà phê mít), và một số ít cây cà phê giống Royal Bourbon (tức giống cà phê Moka) do ông Paris đã trồng trước kia, nay được thay thế bằng giống Arabica¹³ (cây cà phê chè). Theo số liệu ghi năm 1899, lúc đó đồn điền đã có 4.200 cây cà phê được 8 năm tuổi (số còn lại là 7 năm, 6 năm, 5 năm và ít hơn 5 năm), những cây đầu tiên này mua giống từ Nam Kỳ (Cochinchine) và mới được 8 năm đã ở tình trạng phát triển kém, còi cọc, khô cằn¹⁴. Mặc dù đồn điền có sự chăm sóc chu đáo của chính bà chủ nhân De Pongerville (ở ngay tại đồn điền) nhưng kết quả không khả quan, không thể hài lòng được¹⁵. Cứ với hơn 10.000 gốc cây cà phê đến giai đoạn thu hoạch sinh lợi, vào năm 1897, ông De Pongerville chỉ thu được 400 kg cà phê thương phẩm¹⁶. Đồn điền đã gánh chịu một kết quả kém thú vị từ những thử nghiệm của ô C. Paris trên cây cà phê đã trồng và không hề có hy vọng đạt được năng suất bình thường¹⁷.

Một thương nhân người Hoa ở Tourane, Chang-vo, đã chào giá 1 đồng Đông Dương cho 1 kg cà phê thương phẩm của

¹¹ 01 đồng Đông Dương năm 1891 giá khoảng 3,65 Francs; đến năm 1894 tỷ giá chỉ còn 2,85 F và 1 kg cà phê nhân họ chào giá 1 đồng/1kg.

¹² “Plantation de Pongerville, près Tourane”, 1898, đã dẫn.

¹³ “Plantation de Pongerville, près Tourane”, 1898, đã dẫn.

¹⁴ “Plantation de Pongerville, près Tourane”, 1898, đã dẫn.

¹⁵ “Plantation de Pongerville, près Tourane”, 1898, đã dẫn.

¹⁶ Bài viết của bạn bè ông C.Paris đăng trong *Comité d'érection et d'inauguration du monument Camille Paris*, 1909.

¹⁷ “Plantation de Pongerville, près Tourane”, 1898, đã dẫn.

mùa 1897 này và của những năm sau đối với đồn điền này¹⁸. Năng suất thu hoạch của đồn điền cà phê Phong Lệ vào năm 1899 lại còn thấp hơn nữa: Năm 1899, 30.000 gốc cà phê giống Libéria của đồn điền De Pongerville chỉ cho thu hoạch được 250 kg hạt cà phê, số này đã được bán tại địa phương với giá một đồng Đông Dương 1 kg¹⁹.

Đó có lẽ cũng chính là lý do ông De Pongerville không hề nghĩ đến việc đầu tư xây dựng nhà máy chế biến cà phê tại Tourane hay tại vùng ven Tourane.

Hình 3: Gân Tourane - Cố đạo Maillard, cha sở giáo xứ Phú Thợng giữa các cây cà phê của ông (ngày 28-3-1898). Cùng tác giả ảnh Hình 2 nhưng ở Hình 3 không dùng từ 'plantation' vì chỉ trồng thử 30 cây Libéria khoảng năm 1894-1895.



Một kết quả trồng thực nghiệm cây cà phê tại Đà Nẵng không được như ý muốn ban đầu của các tư sản Pháp, có thể dẫn ra vài nguyên nhân: Ban đầu là chọn vùng đất và kết cấu chất đất không phù hợp phía dưới có lớp đất không thấm nước; chọn vị trí lập đồn điền với địa hình gò đồi cũng sai; về khí hậu địa phương thì cây cà phê ở đây chịu mùa khô nắng nóng nhưng các cây che mát thì chỉ là cây cau và sau đó là các cây chuối được trồng xen kẽ; khi tạo lập đồn điền, người ta gần như không chú ý đến việc tưới cây cà phê nên sau đó, vì ở xa nguồn nước nên chủ đồn điền đã phải thuê xe bò kéo nước hoặc nhân công gánh từng đôi nước về tưới (trong lúc

¹⁸ “Plantation de Pongerville, près Tourane”, 1898, đã dẫn.

¹⁹ Revue colonial, tạp chí và bài báo đã dẫn.

giá thuê nhân công khá cao: 0,14\$ một nhân công đàn ông và 0,12\$ nhân công đàn bà)²⁰; và thêm nữa, lượng phân bón cần thiết cho cây rất đáng kể, trong lúc không hề có đàn gia súc với số lượng đủ lớn để cung cấp phân chuồng nên gần như là phụ thuộc vào nguồn phân bón hóa học.

Kết quả là năng suất rất kém do cây cà phê không phát triển, sản lượng cà phê thu hoạch được chỉ đem bán tại chỗ, nói chi đến xuất khẩu. Đến đây xin miễn bàn về lý do vì sao đồn điền cà phê này không tồn tại nữa!

Theo các ghi chép của giáo xứ Phú Thượng, thời điểm thập niên 1880 này tại Phú Thượng, vùng phụ cận Tourane (mà lúc đó sách báo Pháp ghi là Quang-nam) còn có cha đạo Maillard (cố Thiên - Mạc Giả Thiên), vào năm 1884 khi ông về quản xứ Phú Thượng đã mua 250 ha đất để lập đồn điền trồng chè và cà phê. Hình 3 chụp cha Maillard tại vườn cà phê và mặt sau hình đề: “Près Tourane - Le Père Maillard, curé de Phu-thuong au milieu de ses caféiers - 28 Mars 1898” (Gần Tourane - Linh mục Maillard, cha sở giáo xứ Phú Thượng giữa những cây cà phê của ông, ngày 28-3-1898). Đó là chưa kể đến đồn điền của ông Bertrand cũng có trồng cây cà phê nhưng ở xa Tourane hơn đồn điền của ông De Pongerville (Phong Lệ) và đồn điền của cha cố Maillard (Phú Thượng), nằm hẳn trong địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Tuy vậy, xem kỹ bài viết: Cây cà phê của linh mục Maillard 'Caféiers du Père Maillard'²¹ trong tạp chí *Revue colonial France service des Renseignements commerciaux et de la colonisation*, số ra ngày 01-01-1899 thì thực tế cố Thiên (linh mục Maillard) chỉ trồng được 30 cây cà phê trong một vuông đất nhỏ: “Tại làng Phú Thượng cũng có 30 gốc cà phê giống Libéria xứng đáng được kể đến. Số cây này được linh mục Maillard trồng trong một vuông đất nhỏ ở thấp phía dưới nền được đắp cao của nhà thờ”. Bài viết này ghi nhận: vào lúc đó các “cây bụi” cà phê này (những cây cà phê hay chè được cắt tia được giới nông nghiệp gọi là cây bụi) được khoảng 3 năm tuổi và số lượng quả cà phê chín trên 30 gốc cà phê này, cố đạo Maillard ước lượng

²⁰ *Revue colonial*, tạp chí và bài báo đã dẫn.

²¹ “Plantation Lombard et Cie - Caféiers du Père Maillard”, tạp chí *Revue Colonial*, ngày 01-01-1899.

được khoảng 20.000 hạt²². Và lúc đó, tháng 3-1898, họ mới lấy mẫu đất để đem về Sài Gòn phân tích.

Hình chụp năm 1898 và cây bụi cà phê lúc đó được 3 năm tuổi thì ta có thể suy ra linh mục Maillard trồng số cây cà phê này năm 1894-1895 (chứ không phải năm 1884 ngay lúc mua đất lập đồn điền để trồng cây chè), nghĩa là sau các cây cà phê do ông C. Paris trồng tại Phong Lệ từ năm 1891. Như thế thì quả thật phải công nhận đồn điền cà phê Phong Lệ của các ông C. Paris và De Pongerville đúng là đồn điền cà phê đầu tiên tại Tourane + Quảng Nam nói riêng và của Trung kỳ nói chung cuối thế kỷ 19 như trong thư ngỏ ông C. Paris gửi Khâm sứ Pháp tại Trung Kỳ lúc đó. Việc từ đầu thập niên 1890 tại Phong Lệ và Phú Thượng gần sát Tourane đã có người lập đồn điền trồng cây cà phê là thực tế không chối cãi được./.



²² “Plantation Lombard et Cie - Caféiers du Père Maillard”, đã dẫn.

VỀ MỘT BÀI THƠ CỦA ÔNG ÍCH KHIÊM ĐƯỢC GHI VÀO LỊCH SỬ TRIỀU NGUYỄN

Chuyện kể rằng, ngày ra Huế ứng thí, Ông Ích Khiêm đến nhà thầy cũng là chú của mình là ông Ông Văn Ngạn để cùng đi. Vợ ông Ngạn thấy Khiêm còn nhỏ nên nói kháy:

- Mi mà thi cử cái chi!

Khiêm bèn đáp:

- Một chữ cũng thi, hai chữ cũng thi chớ thím!

Khi ra Kinh ứng thí do nghĩ Khiêm còn nhỏ nên ông chú thường nhắc nhở và dựng lều chõng giúp, ông chăm cho Khiêm từng miếng ăn, nước uống. Trái lại, dù là sĩ tử nhưng Khiêm không chịu ôn bài, vì cho rằng mình “đã chuẩn bị kỹ rồi”, nên thường đi xem các lều thi khác hoặc ngắm nghía kinh thành Huế, không mấy quan tâm đến việc thi cử.

Dưới thời Nguyễn, đề thi hằng năm gần như vẫn ra bài *sách vấn*, nhưng đã được nâng lên thành bài nghị luận chính trị - xã hội, buộc thí sinh phải tham bác nhiều sách cổ kim, đông tây và có kiến thức về thời cuộc để bàn luận, trên cơ sở đó triều đình mới xem xét khả năng mà tuyển bổ hồng tàm người ra giúp nước.

Trong khoa thi năm ấy, đề thi ra cực kỳ khó. Khi nghe các quan chủ khảo ra bài thơ “Cúc thủy, nguyệt tại thử” (vóc nước, trông thấy mặt trăng trong lòng bàn tay) thì vua Thiệu Trị tỏ ra quan ngại, ngài cho rằng: “Đó là cái cảnh hư huyền, rất khó làm ra bài, không biết sĩ tử câu tứ thế nào cho hay!”. Ngay cả quan Đại thần Trương Đăng Quế cũng nói: “Đầu bài ấy, dù sĩ tử ở ngoài đến 2 - 3 ngày làm cũng không đủ khả quan được!”. Vua

Thiệu Trị cũng cho rằng: “Chủ khảo Đỗ Quang cũng không biết làm thơ, dù cho chính tay y làm chưa chắc đã hay, huống chi là sĩ tử!”. Đề ra khó là vậy, trong khi nhà vua rất mong mỗi “tìm người tài” ra giúp nước, thế mà Ông Ích Khiêm đã đỗ đạt cao, quả thật là một niềm vinh dự cho họ Ông, cũng cho thấy cái tâm cầu hiền của vua Thiệu Trị vậy!

Tương truyền hôm làm bài thi, Ông Văn Ngạn đang cầm cúi làm bài đã nửa buổi mà vẫn chưa xong, trong khi Ích Khiêm nhanh chóng nộp quyển và thông dong vào ra các lều của sĩ tử khác để “dòm thử”. Khi Khiêm đến lều của ông Ngạn, thấy chú còn đang loay hoay làm bài, Khiêm ghé mắt xem qua bài ông Ngạn rồi phán: “Chú rớt là cái chắc!”. Ông Đăng Ngạn bực mình, sẵn tay cầm cái quạt, trở cán quạt đánh một cái lên đầu Khiêm, Khiêm giận chú nên bỏ về trước.

Lâu nay nhiều sách không biết căn cứ vào đâu lại cho rằng, sau khi bị ông Ngạn đánh, Ích Khiêm bỏ chạy một mạch từ Huế về Đà Nẵng, theo chúng tôi thì cái thuyết này e rằng không đúng. Hãy nghe Tiến sĩ Huỳnh Thúc Kháng - một sĩ tử của khoa thi năm 1885 kể lại: “Năm Ất Dậu (1885), tôi 18 tuổi, chính là năm thi Hương, lúc ấy thì vào tháng 6 ta, chứ không phải là tháng 4 như mấy khoa sau này, ông Nguyễn Đình Tự đang làm Tế tửu ở Quốc Tử Giám, tôi cùng anh em ra thi, ở trọ nơi mấy phòng tôn, ẩm sanh ở đó. Chưa kịp vào trường thì hạ tuần tháng 5 ta, xảy ra chuyện kinh thành thất thủ, ông Trương (tức Tôn Thất Thuyết) phù vua Hàm Nghi chạy. Cái đêm bữa ấy độ khuya, nghe tiếng súng nổ dữ dội, chúng tôi chạy ra chùa Thiên Mụ đứng xem thấy thứ lửa mà họ gọi là hoả hổ bay lập lòe, xấp xới trông rất thú... (ông Hoàng Đình Hiến nói “Vua chạy rồi còn thi thưởng chi nữa, các trò nên liệu về Quảng Nam!”)... Nguy nhứt là lúc qua Ai Vân. Đường đi vất vả, xen núi, lòn rừng, không dám đi trên đường cái song cũng dọc dọc dựa dựa theo đường quan mà đi!”²³. Như thế đủ thấy, gần 30 năm sau, một đoàn sĩ tử Quảng Nam từ kinh về quê, khi qua đèo Hải Vân còn khiếp đảm bởi sự hiểm trở và cộp beo ở cung đường đèo này, huống chi một mình Ích Khiêm lại dám vượt Ai Vân quan!

²³ Chương Thân - Phạm Ngô Minh, *Huỳnh Thúc Kháng tuyển tập*, sdd, tr.1221.

Khi chấm bài thi, tương truyền rằng Chánh chủ khảo là Đỗ Quang nhận xét bài thi của Ông Ích Khiêm như sau: “Bài này tuy lời văn không được chải chuốt, chữ viết xấu nhưng ý tứ dồi dào. Qua lời văn ta thấy thí sinh phải là người có lòng yêu dân thương nước, phải là người có chí ngang tàng, có lòng cương trực thì mới viết được như vậy!”.

Với lòng mong mỏi cầu hiền trong lúc đất nước đang ngày càng bị “bọn Tây di” o ép không ngừng, vua Thiệu Trị quyết định lấy thêm một số người được đỗ cho trường Thừa Thiên năm ấy. Ngài cho rằng: Triều đình đặt khoa thi là để kén nhân tài, vì muốn có được nhiều nhân tài để cho Nhà nước dùng. Kinh đô Huế là đất đứng đầu tất cả, gần đây văn phong ngày một chấn khởi, sĩ số thêm nhiều, đã chuẩn cho giải ngạch lấy 38 tên, nay thêm 12 tên, cho đủ số 50! Cũng cần nói thêm rằng, khoa thi đó trường Thừa Thiên lấy đỗ 46 người, trong đó có nhiều người là đồng hương (Quảng Nam) với Ông Ích Khiêm như: Võ Thành Doãn (Bàn Thạch, Duy Xuyên), Trương Văn Ngôn (Đức An, Lễ Dương), Nguyễn Văn Lý (Hội An, Hòa Vang), Trần Minh Hường (Mậu Hai, Duy Xuyên), Biện Thế Vĩnh (An Dưỡng, Duy Xuyên), Dương Thế Tuyển (Bàn Thạch, Duy Xuyên), Nguyễn Lập (Bàn Thạch, Duy Xuyên), Phan Trinh (tức Phan Nhu) (Bảo An, Diên Phước); nhiều người trở nên rất nổi tiếng sau này như *Đặng Huy Trứ*, Nguyễn Tăng Doãn, Đỗ Hữu Tiến...

Ngày xướng danh kết quả kỳ thi, Khiêm được xướng đỗ Cử nhân trong khi thầy mình là Ông Đăng Ngạn thì hỏng²⁴. Người nhà kể rằng, nhận được tin báo, ông Đăng Ngạn chạy ra đồng tìm thì thấy Khiêm đang cùng bạn mục đồng chơi trò "đánh trận giả".

Sau đó, các quan coi thi trình lên vua Thiệu Trị bài các thí sinh trúng tuyển để ngài ngự lãm, nhà vua thấy Ông Ích Khiêm là người nhỏ tuổi nhất khoa thi, liền bảo với Thị vệ đại thần là

²⁴ Về khoa cử dưới triều Nguyễn, gia tộc họ Ông thường tự hào rằng tộc mình có “3 cử nhân, một tú tài, một học sinh”. Tức là: Cử nhân Ông Ích Khiêm (1847) - Thị lang Bình Bộ, Cử nhân Ông Thế Đỉnh (1848) làm Tri huyện Hương Sơn (tỉnh Hà Tĩnh), Cử nhân Ông Thọ Bình (1897) giữ chức Huân đạo Bình Định sau làm quan tại huyện Đại Lộc (tỉnh Quảng Nam). Một tú tài là Ông Văn Quang, một học sinh là Ông Văn Viễn.

Nguyễn Đức Hoạt rằng: “Tú tài các khoá đều có người già về trường ốc! Một chàng trẻ tuổi kia sao dễ như vậy?”. Nhà vua liền sai đòi Ích Khiêm đến để ngài sát hạch lại.

Khi Khiêm vào diện kiến, vua Thiệu Trị liền ra một đề thi “Thiếu niên đăng cao khoa”. Trong chốc lát, Ích Khiêm đã làm xong, trong bài có hai câu mà nhà vua rất tâm đắc, được Quốc sử quán triều Nguyễn ghi lại trong *Thực lục* và *Liệt truyện* là

"Đắc lộ đa anh tuấn 得路多英俊

Hà tài đáp thánh minh"²⁵ 何才答聖明

Nghĩa là:

Thanh niên gặp bước tiến lên

Có tài gì để báo đền thánh minh.

Chính lời và ý thơ đó đã thể hiện trọn vẹn khát vọng được cống hiến cho đất nước, cũng như báo hiệu một đời quan lộ lắm nỗi truân chuyên, đầy sóng gió xuất phát từ mong ước "báo đền thánh minh" của Ông Ích Khiêm sau này.



Về sự kiện này, *Đại Nam thực lục* chép rằng: “Có cử nhân Ông Ích Khiêm, người tỉnh Quảng Nam, mới 15 tuổi, vua xem danh sách bảo Thị vệ đại thần là Nguyễn Đức Hoạt rằng: “Tú tài các khoá đều có người già về trường ốc! Một chàng tuổi trẻ kia sao dễ như vậy?”. Sai đòi ngay Ích Khiêm đến xứ Thị vệ, ngự ra bài thi, đầu đề một bài thơ luật là: “Thiếu niên đăng cao khoa” (tuổi trẻ đỗ cao)²⁶. Cần lưu ý rằng khi biên chép *Đại Nam thực lục* Quốc sử quán triều Nguyễn thống nhất chỉ chép những ân khoa và đặc khoa về việc văn và

²⁵ Tạm dịch: Trên con đường học vấn, biết bao trang anh tuấn, nhưng ai là người báo ơn vua, đền nợ nước. (bỏ)

²⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2006, tập 6, tr.1044.



việc võ; còn khoa thi hương về các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu; khoa thi hội về các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi theo lệ thường thì không chép, chỉ chép những việc đặc biệt, lạ lùng thôi. Còn thi Đình thì các thứ bậc lấy đồ chỉ chép tổng số, người nào có khí tiết kỳ lạ, công trạng rõ ràng thì theo chỗ việc xuất hiện ra mà chép. Trường hợp Ông Ích Khiêm cho thấy tính “đặc biệt, lạ lùng” của tiêu chí trên vậy.

Nhân đây tưởng cũng nên nói thêm về câu thơ nổi tiếng vừa dẫn, theo Nhà nghiên cứu Ngô Văn Lai (bút hiệu Thái Trọng Lai – người cùng làng Phong Lệ với Ông Ích Khiêm, từng được Ủy ban 1000 năm Thăng Long – Hà Nội nhờ dịch hơn 500 bài thơ chữ Hán, trong số hàng ngàn bài của Cao Bá Quát) cho biết: Câu thơ trên là do Ông Ích Khiêm mượn ý thơ của Cao Bá Quát. Bởi trong bài *Đắc bổ Hàn lâm sung biên tập vận học hỉ nhi thành phú* (được bổ vào ban biên tập vận học Hàn lâm, mừng mà viết nên bài) họ Cao từng có hai câu sau:

“Đắc lộ chiêm hào tuấn, 得路瞻豪俊
Vô tài đáp thánh minh” 無才答聖明

(Gặp đường (công danh) được chiêm ngưỡng bậc danh tài,
(Mình) không có tài để báo đáp vua anh minh)²⁷

Điều lý thú là cuối bài thơ này, họ Cao còn ghi rõ làm tại “Đãi lậu viện trung hành” (tức làm trong viện Đãi lậu) thì một thời gian ngắn sau đó (chừng một năm sau), Ông Ích Khiêm cũng

²⁷ Thái Trọng Lai, *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát* (tuyển dịch), Đà Nẵng, 2010, tr.183 (tác giả giữ bản quyền).

"đắc lộ" và được cho mời vào chờ bái mạng đúng ở Tả Đãi lậu viện (nhà chờ dãy trái) - nơi mấy năm trước đó họ Cao cũng đã ngồi chờ và đã phóng bút bài thơ trên. Chính trong bối cảnh đó, có lẽ chợt nhớ lại lời thơ của người mà mình hết mực kính trọng nên khi được vua Thiệu Trị sát hạch, Ông Ích Khiêm đã lấy lại ý thơ của họ Cao, để đưa vào bài thơ của mình.

Khi quyền thi của Ích Khiêm được dâng lên, vua Thiệu Trị đọc và nhận xét rằng: *“Tuổi trẻ hơi có tài, tuy ý thơ chưa thông hoạt cho lắm. Có thể lấy được! Chỉ có điều là tuổi còn ít, chưa thể nào ra làm quan, làm hại cả tư chất tốt. Hãy chuẩn cho về quê ăn học, đợi sau trưởng thành, tiến lên cũng chưa lấy làm muộn!”*²⁸.

Chính thời khắc “vinh qui bái tổ” đó, với bài thơ khẳng định quyết tâm “đáp thánh minh” của mình, Ông Ích Khiêm đã cho thấy đầy đủ về ngôn chí, tính khí khái, tinh thần yêu nước, thương dân và nổi truan chuyên cả một đời làm quan của mình sau này. Đó cũng là lý do để Quốc Sử quán triều Nguyễn chọn hai câu thơ của ông để chép vào Quốc sử của mình./.



²⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục*, tập 6, sđd, tr.1044.

LỄ HỘI MỤC ĐỒNG LÀNG PHONG LỆ



Đình Thần Nông

Từ câu sấm truyền “Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân”, lịch sử làng Phong Lệ gắn liền với hành trình mở cõi về phương Nam của quốc gia Đại Việt thời phong kiến. Bao biến động với những thăng trầm của thời cuộc đã tạo nên diện mạo văn hóa đặc trưng cho làng Phong Lệ rộng lớn. Theo đó, tứ cận của làng là phía tây giáp núi Chúa, phía đông giáp Ngũ Hành Sơn, phía nam giáp Trà Kiệu và phía Bắc giáp bán đảo Sơn Trà. Trải qua nhiều thời kỳ lịch sử, diện mạo địa hình và cảnh quan làng đã có những đổi thay do dịch chuyển về địa giới hành chính.

Vùng đất Phong Lệ này đã được cư dân Việt chọn định cư từ rất sớm. Gia phả các vị tiên hiền làng cho biết, những chủ nhân người Việt đầu tiên từ Thanh - Nghệ - Tĩnh theo quân lính đi thực thi nhiệm vụ theo lệnh triều đình, hoặc chạy loạn, tìm nơi định cư mới sinh sống, đã khai canh khai cơ tại vùng đất này. Theo dòng thời gian, Phong Lệ trở thành nơi tụ cư của các dòng họ, gồm tứ Lê, ngũ Ngô, tịnh Phùng, Ông, Nguyễn, Võ, hự Trần nhị Phan, Bùi.

Làng cổ Phong Lệ rộng lớn xưa kia về sau đã được chia thành: làng Phong Bắc (tức Phong Lệ Bắc thuộc phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ); làng Phong Tây (Phong Lệ Tây thuộc xã Hòa Phú) và làng Phong Nam (Phong Lệ Nam) thuộc xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang - Đà Nẵng. Trong đó, Phong Nam tập trung

nhiều kiến trúc nghệ thuật có giá trị mỹ thuật và tâm linh, cùng cảnh quan đẹp. Làng Phong Nam còn lưu giữ nhiều di tích kiến trúc nghệ thuật tâm linh có giá trị thuộc nhiều loại hình tín ngưỡng như: Nhà thờ tiền hiền và hậu hiền, Đình làng Phong Lệ, miếu Thái Giám, miếu Vô Tự,... Làng Phong Lệ Bắc có lăng mộ Ông Ích Khiêm, Ông Ích Đường, dinh Ông,...

Đình Thần Nông làng Phong Lệ trong bối cảnh lễ hội Mục đồng: Đình Thần Nông còn được tăng thêm giá trị nhờ chủ đề là các phù điêu đắp nổi hình sừng trâu trên mái đình. Sự kết hợp này tạo cho cảnh sắc trang nghiêm, gần gũi của chốn tâm linh thâm nghiêm vốn có. Đây là nét riêng về mỹ thuật của ngôi đình làng Phong Lệ nhằm tôn vinh giới chẵn trâu. Như vậy, mỹ thuật đình thần Nông là sự phát triển tiếp nối từ nghệ thuật dân gian truyền thống, nó quen thuộc nhưng không bị công thức hóa với nhóm đề tài tứ linh, tứ quý... thể hiện sự sáng tạo tinh tế làm nên nét riêng gần gũi với dân làng Phong Lệ.

Với những giá trị văn hóa lịch sử nói trên, đình đã được thành phố Đà Nẵng xếp hạng là “Di tích lịch sử - văn hóa cấp thành phố” theo quyết định số 4426/QĐ-UBND ngày 14/6/2007.

Về Phong lệ, hãy lắng nghe câu chuyện truyền khẩu về lễ hội Mục đồng đã có từ rất lâu đời. Bối cảnh ra đời của lễ hội xuất phát từ câu chuyện dân gian. Chuyện xưa kể: *“Có một cụ già tóc trắng và râu dài như tiên ông, không biết từ đâu đến làng. Đặc biệt cụ rất yêu giới chẵn trâu và thường được giới chẵn trâu săn sóc, thương yêu như người thân của mình. Sau vì tuổi già sức yếu, cụ chết, cụ được giới mục đồng mai táng tại một gò đất nhô lên ở ngoài cánh đồng lúa của làng Phong Lệ, gò đất này cỏ mọc um tùm (dân làng gọi là Cồn Cỏ) và được đám chẵn trâu chăm sóc mộ phần. Mục đồng nào đi chẵn trâu, có trâu đi lạc, đến mộ cụ khấn vái, trâu sẽ tự trở về chuồng. Nhưng những người khác giới chẵn trâu đến Cồn Cỏ có mộ cụ sẽ bị những rủi ro bất thường. Từ đó giới chẵn trâu tin vào năng lực thần bí của cụ. Tiếng lành đồn xa, lan truyền đến cả vùng dân cư tại đây, từ thế hệ này sang thế hệ khác, và người dân vùng này không ai dám lên cồn cỏ, họ tin nơi đó có thần Nông giáng hạ và cồn cỏ được dân gian gọi là cồn Thần”*. Người Phong Lệ kể rằng; *“Chỉ có trẻ chẵn trâu là được vô tư chạy nhảy lên cồn Thần, nó đùa và dất*

trâu về mà không có việc gì xảy ra. Dân gian lan truyền là thần Nông rất quý trẻ chăn trâu, nên còn Thần chỉ dành làm nơi tụ tập cho các trẻ. Dấu tích còn Thần hiện nay còn phiến đá Thần màu trắng nằm ngoài cánh đồng lúa thuộc xóm Đồng”. (Phong Nam). Theo thời gian, câu chuyện dân gian nhuộm đậm màu sắc tâm linh ấy đã trở thành nguồn cội của một nghi thức văn hóa độc đáo trong vùng - lễ hội Mực đồng.

Lễ hội dân gian Mực đồng được bắt đầu tổ chức vào ngày 30 tháng 3 hoặc mùng 1 tháng 4 âm lịch (AL). Theo các vị cao niên, theo lệ xưa “tam niên nhất lệ”, tức là lễ hội được định kỳ tổ



chức 3 năm/1 lần (các năm Tý, Ngọ, Mão và Dậu). Năm Bảo Đại thứ mười một (năm 1936) là năm cuối lễ hội dành cho trẻ chăn trâu này được tổ chức. Sau 70 năm gián đoạn, từ ngày 1/7 năm 2007 đến ngày 2/7/2007, lễ hội Mực đồng đã được phục dựng do các ông Hoàng Hương Việt, Võ Văn Hòe (Đà Nẵng) phối hợp với ông Ngô Văn Nghĩa (thôn Phong Nam, xã Hòa Châu) chủ trì cùng 17 chư phái tộc tại làng tổ chức thực hiện.

Năm 2010, lễ hội Mực đồng lần thứ hai được tổ chức, với sự phối hợp của Sở Văn hóa-Thể thao & Du lịch Đà Nẵng. Đến năm 2014, lễ hội Mực đồng lần thứ 3 được 17 chư phái tộc của làng tổ chức.

Khoảng một tháng trước ngày khai lễ, các chư tộc cất cử người khấn trương chuẩn bị kiệu rước, cờ xí, đèn lồng... Kiệu được trang trí với các màu chủ đạo là màu đỏ, màu vàng và màu xanh. Ngoài cờ hội của làng, cờ đuôi nheo, còn có cờ Mực đồng của các chư phái tộc. Cờ Mực đồng màu đỏ, đỉnh cán cờ được vạt hình mũi giáo hoặc sừng trâu. Cờ chư phái tộc là 17 cây đại kỳ (cây cờ lớn) tượng trưng cho 17 tộc họ tiền hiền và hậu hiền trong làng. Mỗi đại kỳ, cao khoảng 5 thước ta, trên cán, trang trí dụng cụ mô hình nhà nông hoặc tứ linh lân, long, quy, phụng, được thu nhỏ. Cán cờ còn có mô hình giàn,

sàng, nia, cày, bừa, cuốc, giăng, liềm, rựa,... Những nông cụ này đều làm mới bằng tre hay gỗ. Đèn lồng có 2 loại là đèn kéo quân và đèn bánh ú để soi sáng và tăng thêm tính lộng lẫy cho đoàn rước. Kiệu và cờ rước sau khi làm xong được mang ra đình Thần Nông để chấm điểm và trao giải. Dù phần thưởng chỉ là những nông phẩm không lớn về vật chất nhưng chư tộc nào cũng nỗ lực làm để đạt giải, bởi giá trị tinh thần lớn lao. Đó như là sự chứng nhận của dân làng và niềm tin được Thần chứng giám.

Sau khi hoàn tất các công việc chuẩn bị, chiều ngày 30/3 AL, đoàn rước do giới chầu trâu được cất cử, dưới sự hỗ trợ của các chư phái tộc, các hương chức làng Phong Lệ, cùng kiệu rước, 17 cờ mục đồng tượng trưng cho 17 chư phái tộc cùng nhiều cờ đuôi nheo đến Cồn Thần rước thần về đình Thần Nông. Rước thần còn có đội chình cổ nhạc và phường bát âm. Đi đầu đám rước là ông Trùm mục, tay cầm phèng la, đánh hiệu lệnh theo nhịp. Sau nghi thức dâng hương an vị thần Nông, trời đã tối. Đèn đuốc thấp sáng đêm tại đình.

Vào sáng tinh mơ ngày 1 tháng 4 AL, tiếng trống lớn trống nhỏ, phèng la, đội bát âm... lại trầm hùng rộn ràng vang xa như hồi thúc mọi người nhanh chóng tập trung về đình Thần Nông bắt đầu lễ đạo đồng. Khi dân làng gần xa tề tựu về đông đủ, đại diện chính quyền làng thôn, các họ tộc,... kính cẩn làm lễ dâng hương cúng Thần. Sau lễ dâng hương, hoa, trà, rượu, ban tế đọc chúc văn cầu mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu...

Lộ trình đám rước Mục đồng đi qua hầu hết các đám ruộng của người dân trong làng, không để sót lại một đám ruộng nào của dân làng mà không có đám rước đạo qua và cuối cùng là rước thần về lại đình Thần Nông. Tại đây, cờ rước được cắm thành 2 hàng dọc lối vào đình, kiệu Thần được đặt trang trọng tại chính điện., mọi người cùng nhau ăn uống hưởng lộc Thần trong không khí đoàn kết vui vẻ. Các Mục đồng tiếp tục chọn mục đồng khỏe mạnh, cầm cờ mục đồng của chư phái tộc thực hiện việc chạy cờ mừng Thần Nông giáng hạ chấp nhận sự cầu xin vũ thuận phong điều của dân làng cho ba năm tới luôn được mùa no đủ.

Đến đêm, mục đồng mời các ông hương, ông cử, các ông trùm bành, trùm chỉ, trừ phụ vào đình Thần Nông

chuẩn bị khai châu hát bội mừng Thần Nông giáng hạ, mừng lễ mục đồng thành công mỹ mãn, mừng dân các làng lân cận tứ phương tập trung về làng dự xem lễ hội.

Bên cạnh những giá trị chung về lễ hội truyền thống Việt Nam đã được các học giả đi trước nghiên cứu làm rõ, đó là tính cộng đồng, tính hiệu triệu, tính hoành tráng, tính bảo lưu..., lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ còn có những giá trị riêng góp phần làm phong phú thêm sắc màu của bức tranh lễ hội dân gian Việt Nam. Lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ xưa kia tạo nên đặc trưng riêng của người dân tại đây. Đặc biệt, lễ hội Mục đồng Phong Lệ không chỉ đề cao nghề nông truyền thống, mà còn là lễ hội duy nhất trên cả nước tôn vinh mục đồng.

Đây là sáng tạo dân gian của làng quê đậm chất Quảng Nam - nơi mọi sự lịch thiệp cầu kỳ và bài bản về lối ứng xử đã nhường chỗ cho sự mộc mạc, chân chất đậm nghĩa tình: các đối tượng đứng ra lo liệu lễ hội là mục đồng có sự giúp sức của dân làng với mọi lứa tuổi không phân biệt giàu nghèo, vị trí xã hội. Hình thức sinh hoạt văn hóa này thể hiện tính cởi mở và linh hoạt của người dân làng Phong Lệ. Nó phản ánh giá trị về tạo dựng lòng tự tin cho những người bản hàn trong xã hội cũ và khích lệ tâm lý tích cực của người lao động chân tay trong xã hội đương thời.

Lễ hội Mục đồng là dịp để giao lưu, và trao truyền các đạo lý, mỹ tục tốt đẹp (đạo hiếu với tiền hiền làng, tổ tiên và các bậc sinh thành, tình làng nghĩa xóm, tính cố kết cộng đồng,...). Đặc biệt, lễ hội đề cao thân phận của một bộ phận người dân vốn ít được quan tâm, đó là các trẻ chăn trâu. Qua đó, giới trẻ chăn trâu được tập dượt để kế thừa vị trí chủ nhân tương lai tại làng Phong Lệ và có thể mở rộng ra nhiều vùng nông thôn khác. Nó biểu trưng tính dân chủ chất phác về thái độ trân quý mọi nghề. Giá trị này hướng đến sự gắn kết mọi thành viên trong làng, tạo nên sức mạnh cộng đồng để chiến thắng ngoại xâm, thiên tai nhằm có được cuộc sống ấm no và hạnh phúc.

Lễ hội còn có tính kết nối đa chiều: Tất cả chức sắc, người dân của các chư phái tộc làng Phong Lệ, không

phân biệt tuổi tác, vị trí (dù chỉ là các trẻ chăn trâu) đều tham gia. Nhờ vậy, lễ hội đã kết nối chặt chẽ mọi người với nhau trong nhận thức chung về vận mệnh cộng đồng thông qua vị Thần mà dân làng Phong Lệ cùng suy tôn và thờ phụng. Đồng thời, họ có được trải nghiệm cùng hòa chung vào cảm xúc thăng hoa.

Đặc biệt, dù lễ hội Mục đồng mới được phục dựng lại sau một thời gian dài gián đoạn, nhưng kết quả cho thấy đa số người dân có ấn tượng rất tích cực và họ mong muốn lễ hội này được phục dựng và bảo tồn. Điều đó, phản ánh tính kết nối các giá trị văn hóa quá khứ với hiện tại và tương lai, cũng như vai trò chỗ dựa tinh thần nhằm “giữ lửa” cho một hoạt động văn hóa dân gian độc đáo tại làng quê.

Như vậy, lễ hội Mục đồng là sinh hoạt văn hóa dân gian mang tính tổng hợp cao về phong tục, tín ngưỡng về lối sống và tư duy của người dân làng Phong Lệ. Theo đó, đình Thần Nông là không gian văn hóa vật chất của lễ hội Mục đồng và là di sản văn hóa vật chất giá trị của thành phố Đà Nẵng. Đó là sản phẩm về một lối nhìn và cách nghĩ của người nông dân Quảng Nam chất phác, giàu chất nhân văn, cần được bảo tồn và phát huy.

Tuy nhiên, việc phục dựng lễ hội dân gian không đơn giản vì tính tích hợp của nó theo thời gian, hoạt động nghiên cứu cần được tiến hành chu đáo để nhận ra tính đích thực (tính nguyên gốc) của lễ hội Mục đồng. Vì thế, để tránh hoạt động nặng về hình thức, các cơ quan ban ngành có liên quan cần tạo điều kiện để khuyến khích các học giả tâm huyết tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm và xuất bản các ấn phẩm (in ấn, video, tranh ảnh) về lễ hội Mục đồng và đình Thần Nông; xây dựng mô hình phục dựng lễ hội Mục đồng thích hợp,...

Thực tế cho thấy, lễ hội độc đáo này cũng cùng chung số phận với nhiều lễ hội dân gian truyền thống khác, đang chịu tác động mạnh mẽ của đời sống hiện đại. Qua tìm hiểu trong thực tế hiện nay, được biết có bộ phận bạn người dân do bận làm kinh tế và học tập nên chưa có

thời gian để trải nghiệm sự kiện văn hóa này ở địa phương và phần lớn các em học sinh thích những điệu nhảy hiện đại, nhạc cụ hiện đại hơn hát diễn xướng và nhạc cụ dân tộc.

Vì vậy, một trong những cách tốt nhất của bảo tồn giá trị lễ hội Mục đồng là gìn giữ bằng chính niềm tự hào của người dân về những di sản văn hóa của họ và cộng đồng làng Phong Lệ (cũ) phải là chủ thể của lễ hội truyền thống. Nên cần phải đẩy mạnh các hoạt động nhằm khơi dậy niềm tự hào trong cộng đồng dân cư và đặc biệt ngay trong nhà trường phổ thông địa phương - các em học sinh là đối tượng trung tâm (thay thế cho các trẻ em chăn trâu ngày xưa), những công dân thực hành các hoạt động văn hóa dân gian của làng hiện nay và trong tương lai.



GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA DÂN GIAN LÀNG PHONG LỆ

Di sản văn hóa tạo nên bản sắc riêng của mỗi cộng đồng, mỗi dân tộc là tiếng nói, chữ viết, lễ hội, kiến trúc, trang phục... Các giá trị văn hóa này do các cộng đồng dân tộc sáng tạo ra trong quá trình sinh tồn, phát triển, là những yếu tố làm nên giá trị đặc sắc của mỗi cộng đồng. Tuy nhiên, sự biến động của thời gian, hoàn cảnh sống cùng với những tác động của trong quá trình phát triển, hội nhập... đã khiến cho văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa dân gian bị mai một, đòi hỏi cần phải bảo tồn một cách cấp thiết. Không riêng gì ngôn ngữ, các thành tố văn hóa khác như trang phục, kiến trúc, phong tục tập quán, lễ hội... của nhiều dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam đều đã mai một nghiêm trọng.

Nhiều nhà nghiên cứu văn hóa dân gian thừa nhận, quá trình đô thị hóa cùng sự bùng nổ thông tin bởi công nghệ hiện đại, sự giao lưu văn hóa diễn ra rất nhanh và mạnh khiến văn hóa dân gian đang đứng trước những thách thức lớn do chưa giải quyết thật tốt mối quan hệ giữa bảo tồn và phát triển. Hàng nghìn buôn, bản, làng truyền thống với giá trị văn hóa tiêu biểu cho các dân tộc đang có nguy cơ biến mất, hoặc biến dạng rất cần được hướng dẫn, hỗ trợ để bảo tồn, phát huy trong cuộc sống đương đại.

Hiện nay trên địa bàn huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng có 33 di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng, trong đó có 6 di tích cấp quốc gia và 27 di tích cấp thành phố. Thành phố Đà Nẵng và huyện Hòa Vang đã đầu tư để bảo tồn các di sản văn hóa dân gian và tổ chức nhiều hoạt động giữ gìn, phát huy nét văn hóa đặc trưng, truyền thống các giá trị di tích để phục vụ phát triển du lịch và giáo dục truyền thống cho thế hệ mai sau.

Bên cạnh những giá trị chung về lễ hội truyền thống Việt Nam đã được các học giả đi trước nghiên cứu làm rõ, đó là *“tính cộng đồng, tính hiệu triệu, tính hoành tráng, tính bảo lưu..., lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ còn có những giá trị riêng góp phần làm phong phú thêm sắc màu của bức tranh lễ hội dân gian Việt Nam”*. Tham gia lễ hội là tất cả chức sắc, người dân của các chư phái tộc làng Phong Lệ, không phân biệt tuổi tác, vị trí (dù chỉ là các trẻ chăn trâu). Nhờ vậy, lễ hội đã kết nối chặt chẽ mọi người. Như vậy, lễ hội Mục đồng là sinh hoạt văn hóa dân gian mang tính tổng hợp cao về phong tục, tín ngưỡng về lối sống và tư duy của người dân làng Phong Lệ. Theo đó, đình thần Nông là không gian văn hóa vật chất của lễ hội Mục đồng và là di sản văn hóa vật chất giá trị của thành phố Đà Nẵng. Đó là sản phẩm về một lối nhìn và cách nghĩ của người nông dân Quảng Nam chất phác, giàu chất nhân văn, cần được bảo tồn và phát huy.

Vì vậy, việc tăng cường sự quản lý nhằm đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn và xuất bản ấn phẩm về lễ hội Mục đồng: Những năm qua, với chức năng là đơn vị tham mưu cho UBND thành phố Đà Nẵng, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch TP Đà Nẵng và Phòng Văn hóa – Thông tin huyện Hòa Vang đã quan tâm bảo tồn lễ hội Mục đồng. Việc phục dựng lại lễ hội sau gần 70 năm bị gián đoạn là kết quả về nỗ lực bảo tồn lễ hội Mục đồng của cơ quan quản lý Nhà nước về văn hóa ở địa phương và người dân. Có thể

nói, đây là một sản phẩm của dự án tổng điều tra văn hóa phi vật thể trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Tuy nhiên, việc phục dựng lễ hội dân gian không đơn giản vì tính tích hợp của nó theo thời gian, hoạt động nghiên cứu cần được tiến hành chu đáo để nhận ra tính đích thực (tính nguyên gốc) của lễ hội Mục đồng. Vì thế, để tránh hoạt động nặng về hình thức, các cơ quan ban ngành có liên quan cần tạo điều kiện để khuyến khích các học giả tâm huyết tiếp tục nghiên cứu, sưu tầm và xuất bản các ấn phẩm (in ấn, video, tranh ảnh) về lễ hội Mục đồng và đình Thần Nông; xây dựng mô hình phục dựng lễ hội Mục đồng thích hợp,... Đồng thời, lãnh đạo địa phương cần xây dựng quy chế để các nhà nghiên cứu chuyển giao kết quả của mình cho địa phương dùng làm tài liệu lưu trữ phục vụ sự nghiệp bảo tồn giá trị lễ hội Mục đồng.

Thực tế cho thấy, lễ hội độc đáo này cũng cùng chung số phận với nhiều lễ hội dân gian truyền thống khác, đang chịu tác động mạnh mẽ của đời sống hiện đại. Qua tìm hiểu trong thực tế hiện nay, được biết có bộ phận bạn làm kinh tế và học tập nên chưa có thời gian để trải nghiệm sự kiện văn hóa này ở địa phương và phần lớn các em học sinh cho biết là các em thích những điệu nhảy hiện đại, nhạc cụ hiện đại hơn hát diễn xướng và nhạc cụ dân tộc. Vì vậy, một trong những cách tốt nhất của bảo tồn giá trị lễ hội Mục đồng là gìn giữ bằng chính niềm tự hào của người dân về những di sản văn hóa của họ và cộng đồng làng Phong Nam (Phong Lệ cũ) phải là chủ thể của lễ hội truyền thống.

Các hoạt động có thể làm hiện nay, là tổ chức các hoạt động ngoại khóa bằng cách lồng ghép vào chủ đề “địa phương học” và các hoạt động đoàn đội trong trường học. Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về lễ hội Mục đồng, về đình Thần Nông, về nghệ thuật hát lĩnh xướng và hát đồng dao trong lễ hội Mục đồng, tổ chức những buổi thi kể chuyện về thần tích thần Nông và lễ hội Mục đồng hay thi vẽ tranh về lễ hội Mục đồng;...

Đồng thời, để lan tỏa các giá trị lễ hội cần tích cực tuyên truyền giúp người dân hiểu hơn giá trị lễ hội nhằm tăng cường lòng tự hào cùng cố thái độ trân quý các hoạt động văn hóa truyền thống, bằng cách xây dựng phòng tư liệu lễ hội Mục đồng. Tại đây, sẽ trưng bày hình ảnh lễ hội Mục đồng, kết quả nghiên cứu của các học giả và hình ảnh các cuộc thi tìm hiểu về lễ hội Mục đồng,...

Thành phố sớm quan tâm đầu tư, nâng cấp ngôi đình để bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của lễ hội Mục đồng, đồng thời giải quyết nhu cầu đời sống văn hóa tinh thần của người dân làng Phong Lệ. Xúc tiến các hoạt động nhằm xây dựng trải nghiệm sản phẩm du lịch lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ và đình Thần Nông: Đẩy mạnh hoạt động quảng bá và tích hợp sản phẩm sự kiện này với sản phẩm của doanh nghiệp lữ hành để hình thành tour, tuyến du lịch gắn với lễ hội Mục đồng và đình thần Nông nhằm thu hút khách đến tham quan để mang lại lợi ích kinh tế cho người dân, làm tôn vinh vẻ đẹp và phát triển các giá trị văn hóa; tăng lòng tự hào và ý thức phải bảo vệ bản sắc của lễ hội Mục đồng của cộng đồng dân cư. Từ đó, giúp cho việc phục hồi hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống. Đối với hãng lữ hành, công ty du lịch có tour đưa du khách đến tham quan ngôi đình, trải nghiệm lễ hội Mục đồng cần được hưởng cơ chế khuyến khích nhằm khích lệ doanh nghiệp phát huy vai trò với cộng đồng. Đó là cách bảo tồn tích cực lễ hội Mục đồng làng Phong Lệ.

VÕ VĂN HÒE

HẾN SÔNG



Internet

Thuở xưa, người Phong Lệ (trước khi chia làng) sống bằng nghề nông, chủ yếu là trồng trọt, chân lấm tay bùn hàng ngày nhưng vẫn không đủ ăn, không đủ nuôi số dân ít ỏi của làng đến ngày giáp hạt. Vì thế, họ phá núi bạt rừng, ngăn sông để tìm thêm nguồn sinh sống. Mãi đến khi chia làng thành hai nửa riêng biệt cũng vẫn chưa có gì thay đổi cơ bản về phương thức làm ăn. Bên cạnh nghề nông, người Đông Bàu có con sông Cẩm Lệ chạy ngang qua làng nên một số dân vùng ven có thêm nghề sông biển.

Đi ngang qua vùng Phong Nam, ghé đến Đông Bàu (xóm hến ngày xưa) vẫn còn nghe nhân dân ở đây nói về một phương thức lao động sinh sống của mình, đó là nghề cào hến. Nhân dân xóm hến một năm có đến hai nghề, nửa năm đầu dành cho hến, nửa năm sau là cày cấy nông tang. Vậy mà ngày xưa nếu như đến đây vẫn hình dung được cuộc sống còn nghèo. Vùng ven sông, mái nhà làm dốc hơn, thấp hơn để chống bão. Đa số là nhà tranh với chỉ chút những mối buộc bằng mây giữ chặt rui mè, trên nóc

Nghề hến là một trong những nghề khá vất vả tại đây, bởi thường xuyên ngấp lặn ngâm mình trong nước để cào hến. Hến cào được gánh ra chợ Phong Lệ họp ở đầu cầu Đỏ (Bridge) để bán đôi gạo và các nhu yếu phẩm khác.

Trên lạnh, dưới lạnh mắt mờ da ngăm.

Con hến ở đoạn từ ngã ba sông, nơi có miếu Một (Mỹ Thị) ngược lên đến vùng ba ra An Trạch (Hòa Tiến), có đến một đoạn dài 10 km đường sông. Con hến thích nghi với vùng nước lợ. Do thế, về mùa khô nước mặn theo đường sông lên dần, có năm lên đến ba ra An Trạch, con hến cũng theo nước mà sinh sản, dần thích nghi với môi trường. Đời sống của hến là thế nên ở Đông Bầu, nghề hến tập nập nhất vào khoảng mùng 10 tháng 1 đến 10 tháng 7 Âm lịch hàng năm, cao điểm có năm tập trung từ tháng 3 đến tháng 6. Sáu tháng làng Đông Bầu vào đợt cào hến, mọi công việc nông tang gác lại, dành thời gian cho nghề sông biển.

Con hến theo vùng nước lợ mà sinh sống và phát triển, chính thế, vào tháng Giêng đầu mùa hến, người dân Đông Bầu phải bơi ghe ra tận Gành²⁹ - vùng ngã ba sông - (Người Đông Bầu thường nói: “ra đến tận Gành ngoài Hàn”). Ở vùng sông này, đầu mùa hến thường là hến Xéo. Hến Xéo nhỏ chưa ngon, là loại hến còn sót lại của mùa năm trước theo nước lợ về tụ tại đây. Ở đây con hến sống đợi chờ suốt 6 tháng mùa mưa để đến tháng Giêng khi mùa khô là bắt đầu là sinh sản.

Tháng Hai đến tháng Ba, nước sông Cẩm Lệ cạn dần, con hến cũng theo đó mà lên cùng với nước lợ. Quá trình di cư, hến phát triển nhanh chóng nằm sấp lớp dưới lòng sông, bám vào rong rêu mà sống. Càng ngược lên, hến lớn dần và tròn trịa, vỏ có màu xám pha vàng, ruột hến đầy đặn. Giai đoạn này con hến đạt chất lượng nhất trong mùa. Tháng 5,6 có khi con hến lên đến tận cây da dù ở Chu Bái, Lạc Thành (Hòa Phong-Hòa Vang) để phù hợp với môi trường sinh sống. Tại đây hến đổi màu, có màu sậm đen, thân hến lớn hơn.

Hến vùng này cũng là hến cuối mùa, lạt lẽo gọi là hến Trâu. Thời gian này thường có những trận mưa giông đổ vào chiều, nước từ nguồn xuống xiết, đẩy hến lùi dần đến tận cửa sông. Hến Trâu không xuống kịp thường chết giữa dòng nước bạc.

Đầu tháng 7, nhân dân xóm hến gác xếp dụng cụ hành nghề cào hến, chuẩn bị chuyển mùa sang ruộng, rẫy. Trước khi

²⁹ **Gành:** gành=chỗ bờ biển hay bờ sông cao và nhô ra phía trước.

gác dụng cụ, nhà nào ở Đông Bàu cũng có tục tạ sông. Lễ tạ sông giữ lệ đúng ngày 10 tháng 7 Âm lịch hằng năm.

Nghề hén có sự phân công nhau trong quá trình sản xuất. Mỗi người một việc đảm nhiệm từ đầu đến cuối. Cứ theo bài vè ghi lại không gian, thời gian, nơi chốn khi tiến hành cào hén thì đủ biết rằng nghề hén bận rộn biết bao. Không kể ngày đêm, cứ tranh thủ theo nhịp điệu lên xuống của thủy triều, nơi giao lưu giữa nước mặn và nước ngọt để hành nghề. Điều kiện tự nhiên như thế nên cả xóm Đông Bàu lao động khẩn trương trong mùa hén.

Quá trình làm hén phải chuẩn bị bồi³⁰ đùn, việc này giao cho một người chịu trách nhiệm và thường không thay đổi. Lại có người chuyên lo bện dụng cụ dùng để nạo, thường những người có khả năng mây tre làm chủ chốt. Công việc đùn lửa giao cho con cái trong nhà đảm trách.

Sau một, vài hồi cào hén, ghe đầy hén, cập bờ, người gánh ra chợ bán, người xúc đổ vào chảo nấu chín dãi lấy ruột cho vào vò thông thả sẽ bán sau. Tất cả các thao tác trên là cả một dây chuyền trong sản xuất. Nếu không tổ chức tốt, có thể dẫn đến thất thu. Một ngày cào được hai chảo hén đã là năng suất. Mùa hén đến, cảnh ban đêm dọc theo bờ sông bắt đầu từ gà gáy đầu đã thấy đèn đuốc sáng trưng. Cảnh tấp nập diễn ra trên bến dưới thuyền, đâu cũng vang lên tiếng gọi lao xao nhộn nhịp.

Người dân Đông Bàu trước khi tiến hành cào hén thường có lệ là tổ chức rước hén, sau đó mới đưa ghe thuyền và dụng cụ xuống sông. Lễ rước vào ngày 10 tháng 1, sáu tháng sau đến mùng 10 tháng 7 là lễ tạ sông. Đây là tục lệ tiến hành đúng như quy định của xóm.

Lễ tiến hành một lần vào tiết mùa xuân, khí trời còn se lạnh, có năm gió bắc vẫn còn thổi lợ phơ. Nước sông Cẩm Lệ lờ đờ, vận tốc dòng chảy chậm dần. Mùa hén bắt đầu. Lễ rước tiến hành.

Trước khi cử lễ vài ngày, cả xóm Đông Bàu chung sức kết hai ghe làm một, trên ghe trang trí đẹp mắt, có đến 6 cây cờ xéo (cờ rìa) đủ màu: xanh, đỏ, trắng, vàng, đen...cắm hai bên thành ghe. Quanh thành ghe trang trí các loại mô hình: khủng long, thủy long, các ngựa, hén, sò...Tất cả kết bằng lá dừa, hoặc

³⁰ Bồi:cùi đùn

bẹ chuối, cây ngâu, chè tàu... sao cho đẹp mắt là được, trông như một chiếc thuyền hoa rực rỡ giữa sông.

Trên ghe, người ta ghép, đặt một cái bàn có hương án, bài vị. Lễ rước có cử chánh bái, tư lễ, trống, chiêng đi kèm. Ghe rước xuất phát từ xóm hén, ngược dòng đến An Trạch, sau đó quay xuống tận miếu Một³¹-vùng ngã ba sông- đoạn, quay lại xóm hén và lễ chấm dứt tại đây.

Trên đoạn đường dài 20 km đường sông, ghe đi chậm, trống, chiêng cử đều nhịp.



A.Cào hén

Sau lễ rước, xóm Đông Bàu xuống sông bắt đầu cho mùa cào hén. Lễ rước hén ở Đông Bàu cũng như một số địa phương khác tuy có khác về hình thức, song qua đó thể hiện yếu tố tự lực, tự cường lại vừa có giá trị tinh thần của người dân Đông Bàu, vì sự

sinh tồn của nhiều thế hệ. Tục rước hén đã trở thành dấu ấn đậm nét trong nhân dân (nay không còn nữa), trở thành phẩm cách của Đông Bàu (Hòa) tự khẳng định bản lĩnh của mình như “*Phong Lệ mục đồng, Giáng Đông hát vật*”. Chính vì con hén nên khi ngang qua vùng Phong Nam ta vẫn còn nghe được câu hát một thời:

*Ai về Phong Lệ thì về
Phong Lệ có nghề cào hén nuôi trâu*³²./

³¹ Trong dân gian có câu ca rằng: Chim kêu miếu Một, gà gáy giếng đôi. Nhứt thốn tâm hà khắc vô do. Ra về vừa tới bến dò. Bâng khuâng nhớ lại mấy câu hò nữ nhi. Chú đồ ơi bớt ngủ một tí tí ti. Tống nhơn lưu phước đưa tui đi về nhà... Miếu Một tại ngã ba sông Cẩm Lệ, Cổ cò, sông Hàn. Tương truyền miếu thờ Nguyễn Phục....

³² Có lúc đọc: Phong Lệ có nghề bán hén mua trâu.

NGUYỄN KHIÊM

SỬA SOẠN ĐÓN XUÂN

Lễ hội Tết là của mọi người. Tết đến, từ trẻ em đến người già đều bảo rằng “ăn Tết” nhưng thực tế đón tết không phải để ăn mà với niềm hân hoan, phấn khởi, đây là dịp mọi người vui xuân, thăm hỏi, chúc nhau những lời đẹp nhất trong phong vị ngày xuân. Ngày Tết đến thực tế với mỗi người và cộng đồng có 3 ngày nhưng chuẩn bị đón 3 ngày ấy phải kể là dài lâu, hầu như mọi công việc làm ăn nông tang cây cấy, buôn bán kinh doanh đều nhắm vào mốc kết thúc và cũng là mốc khởi đầu, đây là ngày Tết.

Sửa soạn đón Tết, phấn khởi để vào Tết có thể nói bắt đầu rất sớm trong từng người, mỗi nhà và làng xã. Ở xứ Quảng xưa nay đều vậy.

1/ Chuẩn bị xa

Một năm với quá trình đổi thay của vũ trụ mà có 4 mùa: xuân, hạ, thu, đông trong đó mùa xuân là mùa có đặc thù khởi sắc nhất trong năm. Tháng 3 mùa xuân là mùa lúa chín, rộ lên màu vàng vào độ cuối tháng trong tiết trời ấm áp:

Tháng Giêng đồng lúa xanh già

Tháng Hai lúa trổ, tháng Ba lúa vàng

Thiên nhiên vào mùa xuân cũng có khác, cây lá xanh tươi nảy lộc, con người vào xuân cảm thấy dễ chịu, tiết trời ấm áp mát lành làm cho con người như trẻ trung ra, sức sống vươn lên, mọi vật cũng có sự thay đổi, sự già cỗi được che lấp bởi sức lớn lên đến điểm đỉnh của quá trình phát triển. Các loài hoa đua nhau

khoe sắc, không gian, thời gian ấm áp so với các mùa khác trong năm.

Thiên nhiên tươi đẹp vào xuân là lúc phong tục ngày Tết đặt ra, lễ hội ngày Tết mọi giá trị tinh thần được biểu hiện thăng hoa. Do quan trọng và ảnh hưởng sâu sắc đến cuộc sống nên việc chuẩn bị cho ngày Tết phải kể là kỹ lưỡng, râm rộ từ mỗi người, mỗi nhà đến làng xóm, cộng đồng không đâu không náo nức cho lễ hội này.

Ở xứ Quảng, người nông dân trong vụ mùa của mình chuẩn bị ngay từ tháng 4 (gọi là hè - thu, có nơi gọi là hè - thu - muộn) một ít ruộng tốt phù hợp với cây nếp để cấy trồng, chuẩn bị cho những ngày Tết đến. Vào vụ này, trên những cánh đồng màu mỡ đầy ắp phù sa dọc theo các con sông như Thu Bồn, Vu Gia, các cánh đồng đại điền như Điện Bàn, Duy Xuyên, Hòa Vang, Đại Lộc... rộ lên màu xanh của lúa và nếp. Cùng với cây nếp là các loại đậu: đậu xanh, đậu đen, đậu phụng, đậu nành, mè... cũng rộ lên mang tiềm năng cho mùa xuân đến.

Cũng trong vụ mùa hè - thu này, trên khắp Quảng Nam người dân lên vồng trồng kiệu, gừng, hành, nghệ và các loại cây, rau trái khác. “Trồng mướp trồng cà rồi lại trồng rau”. Nhân ngày Tết, xứ Quảng có sự tích về hạt nếp thơm được kể, chuyện rằng:

“Ngày xưa có hai anh em nhà nọ, cha mẹ mất sớm, hai anh em hết lòng đùm bọc yêu thương nhau. Họ cùng làm ăn cần cù chăm chỉ... ngày nối ngày, tháng tiếp tháng chẳng mấy chốc cả hai anh em đều khôn lớn. Vào một ngày xuân, người anh lấy vợ, rồi vợ chồng người anh ăn cơm riêng và ở một gian nhà riêng. Ngôi nhà bắt đầu chia hai từ dạo ấy bằng một tấm phen làm vách. Họ chỉ chừa ra một cái cửa để qua lại thăm hỏi nhau nhưng không vì thế mà tình anh em nhạt hẳn. Họ vẫn quán quýt bên nhau như những ngày thơ ấu.



Rồi vợ chồng người anh sinh được người con đầu lòng, đứa thứ hai, thứ ba, thứ tư liên tiếp từng năm một, thế mà người em vẫn chưa lấy vợ. Thấy anh mình ngày càng đông con, người em nghĩ: “mình sống một mình ăn uống thế nào cũng xong, bên anh chị, các cháu đông, không đủ cho chúng nó ăn thì khổ biết chừng nào”. Nghĩ thế, đêm đêm người em đã xúc lúa bên bịch thóc của mình đổ sang bịch thóc của người anh.

Người anh vẫn làm ăn chăm chỉ, siêng năng, ngày ra đồng, tối về vui đùa với các con. Người anh nghĩ: “mình sống có vợ, có con đông đúc, ăn uống thế nào cũng vui, bên chú nó sống một mình cô quạnh đã thế mà thiếu thốn thì cực biết chừng nào”. Nghĩ vậy, đêm đêm người anh đã xúc lúa ở bịch thóc của mình đổ sang bịch thóc của người em.

Thu tới, đông qua, mùa xuân đã đến, làng xóm khắp nơi nhộn nhịp đón xuân. Tết mà thiếu thốn lại càng cực. Nghĩ vậy nên cả hai anh em đêm đêm lại xúc lúa ở bịch của mình đổ sang bịch bên kia.

Một đêm người em vừa bung thúng lúa xúc được chạy qua nhà anh thì cùng lúc đó người anh đang bung thúng lúa của mình chạy sang nhà em. Cả hai đụng ngay nơi cái cửa trổ năm xưa. Hai thúng lúa đổ xòa ra vung vẩy trên nền đất. Khi biết được ý nghĩ của nhau, hai anh em cảm kích rồi họ ôm chầm nhau mà khóc, khóc mãi, những giọt nước mắt yêu thương và chứa chan tình nghĩa cứ đổ xuống. Lại thay những giọt nước mắt đó rơi xuống thấm vào những hạt lúa nằm tung tóe trên nền đất, làm cho những hạt lúa căng phồng lên tròn múp. Thấy là lạ, hai anh em liền hót vào thúng và họ đem chúng ra cối giã sau hè. Đêm giao thừa năm ấy, dưới ánh lửa bập bùng phía sau nhà, cả gia đình người anh và người em đã reo lên khi những hạt gạo lăn tròn, trắng muốt ra đời trong cối giã." Về sau người đời gọi là nếp.



Ngày nay, cứ đến Tết nhà nào cũng có nếp thơm gói bánh tét, làm bánh in, bánh rò.... lại có gia đình dành để nấu xôi cúng đầu năm. Truyền thống tốt đẹp ấy đã đi vào lòng dân tộc ta từ bao giờ, mãi mãi được giữ gìn và phát huy nhờ tài năng sáng tạo của người dân lao động. Cứ mỗi lần nhìn những hạt nếp thơm chúng ta lại nhớ đến câu chuyện chứa chan tình nghĩa của hai anh em nhà kia biết thương yêu nhau.

Từ tháng 6 Âm lịch, người dân xứ Quảng sửa soạn nuôi gia súc gia cầm: heo, gà, vịt... dành cho Tết. Và cũng bắt đầu từ tháng 6 này người ta lại thiên gà trống để dành, nuôi béo mập ăn vào dịp Tết, hoặc chờ đến ngày giáp Tết dùng vào việc đi Tết: chàng

rê đi tết cha mẹ vợ; cha mẹ đi tết thầy dạy con mình học tập; lại mang tết thầy thuốc chữa bệnh, có khi đi tết ông mai bà mối đã giúp đỡ trong việc dựng vợ gả chồng cho con cái đến tuổi cập kê. Có khi dùng đi tết cho những người trong một năm đã có công ơn gì đây mà mình đã chịu ơn... Đi tết bằng cặp gà trống thiên, nếp, đậu các loại, bánh trắng, thuốc lá, cần chèo,...

Để đến Tết có hoa làm tăng phong vị Tết, những người chăm bón hoa cho dịp Tết họ cũng chuẩn bị từ tháng 8 âm lịch để kịp có hoa trưng bày bán ở chợ hoa xuân. Hoa thì nhiều loại, đáng kể nhất vẫn là vạn thọ, thược dược, cúc vàng. Vào những ngày Tết hoa mai dường như không thể vắng mặt. Mai vừa có sắc vàng dịu mát, đồng thời mai còn là biểu trưng cho sức dẻo dai bền bỉ, chịu đựng được môi trường sống khó khăn khắc nghiệt vì thế cây mai được thể hiện như là kẻ chinh nhân quân tử. Cắm một cành mai đặt giữa nhà trên chiếc bàn độc chính là tìm đến nét đẹp tinh thần ấy của con người xứ Quảng.

Ngày Tết mà không tươm tất thì đó là một thiệt thòi lớn biết bao, có khi cũng là một đụng chạm đến thuần phong mỹ tục nữa. Chính thế mà may mắn áo quần mới là một nhu cầu không

thể không đặt ra trong lễ hội ngày Tết. Dù khó khăn đến mấy cũng sắm sửa cho con cháu một bộ quần áo mới, giày dép mới, nón mũ mới vui chơi cùng bạn bè trong những ngày hội lễ. Không riêng cho trẻ em, người lớn cũng vậy, nhất là thanh niên nam nữ cũng vào Tết với tất cả tấm lòng và với những bộ áo quần mới sắm. Người già vào hội lễ bằng bộ áo quần dân tộc, chiếc áo dài lưng đen, quần trắng, đi dù và mang guốc, đầu cuốn chiếc khăn đóng cổ truyền.

Tết đến, ăn mặc đẹp nhưng còn phải đội cho sang. Ngày Tết người dân mua sắm đủ thứ, trong đó có chiếc nón đội đầu. Nón mua mới tại chợ, ngày Tết không ai đội nón cũ bung vành, rách mái. ngoài chiếc dù, khăn đóng, các bà các chị đội chiếc nón còn thơm mùi dầu, mùi lá dáo quanh làng, thăm họ hàng, bà con trong ba ngày xuân, quả là thơm tất biết bao. Đội nón ra đường còn làm tăng thêm vẻ đẹp, nhất là phụ nữ lại càng duyên dáng.

Quảng Nam có nhiều làng chuyên chằm nón: Giảng Hòa ở Đại Lộc, Duy An ở Duy Xuyên, Quế Minh ở Quế Sơn, La Bông ở Hòa Tiên... theo chân những người vào Nam mở đất, thuở ban đầu nón có hình chóp nhọn đầu, vành rộng chằm bằng sợi chỉ dâu hoặc thơm (dứa), đay, treo quai bằng vải hoặc lụa. Theo thời gian qua bao đời thay chiếc nón thích nghi với bản địa, đã thay đổi hình dáng nhiều lần. Từ đầu thế kỷ XX về trước, người Quảng Nam chằm loại nón hình bầu gọi là nón bầu (đỉnh nón bầu, trắng) mà chưa có nón hình chóp. Đây là loại phổ biến xưa kia ở Quảng Nam, người bình dân đa số họ sử dụng loại nón này vì dễ mua sắm. Tầng lớp trên đội nón thúng sang hơn, trông giống cái thúng úp lên đầu. Ngày ấy ra đường hoặc vào dịp Tết ai đội nón thúng quai thắt bằng vải thao³³ thì đấy là tầng lớp trên, hoặc những gia đình giàu có phú hộ. Cùng với nón thúng là nón bầu



³³ *Vải thao*, một loại vải thứ phẩm của lụa bằng tơ tằm

và nón có vành rộng, đội lên như chiếc mũ cối thời nay. Người dân làng Giảng Hòa chăm loại nón này bán cho thanh niên đi đồn điền cao su, cà phê ở miền Nam, Tây Nguyên thời thuộc Pháp. Đến những năm 30 của thế kỷ XX chiếc nón hình chóp ra đời vành rộng ưa nhìn. Ngày Tết người dân Quảng lại xum xoe với chiếc nón lá diễn bản trên đầu.

2/ Chuẩn bị gần

Xuân không phải đến ngay buổi giao thừa mà nó đến từ từ, chẳng phải ngay khi trên tờ lịch ghi lập xuân là xuân đến. Khúc dạo đầu của mùa xuân len vào từ tháng chạp, xâm nhập vào không gian, và lòng người từ khi nào, nhiều ngày thể hiện trong màu nắng tươi vàng. Ở thôn quê xứ Quảng, nắng tháng chạp có pha chút màu xanh lá chuối gói bánh tét. Tháng Chạp ngoài đồng phon phớt màu xanh lục của lúa. Cây mồng (mạ) như tấm hương mới đỏ mà đã nở thành bụi lúa.

Là phong tục giành riêng cho việc tu tảo phần mộ tổ tiên. Mùa này là độ cuối đông đầu xuân, khí trời còn nhuốm màu se lạnh, có mưa, đôi khi gió mùa đông bắc thổi từng đợt lạnh ngọt lại là lúc đền ơn đáp nghĩa cho ông bà tiên tổ. Trong nắng tháng chạp người ta đi tảo mộ (giấy mã) từ mồng một tháng mười một đã bắt đầu dưới trời mưa se lạnh. Đôi khi xứ Quảng lạnh suốt tháng Chạp, lạnh băng sang tháng Giêng, sáng có sương, trưa có nắng và chiều lạnh, lạnh thấu đêm. Trong cái nắng tháng chạp, ngát ngây, mặc thêm chiếc áo ấm, nắng vẫn hiền lành có màu của vàng ròng, đây là cảm giác xuân ở Quảng Nam, người ta chỉ có thể khoanh tay trước ngực nghe cái lạnh bằng bạc, dần trải quanh người, lạnh không thể trốn được, lại có nắng hanh vàng không thể mặc áo ấm khi nắng sang xuân đã âm ỉ dịu hiền. Xứ Quảng lạnh ẩm đan xen nhau trong tiết trời tháng Chạp quả là quyến rũ lạ kỳ. Thời tiết như thế là một báo hiệu còn mấy ngày nữa là Tết đến! Các thành phần dù có bất hảo đến mấy nhưng trước anh linh tiên tổ và những người tiền bối của họ, họ không có thái độ hỗn láo. Công việc đầu tiên là giấy mã, mộ phần được vun đắp lại chu đáo hơn, dọn sạch cỏ. Mỗi tộc họ trong làng dành cho công việc này từ hai đến ba ngày là xong. Tiếp là lễ chạp, trong

lễ chạp có cúng tế, có nơi kèm với văn tế, có nhạc cổ bát âm³⁴, trống chiêng tạo nên không khí lễ hội trang nghiêm ầm ập hùng tráng. Việc chạp lạp tiến hành trong một ngày, dù tộc họ lớn hay nhỏ sau buổi chạp là tục lễ đóng góp, người ta chia làm hai hệ: nội thân, ngoại thích. Nội gánh phần nặng và chịu trách nhiệm chính, ngoại là phụ, được giao phần nhẹ hơn. việc đóng góp có quy định hiện vật và tiền để chuẩn bị cho lần chạp năm sau, có khi tổ chức nuôi heo hoặc bò, giao cho một người nào đó chăm sóc.

Sau tục chạp mả, thời gian còn lại là chờ đợi mùa xuân. Từ tục chạp mả đến tết nguyên đán không có phong tục nào kèm theo, chỉ đến những ngày giáp Tết hoặc ngày Tết có nơi tổ chức lễ hội đua ghe, hội bắt cọp... Việc ruộng đồng sau chạp mả lại khăn trương vào vụ, mọi cánh đồng lúa non xanh mướt chuẩn bị sang xuân, thuốc lá đang là thời kỳ lên hàng.

. Liễn, đối các loại lịch cho Tết

Tháng Chạp cũng là lúc ngoài chợ xuất hiện những câu đối Tết và lịch Tết các loại. Lịch, ngày trước có nhiều loại song chủ yếu là lịch vạn niên (loại 60 năm), lịch coi ngày, giờ... viết toàn bằng chữ Hán. Từ thời Pháp thì có lịch blốc, gần đây có lịch treo tường, có tranh thiên nhiên, tranh phụ nữ, trẻ em, tranh nhà cửa, tranh bon sai, tiểu cảnh,...loại này trong nước sản xuất là chủ yếu, một ít mua từ nước ngoài. Ở làng, thôn quê rất ít sử dụng loại lịch treo tường nhiều tờ, đa số người ta sử dụng loại lịch blốc treo ở cột nhà hoặc bờ phen. Thêm, còn có lịch để bàn, lịch bỏ túi. Thông thường vào dịp Tết ở xứ Quảng ít ai xin câu đối và liễn, và cũng ít ai làm câu đối trừ những lúc ngẫu hứng xuất khẩu tại chỗ (không kể những ông đồ đặt câu đối cho vợ

³⁴ *Nhạc bát âm* gồm: 8 nhạc cụ thường sử dụng trong hát bội, hát giáo tuồng, lễ hội, trong quan, hôn, tang, tế... ngày xưa người ta thường sử dụng âm của 8 nhạc cụ khác nhau hòa thành âm sắc mà ta thường gọi là nhạc bát âm. 1/ *Bào*: đây là 1 bộ gõ dùng để gõ, tiếng kêu trong hơn tiếng mõ; 2/ *Thỏ*: 1 dụng cụ bằng đất nung, tiếng kêu thanh; 3/ *Cách*: cái trống; 4/ *Mộc*: cái mõ âm thanh trầm hơn tiếng bào; 5/ *Thạch*: 2 miếng đá rất mỏng; 6/ *Kim*: cái chuông giống như cái linh; 7/ *Tu(tơ)*: cái đàn có 16 dây; 8/ *Trúc*: ống sáo, ống tiêu. Ngày nay nhạc bát âm không còn phổ biến nguyên bộ trong các lễ hội cũng như trong quan, hôn, tang, tế mà thay bằng kèn, trống, đàn nhị, đàn kìm.

hoặc con mang xuống chợ bán). Đôi, liền vào dịp Tết bày bán nhiều ở các chợ, cần thiết tìm một đôi câu đối cứ việc xuống chợ Tết mua ở các quầy bán hàng giấy, hàng mã. Có thể mua những câu:

*Xuân đáo xuân lai xuân bất tận
Nhật thăng nhật giáng nhật trường tồn*

Hoặc:

*Nhứt thất thái hòa chơn phú quý
Hải môn xuân sắc hưởng vinh ba (hoa)*

mang về dán lên cột nhà.

Thời gian vào tháng chạp là lúc không khí Tết gần kề, mọi người đều làm mới lại từ ý thức đến việc làm, cách ăn mặc, đi đứng đến nói năng,...vì thế nên phải tiến hành hót tóc gọn gàng trước khi ngày Tết đến; đồng thời sắm sửa giày dép mũ nón để đón Tết. Vào tháng chạp bắt đầu rộ lên khắp mọi nơi từ nông thôn đến thành thị, nhất là trẻ em lại càng đề ý đến tóc tai vì không chỉ đến dịp Tết mà những ngày sinh hoạt bình thường cũng thường thể hiện “cái tóc là vóc con người”.

-Sắm sửa đồ dùng trong nhà:

Ngoài dịp Tết, bình thường những ngày khác trong năm cũng có những ngày tết nhưng không có lễ hội lớn, chỉ có những lần giỗ, kỵ trong phạm vi gia đình, nhu cầu dụng cụ trong nhà không lấy làm lớn nên cũng không phải mua sắm gì thêm. Mùa xuân đến, Tết về là lúc nhu cầu mới xuất hiện, người ta thường đến chợ tết mua sắm những thứ cần thiết nhất về dùng cho dịp Tết và cho cả năm. Từ cái chén, cái bát ô tô đến cái chổi quét nhà, cái cặp, cái rế, đĩa bếp.... ở thành thị đĩa ăn cũng phải sắm mới. Đặc biệt, vào dịp Tết mọi nhà thường mua đồ trang trí nơi bàn thờ tiên tổ, mua mới các loại lư hương, chân đèn, một số đồ lễ dùng vào việc thờ cúng tổ tiên.

- Cúi đun vào những ngày Tết:

Những ngày trong tháng chạp điều quan tâm là chuẩn bị cúi đun, người ta tích trữ vài ba tháng trước đó, để riêng một góc nhà, góc trại, ở thôn quê thường gác trên sạp chuồng heo để giành cho những ngày Tết. Những gia đình không chuẩn bị kịp

củi đun (chụm) nội trong tháng chạp phải mua sắm để giành cho Tết.

Củi có khi phải tích trữ đủ dùng cho cả tháng Giêng bởi thường, tháng giêng công việc đồng áng còn thưa nên nghĩ là tháng ăn chơi, không ai phải vất vả với việc củi lửa e rằng quanh năm nhọc sức.

3/ Những ngày giáp tết:

Từ 20 âm lịch đến sáng 30 hoặc chiều 29 tháng Chạp là thời gian thể hiện các tục lệ tiếp cận với Tết. Thời gian này là lúc tưởng như chạy đua với công việc còn lại của năm cũ, phải hoàn



thành mọi công chuyện có liên quan đến Tết trước khi năm mới sang. Người ta sẽ không để phải đeo sầu mang nợ vào năm mới. Tất cả bước vào năm mới phải được bằng lòng, phải được trang trải, có khi đã giải bày xong trong năm cũ những mắc mứu phiền hà có liên quan đến cá nhân, mỗi nhà, cộng đồng, chính vì vậy mà tục đi tết được đặt ra.

- Đi Tết thầy học, thầy thuốc, nhà vợ, ông mai.

Ngày Tết có tục đi tết thầy dạy con cái học hành trong năm, đây là thời điểm tốt nhất để tỏ lòng biết ơn, theo quan niệm “tôn sư trọng đạo” của người xưa mà người dân Quảng Nam - Đà Nẵng thể hiện trong dịp Tết xưa đến nay. Thông thường lễ đi tết (tức là tặng, biếu, cho) thầy học một ít sản phẩm địa phương dùng trong những ngày Tết, có thể có 2 con gà trống thiến mà học trò đã chuẩn bị từ lâu, đường bát, nước mắm, bánh khô, bánh in... tùy theo sản phẩm từng vùng mà có lễ tết với thầy.

Ngày Tết, thầy thuốc cũng được đi tết vào dịp như tết thầy dạy học. Ngày xưa hai thành phần này được mọi người kính nể, xem trọng. Đi tết cho lương y là tỏ lòng biết ơn thầy thuốc lúc ốm đau bệnh hoạn. Ngày xưa lương y trị bệnh cho người ốm đau tùy theo từng vùng cư trú, mỗi vùng có một lương y quen thuộc. Vì vậy, đi tết cho thầy thuốc cả vùng có con bệnh quen thuộc được thầy chữa trị trong năm đều có đi tết. Cách thức và lễ vật giống như đi tết thầy học.

- Sui gia, chàng rể cũng nhân những ngày cận Tết mà có lễ đi thăm cha (cậu) mẹ vợ (vợ chưa cưới), bà con gần bên vợ, cách như vậy cũng gọi là đi tết. Chàng rể còn đi tết cho ông mai, bà mối đã giúp đỡ cho hai bên sui gia trai gái, tạo điều kiện cho việc tiến tới hôn nhân.

- Những ngày áp Tết có “tất niên” đãi đằng thân thuộc bạn bè. Tùy theo thu nhập kinh tế trong năm của mỗi gia đình mà có lễ tất niên lớn hay nhỏ. Lễ tất niên bình thường được hiểu đây là một buổi tiệc mừng, tiễn năm cũ đi trọn vẹn, tiễn một năm không xảy ra sự cố gì lớn, hay có khi sự cố xảy ra song không ảnh hưởng đến cuộc sống thường ngày và đã khắc phục được

- *Quét dọn đường làng, sân, ngõ:*

Những ngày giáp Tết bắt đầu từ Tết Táo Quân 23 tháng chạp, những người già trong làng thường hay quan tâm đến công việc chung của làng tại đình, chùa, miếu, trong đó có quét dọn đường làng sạch đẹp đón xuân. Vào những ngày này, đường làng được phát quang, đắp sửa những nơi hư hỏng. Việc này do làng quy định mọi người trong làng ai cũng tham gia.

- *Giặt giũ quần áo, nhà cửa, bàn ghế, giường chiếu...*

Ngày Tết càng đến gần, không khí Tết lan về các làng quê càng nhộn nhịp, vào tận gia đình đến với mọi người, đặc biệt trẻ em thì nôn nao chờ đón Tết đến hơn cả. Những ngày này mọi người ai cũng chuẩn bị Tết cho riêng mình, cho mọi người, cho ông bà tiên tổ. Giặt giũ quần áo, lau chùi bàn ghế, quét dọn nhà cửa, giường chiếu... sạch sẽ trước khi đón giao thừa. Việc làm như thế là lệ thường năm trong mỗi gia đình.

- *Lau chùi bàn thờ tiên tổ:*

Các bà đi chợ thường không bao giờ quên việc mua sắm vàng mã, hương đèn từ chợ Tết về bày biện lên bàn thờ tiên tổ. Các bậc cha mẹ những ngày này hoặc là tự tay mình, hoặc nhắc nhở con cháu sửa soạn lại nơi thờ tự gia tiên, lau chùi quét dọn cho sạch sẽ. Các loại đồ thờ như lư hương, đỉnh đồng, chân đèn đều được đem lau chùi bóng loáng cẩn thận.

- Đi chợ Tết, làm thịt heo:

Tháng Chạp, đến chợ người ta thường gặp các loại hàng giấy, người dân Quảng Nam quen gọi là “đồ giấy”, trong đồ giấy có đồ gói. Đồ giấy chính là hàng hóa bày bán phục vụ ngày Tết theo chủ điểm thờ cúng gia tiên và một số các loại thần. Đồ giấy gồm: hương đèn, giấy vàng bạc, giấy tiền, giấy ngũ sắc, giấy bông đủ loại, giày, mũ mào cho thổ thần, nón, guốc cho bà... riêng bộ đồ gói là một tập hợp gồm người thể hình con heo, con bò, hình nhà, hình người và một số loại giấy màu khác gọi là giấy đất gói chung.

Đến trưa 28 hoặc 29 Âm lịch, khắp xóm làng lại vang lên tiếng kêu eng éc của heo. Đây là lúc làm thịt heo cho tết. Nhà giàu có, có thể mổ một con để dùng vào dịp Tết, những nhà nghèo hơn họ tập hợp lại ba, bốn có khi năm nhà mổ một con heo. Từ quá trưa đến chiều những ngày này không khí Tết đã bắt đầu cùng với không gian, thời gian dường như cũng khác hơn so với những mùa khác trong năm. Từ chiều hôm ấy, mọi người cũng thấy khác thường, phấn khởi hơn, lúc này cảnh gia đình làm ăn đâu xa cũng lần lượt tụ tập về đông đủ quây quần chuẩn bị cho nồi bánh tết, bánh rò, nướng những cái bánh in ngon lành ngày Tết.

- Gói bánh tết, bánh rò

Phiên chợ Tết ngày 30 thật nhộn nhịp, người đi chợ vội vàng, người bán hàng cũng không kém nôn nao, thời gian như trôi qua quá nhanh trong tính toán của con người. Tuy vậy, chợ nhộn nhịp đến quá trưa, lâu hơn đến nửa chiều là ngời dãn, người thưa, hàng quán bắt đầu khăn trương dọn dẹp hàng hóa. Đường làng chiều 30 Tết bỗng vắng hơn, một vài người qua lại trong sự nôn nao của buổi chiều còn lại cuối năm.

Không gian cuối năm se lạnh, có năm có mưa lâm tẩm, cảnh mùa xuân lại càng thể hiện vẻ đẹp dịu dàng hiền hòa của tự

tin, phấn khởi. Ngày 30 Tết quả là rộn ràng, mỗi nhà bắt đầu gói bánh tét, làm bánh rò. Trên sân vài ba chiếc nong, nia phơi lá chuối, trong nhà sẵn sàng với thùng nếp, nồi nhun (nhân). Lại có nhà còn gói giúp bánh tét cho người hàng xóm nữa. Cảnh ngày 30 kè Tết quả thật khảm trang trong tâm trạng mọi người.

- *Đòi nợ Tết:*

Lại còn chuyện đòi nợ Tết. Nợ nhau cả một năm dài, thế nào cũng phải trả trước giao thừa. Người nào làm ăn kém may mắn trong năm thường đeo sầu, đeo nợ vào những ngày giáp Tết phải lo mà thanh toán cho xong. “Gạo tháng Giêng, tiền tháng Chạp” là vậy. Chủ nợ đến nhà thúc giục tới tập bên lưng, con nợ lo lằng chạy vay tìm cách thanh toán nợ nần.

4/ Làng chuẩn bị Tết

Trong không khí vui riêng của mỗi người, mỗi nhà, ngày Tết còn có không khí vui chung cùng làng xóm. Tết chung ở vùng quê thường tập trung tại đình làng, chùa làng hoặc miếu làng. Thời gian này, mộ phần tộc họ trong làng đã tổ chức sửa sang tưởng niệm xong, thời gian còn lại trước Tết làng tổ chức cúng tế ở miếu làng (miếu được xem là nơi cúng tế ma quỷ). Cúng ở miếu làng nêu gọt bỏ biểu tượng tập trung của sự thờ cúng ma quỷ thì vào thời kỳ trước đây vẫn hàm chứa một khía cạnh nhân đạo sâu sắc. Ở miếu, nhân dân biểu lộ mặt tình cảm, lòng thành kính đối với tất cả những vị thánh thần được phong tước hiệu đến những kẻ vô danh, là những liệt sĩ đã hy sinh nơi chiến trận cho đến những người rủi ro ở xó chợ đầu đường.

Khi cúng, tế ở miếu, nhân dân có đọc bài văn tế có khi bằng chữ Hán có lúc bằng chữ Nôm thể hiện sự tôn trọng, cảm thông đầy tình thần nhân đạo.

- *Quét dọn đình miếu, chùa*

Ở đình làng, ông Thủ bồn (có nơi gọi là Thủ từ) là người có trách nhiệm trông coi, đồng thời lau chùi dọn sạch sẽ bụi bặm trên bàn thờ, hương án ở đình, miếu.

Đúng ngày 25 tháng chạp, sau Tết tảo quân, Thủ bồn mang cò, phướn ra cắm trước sân đình. Cò thường là cò đuôi nheo, ngũ hành. Cùng với ông Thủ bồn là một số trưởng tộc trong làng, một số người già tại làng đến tế lễ tại đình làng để làm lễ dựng neo.

Cây neo không chỉ dựng ở chùa mà còn dựng ở đình làng. Trước sân đình dựng một cây nêu bằng tre, trên ngọn chừa lại một ít cành lá, người ta cột một chiếc giỏ bằng tre, lót giấy vàng bạc, trong đựng trầu cau. Giỏ được cột trên cây neo đoạn dưới cành lá.

Xưa kia, ngày Tết nhà nào cũng có dựng nêu song không có lá phướn như ở chùa, neo được dựng lên ngay chiều 30 Tết lúc làm lễ gia tiên rước ông bà về vui Tết cùng con cháu. Rước ông bà về nhà mới dựng cây nêu có rắc vôi bột hình cung tên là mang ý trừ khử ma quỷ vào quấy phá tổ tiên.

Chu kỳ sửa soạn đón xuân nếu quan sát, chúng ta sẽ thấy người xứ Quảng bắt đầu từ nửa năm về Tết. Mọi công việc nông tang cấy cấy đều hướng về điểm kết thúc và cũng là điểm bắt đầu. Đây là ngày Tết cổ truyền dân tộc./.



THƠ LỤC BÁT – HÀNH TRÌNH TỪ CỔ TRUYỀN ĐẾN ĐƯƠNG ĐẠI

1. *Thơ lục bát ?*

Thơ lục bát là loại thơ mà đơn vị nhỏ nhất là hai câu, một câu sáu tiếng và một câu tám tiếng. Thơ có thể dài mấy cũng được, nhưng kết thúc phải là câu tám chữ.

Trong quyển *Từ điển Thuật ngữ Văn học* [³⁵] định nghĩa: *một thể câu thơ cách luật mà các thể thức được tập trung thể hiện trong một khổ gồm hai dòng với số tiếng cố định: dòng 6 tiếng (câu lục) và dòng 8 tiếng (câu bát)...vừa gieo vần chân, vừa theo vần lưng, tiếng cuối câu lục gieo vần xuống tiếng thứ sáu câu bát, tiếng cuối câu bát gieo vần xuống tiếng cuối câu lục tiếp theo.*

Lục bát của người Việt là thể thơ do người Việt sáng tạo nên, theo đó, xưa nay các nhà nghiên cứu đều nhất trí rằng thơ lục bát là thể thơ dân tộc. Và là thể thơ dân tộc nên mang đậm phong vị ngôn ngữ dân tộc Việt. Trong lời nói thường ngày đã mang hơi hướm của loại thơ này. Cho nên thơ lục bát dễ nhớ và dễ thuộc do tiết tấu và vần điệu của thơ cho phép lắng vào lòng người một cách tự nhiên.

Câu thơ sau đây là một biểu hiện của sự hồn nhiên, sâu lắng:

*Bỗng như một sự vô tình
Ru con, anh phải đi tìm lời ru
Lời ru nép giữ trang thư
Phôi phai nét chữ ngổ như hững hờ
Bao nhiêu buồn giận băng quơ
Bao nhiêu thương nhớ bây giờ là đây....^[36]
Hoặc như:*

³⁵ *Từ điển thuật ngữ văn học*, Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi, NXB Giáo dục, 1992, tr. 131.

³⁶ *Những bức thư không gửi*, thơ Bùi Công Minh.

...Tà tà bóng ngả về tây
 Chị em thơ thẩn dang tay ra về.
 Bước dần theo ngọn tiểu khê,
 Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh:
 Nao nao dòng nước uốn quanh,
 Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
 Sè sè nắm đất bên đàng,
 Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.
 Rặng: “Sao trong tiết thanh minh,
 Mà đây hương khói vắng tanh thế mà ?”...^[37]

Trong bài viết đăng trên ấn phẩm Diệu Âm ^[38], tác giả Võ Long Tê có bài “*Quan điểm lịch sử và thẩm mỹ về thể thơ lục bát*” đặt vấn đề, rằng: thể lục bát có phải là một thể thơ tiêu biểu cho thi pháp Việt Nam hay không? Và bài viết tìm về nguồn gốc thể lục bát. “*Các học giả không đồng ý kiến về nguồn gốc thể lục bát. Có người chủ trương thể lục bát xuất xứ từ thi pháp Trung Hoa, có người nhận xét đó là một thể thơ chung cho nhiều dân tộc ở Đông Nam Á, nhưng phần nhiều đều quả quyết đó là một thành tích sáng tạo của dân tộc Việt*”. Và bài viết cho rằng những người chủ trương thể thơ lục bát là một thi điệu Trung Hoa chưa từng nêu ra một thi phẩm nào của Trung Hoa làm bằng chứng mà chỉ viện dẫn mấy câu trong Kinh dịch và Tống sử ^[39]. Có ý kiến cho rằng câu trong Kinh dịch gượng ép mà thành thể lục bát “*theo lối cú điệu xưa nó tách rời ra thành từng câu chữ không đọc liền một hơi như lối đọc lục bát*” ^[40].

³⁷ *Truyện Kiều bản 1866*, Nguyễn Du. Theo bản Liễu Văn Đường – Nghệ An, Nguyễn Quảng Tuân, phiên âm, khảo dị, NXB Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

³⁸ *Diệu Âm*, Đặc san của chùa Quán Thế Âm – Ngũ Hành Sơn, NXB. Đà Nẵng 4-2011.

³⁹ Trong Kinh dịch: *Lục tam: hành chương khả trình / Hoặc tông vương sự vô thành hữu chung*. (Hào sáu ba: ngậm vẻ sáng đẹp có thể chính bền/Kê theo việc nhà vua, không nên công cũng được trọn vẹn. Theo Bửu Cầm: *Ca dao, nền tảng văn học dân tộc*. Nội san Viện khảo cổ, số 2, Sài Gòn, tháng 3-1956, bản in roneo. Trong Tống sử: *Đế vị Thái Xác hữu công/Sử chi tông sự Triết tông miếu đường*. (Vua bảo rằng Thái Xác có công/. Cho được thờ chung ở miếu vua Triết tông. Theo Lam Giang: *Khảo luận luật thơ*. Tân Việt, Sài Gòn, 1958.

⁴⁰ *Thử tìm cái đẹp trong ca dao*, Sơn Tùng, Tiểu thuyết Thứ bảy, loại mới, số 10, Hà Nội, 4.6.1949.

Người Trung Hoa lấy làm ngạc nhiên trước thể thơ lục bát của Việt Nam, điều này đã được Nguyễn Huy Ánh viết trong tập *Nhật trình Bắc sứ* bằng tiếng Hán. Theo lời Phạm Đình Toái trong bài tựa sách dịch thiên *Nguyệt Lãm* trong Kinh Lễ nói rằng “*người Trung Hoa tới chơi nước ta lấy đọc thì không ai không khen phục*” [41]. Như thế, để biết rằng người Việt đã sáng tạo ra thể thơ lục bát được xem là thể thơ dân tộc thì đã rõ.



2/ Từ cổ truyền...

2.1. Thơ ca lục bát dân gian

Gắn liền với dân tộc Việt, thơ lục bát xuất thân từ ca dao, dân ca dân tộc, nên cũng gọi loại thể thơ lục bát cổ truyền là thơ ca dân gian.

Thơ ca dân gian mang tính nguyên hợp, hình thành từ trong môi trường lao động, trong quan hệ xã hội, quan niệm tâm linh. Thơ ca dân gian có nhiều điểm tương đồng với dân ca và thường thể hiện gắn với âm nhạc và múa dân gian. Văn học dân gian phản thơ ca, cuộc sống đời thường của người dân được phản ánh trong những câu ca dao dưới hình thức thơ lục bát. Ở đó thơ mang đậm tâm tư tình cảm con người, những triết lý về cuộc nhân sinh. Và để thể hiện cung bậc của thể loại thơ này vào quần chúng nhân dân, câu lục bát dần uyển chuyển, tải đi các làn điệu dân ca: lời ru, hát lý, các điệu hò, mà ta thường nghe phảng phất trong cuộc sống. Điều đó đã gắn liền với đời sống lao động của người dân. Bởi xét cho cùng *thơ* là loại hình văn học bao gồm nhiều thể loại: thơ lục bát, song thất lục bát, lục bát biến thể, hoặc thơ Đường luật, thơ ngũ ngôn,...; *ca* là ca lời thơ thành những làn điệu mang cung bậc khác nhau. Do đó, thơ ca dân gian thường được diễn xướng trong môi trường dân gian. Thơ lục bát thời kỳ đầu của sự phát triển, hẳn đã tồn tại trong dân gian và bắt nguồn từ trong ca dao dân tộc Việt. Và vì trưởng thành trong môi trường dân gian nên ca dao lục bát là *những bài thơ do quần chúng bình*

⁴¹ *Đại Nam quốc sử diễn ca*, Hoàng Xuân Hãn, Trường Thi xuất bản lần ba, Sài Gòn 1956.

dân sáng tạo và được ca lên bằng những làn điệu với nhiều cung bậc khác nhau, biểu hiện tình cảm của tầng lớp bình dân. Với cách hiểu này, chúng tôi khảo sát thơ ca lục bát dưới góc nhìn văn học, phân âm nhạc dân gian, tức phần ca, chúng tôi tách ra khảo sát trong các làn điệu dân ca ở một dịp khác. Ví dụ:

Lời thơ dân gian:

- Trèo lên dốc ngược nhọc nhằn
Mưa tuôn nắng cháy, vững bền vượt lên.

Lời ca/hò dân gian:

- Khoan ơ khoan. Khoan hò khoan
Trèo lên / khoan hò khoan / dốc ngược / khoan hò
khoan / nhọc nhằn / khoan hò khoan
Mưa tuôn / khoan hò khoan / nắng cháy / khoan
hò khoan / vững bền / khoan hò khoan vượt lên / khoan hò khoan
/ là hố.

Hoặc, lời thơ dân gian (biến thể):

- Con ghé xe
Mình chăm ngược cho gặt
Bắt ngược cho hay
Lên bằng mà nghĩ con hè?

Lời ca dân gian:

- Con ghé xe
Mình chăm ngược cho gặt
Bắt ngược cho hay
Lô lô chăm lô
Lên bằng mà nghĩ con hè?

Từ môi trường thơ ca dân gian, thơ lục bát thể hiện thành công nội dung và nghệ thuật, từ đó, thơ lục bát thoát ra môi trường dân gian, mang theo tâm tư tình cảm của người dân để khẳng định mình là một thể loại thơ lục bát, tồn tại với tư cách là một thể loại thơ có truyền thống dân tộc trên văn đàn đương đại.

2.2. Thơ lục bát chuyển tiếp

Nhiều nhà nghiên cứu lịch sử văn học cho rằng thơ lục bát trước khi trở thành thể loại tồn tại trong văn đàn đương đại, đã trải qua giai đoạn chuyển tiếp, được xếp vào giai đoạn thơ ca trung đại.

Những câu thơ lục bát sau đây, thể hiện sự chuyển tiếp từ lục bát ca dao sang thời kỳ của các truyện nôm ra đời, được xem tồn tại giai đoạn trung đại trước khi phát triển thành thơ lục bát đương đại ngày nay. Câu thơ lục bát thời kỳ này thể hiện trong các tác phẩm: *thơ thầy Thông Chánh, Phạm Công Cúc Hoa, truyện Phan Trần, Bích câu kỳ ngộ*,... thời kỳ này về nghệ thuật vẫn còn mang tính chất quần chúng, phản ánh hoạt động của họ thông qua ngôn ngữ bình dân. Tuy nhiên không phải không có trau chuốt cho câu thơ nhẹ nhàng, mềm mại, uyển chuyển biểu đạt được tình cảm, đậm thắm, kết hợp giữa lãng mạn và hiện thực trong thơ. Đây là bước tiếp nối từ lục bát nôm lên thơ lục bát.

Đoạn lục bát trong *Bích câu kỳ ngộ*: ^[42]

*Thành Tây có cảnh Bích câu
Cỏ hoa góp lại một bầu xinh sao
Đua chen thu cúc, xuân đào
Lựu phun lửa hạ, mai chào gió đông
Xanh xanh dầy liễu ngàn thông
Cỏ lan lối mực, rêu phong dấu tiêu
Một vùng non nước quỳnh giao
Phát phơ gió trúc, dặt dìu mưa hoa,
Triều Lê đương hội thái hòa,
Có Trần công tử, tên là Tú Uyên...*

Đoạn lục bát trong *thơ thầy Thông Chánh*:

*Nhứt trình Vĩnh Ký đặt ra,
Chép làm một bốn để mà coi chơi.
Trà Vinh lắm kẻ kỳ tời,
Có thầy Thông Chánh, thiệt người khôn ngoan.
Đêm nằm nát ruột, nát gan,
Ôm thù Biện lý chẳng an trong lòng.
Chùng nào tỏ nỗi đục trong,
Giết quân Biện lý trong lòng mới thanh ...^[43]*

Trong số truyện thơ như vậy, đỉnh cao là *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Vào thời đó, Tố Như vẫn sử dụng lục bát ca dao

⁴² *Bích câu kỳ ngộ*, Thi Nham Đình Gia Thuyết, đính chính chú thích, NXB Tân Việt, 1964.

⁴³ Thầy Thông Chánh bắn Biện lý Jaboin là ngày Chánh Chung (tức Quốc khánh Pháp ngày 14/7 thực tế ngày bắn là ngày 14/5 năm 1893).

trong thơ mà sau này có nhiều câu thơ trong Kiều đã bước khỏi trang sách trở về với ca dao như là sự đương nhiên phải vậy. Và có những câu đã ca dao hóa, lặn vào cuộc sống đời thường của người bình dân. Nhưng thơ lục bát trong Truyện Kiều là những sáng tạo vượt xa ca dao lục bát. Câu thơ có sáng tạo, đôi khi bỏ nhịp chẵn 2/2 mà tạo ra nhịp lẻ 1/5, 3/3, 4/4, 2/1/3, 3/3/2,... vậy mà người đọc vẫn thấy hay, đọc không vấp vấp, nhất là câu thơ dù thể vẫn chuyển tải nỗi niềm đắm thắm, thiết tha, vẫn mượt mà theo cách riêng của thơ lục bát.

*Làn thu thủy / thấp xuân sơn
 Hoa ghen thua thắm / liễu hờn kém xanh
 Một đôi / nghiêng nước / nghiêng thành
 Sắc đành đòi một / tài đành họa hai
 Thông minh / vốn sẵn tính trời
 Pha nghề thi họa / đủ mùi ca ngâm
 Cung thương / lầu bạc / ngũ âm
 Nghề riêng ăn đứt / Hồ cầm một trương* ^[44]

3/ ... Đến đương đại.

Trên văn đàn đương đại, thơ lục bát vẫn còn mang theo trên mỗi câu thơ chất dân gian lục bát. Đây là điều cho chúng ta ngày nay biết rằng, sự tiếp biến từ ca dao lục bát đến thơ lục bát đương đại – từ cổ truyền đến đương đại – cơ bản vẫn không có sự thay đổi lớn, kể cả vỏ âm thanh, niêm luật và nội dung biểu đạt. Bởi lục bát chính là thể loại thơ ca dân tộc. Ngày nay, người làm thơ, không một thi sĩ nào không làm thơ lục bát.



*Em giờ tóc gió thổi bay
 Phấn quỳnh đầm cũ sang ngày còn hương
 Gót hài vang khúc Nghê Thường
 Nghiêng khoe vóc liễu màu sương chưa nhòa...
 ...Em giờ tóc gió buồn hiu
 Bồng bênh sợi nắng dặt dìu hồn thơ*

⁴⁴ *Truyện Kiều bản 1866*, Nguyễn Du. Theo bản Liễu Văn Đường – Nghệ An, Nguyễn Quảng Tuân, phiên âm, khảo dị, NXB Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học, 2004.

*Nghe chẳng dưới bến sông chờ
Ai hong tóc rối, nhạt bờ môi xưa ?* ^[45]

Ở bất cứ thời điểm nào, vào giai đoạn nào của lịch sử dân tộc, thơ lục bát vẫn vang lên, bằng ký tự La-tinh, (chữ quốc ngữ, tiếng nước ta,...), không chỉ nhẹ nhàng, êm ái, lãng mạng đến nao lòng mà còn hào hùng trong những lần ra trận, hành quân giữ nước. Thơ lục bát đương đại ở đâu và lúc nào cũng mang đầy nhuệ khí, cái cần phải thể hiện nhuệ khí. Tâm hồn dân tộc đa dạng và phong phú biết chừng nào ! Khi cái biểu đạt được đưa vào thơ để thể hiện nội dung tư tưởng không làm cho người đọc cảm thấy trực trặc trong từng câu thơ, như thế là đã đạt đến cái cần biểu đạt, nghĩa là đã đạt hiệu quả nghệ thuật trong sáng tác của các nhà thơ.

*Thôi từ biệt nhé, Bến Tre
Những ngày chiến đấu say mê, hào hùng...
Đánh xe, phá ấp, công đồn
Rạch Dầu, Phú Túc mãi còn khắc sâu
Giã từ đất ẩm chiến hào
Con kinh “kháng chiến” nhịp cầu “đấu tranh”
Giã từ Minh Đức Kiên gan
Bốn lần giặc chiếm, bốn lần vùng lên
Mặt trời đang xé bóng đêm
Bớt tan rồi, lại sáng đèn chợ khuya.^[46]
...Tiếc rằng trước lúc chia ly
Con chưa được thấy dáng đi của Người
Hắn trong đôi mắt sáng ngời
Còn nguyên vẹn một khoảng trời phương Nam
Con qua Cẩm Lệ, sông Hàn
Ngũ Hành Sơn đứng mơ màng bóng cha
Hỡi người những đất cùng hoa
Tắm thân bao cuộc xông pha trường kỳ...^[47]*

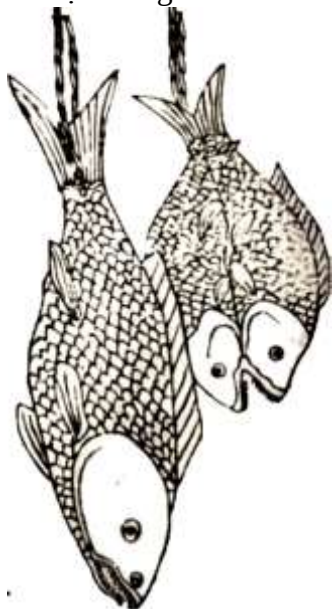
Hành trình từ cổ truyền đến đương đại, câu thơ lục bát dần vào phương Nam đã có sự cách tân, bắt đầu trong lục bát ca dao để biểu đạt cái có thể. Đến lượt câu thơ lục bát phải tự mềm dẻo, thay đổi hình thức để có thể chấp nhận được trong lòng

⁴⁵ Theo màu tóc gió, thơ Nam Giang.

⁴⁶ Giã từ Bến Tre, thơ Giang Nam.

⁴⁷ Gởi lòng con đến cùng cha, thơ Thu Bồn (1935 – 2003).

người dân lao động, cả những nhà thơ đương đại. Vần, niêm luật đã được dịch chuyển, nói rộng biên độ câu chữ, nhịp điệu để thể hiện cái có thể. Tuy vậy, câu thơ vẫn giữ nét mềm mại, dễ đọc, đọc lại dễ nghe, câu thơ lục bát vẫn phải trang bị cho mình bằng yếu tố vần và nhịp – cái làm nên sự xô đẩy trong tiết tấu của thơ lục bát – làm cho ý trước không thể không xuất hiện ý liền kề trong một quan hệ ngữ đoạn, liên kết với ý dưới một cách có nghĩa, đầm thắm, chấp nhận được mà người đọc quên đi, hay không phát hiện ra gieo vần, bỏ luật không theo thể thức truyền thống.



Câu thơ lục bát như thế đã là câu thơ hay của mọi thời đại.

Khảo sát một câu thơ biến thể từ lục bát, điều có thể nhìn thấy rằng để tồn tại cùng với quá trình phát triển lịch sử – văn hóa dân tộc, vùng miền, thơ lục bát luôn có sự thích nghi, đôi khi lục bát tạo sự khác biệt để cùng năm tháng, đi theo các sự kiện lịch sử - văn hóa diễn ra trong một vùng cư trú. Trong trường hợp đó, câu thơ lục bát đã có sự thay đổi để trở thành người cùng đường với ca dao dân tộc trong văn đàn thi ca vùng miền. Để biến hóa, câu thơ lục bát tự dung nạp, hay cần phải tạo ra yếu tố ngôn ngữ dư (phá luật), trong câu

thơ, đặc biệt tạo ra khả năng lựa chọn ngôn ngữ để biểu đạt mà không (đôi khi) phải giữ lại luật, thể hiện ở vần lưng – một cái vần khó chịu trong thơ lục bát. Để hiệp vần với câu lục, đến lượt câu bát không thể sử dụng phương thức kết hợp ngôn ngữ mà phải thực hiện thao tác lựa chọn. Chính đó câu lục bát, đôi khi phải tự phá vỡ niêm luật, tạo nên sự hy sinh về luật để đạt được khía cạnh biểu đạt, cái có thể biểu đạt khi cuộc sống của những người khai sơn phá thạch vào phương Nam sinh sống. Bấy giờ cuộc sống đang dập dờn lao nhanh về phía trước, thơ lục bát cần phải ghi lại và phản ánh tâm tư, nguyện vọng của con người, câu thơ theo đó phải thích ứng, phải tự cắt bỏ bớt niêm luật (khi cần thiết). Chính vì có khả năng dịch chuyển thanh, vần tại cái vần

lưng khó chịu kia mà câu lục bát khi hành trình vào Nam thể hiện được tính hiện thực, cái cần hiện thực cụ thể để văn đàn đưa tay thường xuyên tiếp nhận “đi cùng năm tháng” với quần chúng nhân dân trong quá trình phát triển văn hóa – lịch sử của mình. Đây là sự biến thể của thơ lục bát. Hãy nghe:

*Tay anh cầm cần câu trúc, ống câu trúc
lưỡi câu thau*

Muốn câu con cá biển chớ con cá bầu thiếu chi.

Từ đó, câu thơ lục bát trên hành trình vào phương Nam luôn tìm được cách thể hiện riêng không chỉ làm hài lòng con người nơi đây mà còn giữ được cho mình một khả năng biểu đạt không bao giờ bị sử dụng đến cạn kiệt khả năng thích ứng để có thể sẽ phải lặp lại chính bản thân câu thơ lục bát hoặc do bị “cạn” nên dễ rơi vào vùng lồi của văn đàn, tức thì có nguy cơ bị bỏ quên ngay trên mảnh đất mà lục bát có thể mạnh. Chính chỗ đó, cho thấy rằng thơ lục bát bước vào thời đương đại đôi khi giống thể loại anh em – ca dao lục bát – biến tấu thành những câu dài ngắn khác nhau không tuân thủ niêm luật lục bát như bản thân lục bát vậy mà vẫn phục vụ được bao người, vẫn thấy hài lòng, vẫn có cái nhìn mềm mại, chan chứa tự tình dân tộc.

Đây là biến thể, một cách thơ lục bát vừa tiếp biến từ ca dao lục bát, vừa tự đổi mình.

*... Nắng mưa đã trải ngàn ngày
Đôi dòng sông hóa đôi tay chiến trường
Thương sông thương tự ngọn nguồn
Thương em từ thưở đưa xuống anh qua
Dịu hiền như khúc dân ca
Thắm sâu chung thủy như là đất quê
Sáng như một ánh sao khuê
Tiễn anh đi, đón anh về tháng năm.^[48]*

Tuy thơ lục bát đương đại, gieo vần có thể biến tấu nhưng ngôn ngữ vẫn hàm chứa lời ăn tiếng nói của người bình dân, điều đó cho hay rằng, dù cách tân, hiện đại đến thế nào, câu thơ lục bát vẫn gần gũi với người bình dân. Cho nên thơ lục bát vẫn tồn tại đi cùng dân tộc.

⁴⁸ Trước nhà em sông Vu Gia, thơ Thanh Quế.

... Sang năm ra ở riêng rồi
Vợ tôi dệt lụa, tôi ngồi làm thơ.
Lụa may áo, bán còn thừa
Tôi đem thay giấy viết thơ chung tình.
Giăng câu này dưới mái gianh:
“Nhà cô thôn nữ, vợ anh học trò. [49]

Hoặc: Một đoạn thơ *Lỡ bước sang ngang* của Nguyễn Bính như lời nói thường mà đọng lại bao suy tư, hoài cảm:

... Trời mưa ướt áo làm gì ?
Năm mười bảy tuổi chị đi lấy chồng
Người ta pháo đỏ rượu hồng
Mà trên hôn chị một vòng hoa tang
Lần đầu chị bước sang ngang
Tuổi son sông nước đồ giang chưa tường
Ở nhà em nhớ mẹ thương
Ba gian trống, một mảnh vườn xác xơ
Mẹ ngồi bên cửa xe tơ
Thời thường nhắc: “chị mày giờ ra sao?” [50]

Hoặc bài thơ *Thời trước* cũng của Nguyễn Bính:
Sáng trăng / sáng cả vườn chè,
Một gian nhà nhỏ / đi về có nhau
Vì tầm / tôi phải / chạy dâu,
Vì chồng / tôi phải / qua cầu đặng cay. [51]

Hoặc bài thơ *Chiều* của Xuân Diệu: [52]
Hôm nay trời nhẹ lên cao
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...
Lá hồng rơi lặng ngõ thôn,
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.
Phát phơ hồn của bông hường
Trong hơi phiêu bạt còn vương máu hồng
Nghe chừng gió nhớ qua sông

⁴⁹ Nhà cô thôn nữ, thơ Nguyễn Bính.

⁵⁰ *Lỡ bước sang ngang*, thơ Nguyễn Bính.

⁵¹ *Thời trước*, thơ Nguyễn Bính.

⁵² *Chiều*, thơ Xuân Diệu tặng Nguyễn Khắc Hiếu (Tân Đà), in trong *Thơ thơ* năm 1938.

*E bên lau lách thuyền không vắng bờ
Không gian như có dây tơ
Bước đi sẽ đứt / động hồ sẽ tiêu.
Êm êm / chiều ngắn ngơ chiều
Lòng không sao cả / hiu hiu khẽ buồn...*

4. Có hay không giao thoa với thơ lục bát Chăm ?

Liệu chúng ta có giao thoa với văn hoá Chăm trong nghệ thuật thơ ca dân gian trong câu thơ lục bát. Trong “Đôi lời mở đầu” cuộc Hội thảo “Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ”, GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh đã nhắc lại nhận định của cố GS. Trần Quốc Vượng, rằng “tổ chức lãnh thổ của người Chăm nhìn từ núi xuống là: *đền tháp – trung tâm tâm linh; thành quách – trung tâm quyền lực; cảng thị – trung tâm giao thương*. Ông cũng lưu ý rằng tuy có chung một mô hình tổ chức lãnh thổ nhưng do điều kiện địa lý cụ thể của từng đơn vị xã hội mà ông gọi là *mandala* sẽ có những sắc thái khác nhau. Như vậy, có thể phải xem xét văn hoá Chăm trên vùng đất này thông qua những biểu hiện cụ thể của văn hoá từng *mandala*”. “Và từ đó tìm hiểu những dáng vẻ, độ nông sâu khác nhau của mối quan hệ giao lưu văn hoá Chăm – Việt trong khuôn khổ sắc thái văn hoá từng *mandala*”⁵³, tức là nhìn nhận vấn đề một cách định lượng. Nhờ đó, khắc phục dần lối nói chung chung rằng ở vùng đất này đã diễn ra sự giao lưu văn hoá... Lâu nay phổ biến một nhận xét rằng sắc thái âm điệu chơi voi, man mác của hò mái nhì, hò mái đẩy là kết quả tiếp biến từ văn hoá âm nhạc Chăm. Tuy nhiên cho đến nay chưa ai chứng minh được rằng cái sắc thái ấy ảnh hưởng cụ thể từ thang âm nào của bài nào, thể loại nào trong âm nhạc cổ truyền Chăm”^[54]. Với cách hiểu như vậy, loại hình thơ lục bát

⁵³ Mandala: là chữ tiếng Phạn có nghĩa là vòng tròn. Madala là mô thức được dùng để mô tả thể chế tàn quyền của các vương quốc cổ đại ở Đông Nam Á, trong đó quyền lực của địa phương quan trọng hơn quyền lực trung ương. Ông Oliver William Wolters đã dùng chữ mandala để chỉ các tiểu quốc ở Đông Nam Á. Xem trên: <https://triviet.new/nhin-lai-lich-su/oliver-william-wolters-va-cacmandala-o-dong-nam-a/>

⁵⁴ GS.TSKH. Tô Ngọc Thanh, Chủ tịch Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam trong *Đôi lời nói đầu* của tác phẩm *Văn hoá biển miền Trung và văn hoá biển Tây Nam bộ*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Viện nghiên cứu văn hoá, Sở Văn hoá Thông tin Quảng Ngãi, Hội Văn học nghệ thuật Kiên Giang, NXB.Từ điển bách khoa, Hn, 2008. Tr.13.

dân gian, trong đó thể loại thơ lục bát của người Việt có ảnh hưởng từ người Chăm?.

Nhiều ý kiến cho rằng thể thơ lục bát của người Việt có ảnh hưởng thơ lục bát người Chăm.



Tuy nhiên khi người Việt vào phương Nam, liệu rằng thể loại thơ lục bát thể hiện trong ca dao có ảnh hưởng sang người Chăm, hay người Chăm đã giao thoa với người Việt thể loại thơ này? Đây là vấn đề nhiều nhà nghiên cứu đã nêu ra! Thể thơ lục bát và thi pháp người Việt, người Chăm, người Thái Lan ở vùng Đông Nam Á có gặp nhau để giao thoa không?

Người Việt đã sáng tạo ra thể thơ lục bát như đã nói trên, tuy nhiên cũng cần xem xét trong phạm vi vùng

Đông Nam Á với văn hoá Sa Huỳnh, Đông Sơn, Óc Eo, có ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa và Ấn Độ, câu thơ lục bát của người Việt giao thoa thể nào trong bối cảnh Đông Nam Á. Ngoài người Việt thì người Chăm, người Thái họ cũng dùng thể thơ lục bát. Nghiêm Thâm trong Tạp chí nguyệt san *Quê Hương* [55] có bài: *Sự tồn tại của bản chất Anh-đô-nê-diêng trong nền văn hoá Việt Nam*, viết rằng các nhà sử học Thái Lan cho rằng họ cũng có thể thơ lục bát. Và cũng trong bài viết này về thơ lục bát của người Chăm, Nghiêm Thâm cho rằng “*Nếu ta nghiên cứu về văn chương Chăm, ta thấy người Chăm rất ưa dùng thể lục bát. Nhưng trong lục bát Chăm, chữ cuối câu sáu vần với chữ thứ tư câu tám. Nhưng hiện nay văn chương Chăm chưa được khảo cứu tường tận nên ta không biết rõ là người Chăm lấy thể thơ lục bát của người Việt Nam hay là người Việt Nam đã lấy thơ của người Chăm*”. Vấn đề sự giao thoa, ảnh hưởng thể thơ lục bát Việt – Chăm hay Chăm – Việt, nhiều nhà nghiên cứu văn hoá, ngôn ngữ, văn học có đưa ra nhận định ngược chiều nhau, tuy nhiên cần cứ vào các công trình biên khảo của các học giả Nghiêm Thâm, Nguyễn Khắc Ngữ, Phạm Duy, Vũ Lang,... và sự so sánh đối

⁵⁵ Tạp chí *Quê Hương*, Sài Gòn, tháng 6-1962.

chiều của chúng tôi, cho biết, câu thơ lục bát của người Chăm gieo vần *tại chữ thứ tư* câu tám.

- *Thây thâu ca chang câu ca,*

Dâm păt tì la mung thâu cá trang [⁵⁶]

Dịch: - *Nỗi lòng ai biết cho không,*

Rau mọc giữa dòng trong dạ ai hay?

Trong cuốn “*Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*” xuất bản năm 1972 tại Sài Gòn, Nhạc sĩ Phạm Duy cho rằng người Chăm cũng có thể thơ lục bát và được lồng các làn điệu vào để trở thành dân ca và Phạm Duy đã công bố một bài dân ca theo thể thơ lục bát người Chăm, phương thức gieo vần ở *chữ thứ sáu câu lục* vần với *chữ thứ tư câu bát*, giống với cách gieo vần của người Việt cổ [⁵⁷]

- *Thây mai mung đêh thay ô,*

Droh phik kaau lô yom tha urang,

Chek tian mung asit dih đang

Mai hu ka urang oan lô lingik! [⁵⁸]

Dịch: - *Ai đến từ đằng kia, ai đó,*

Đẹp lòng ta hình như một người.

Mà ta đã nếm yêu từ khi còn ẵm ngửa,

Nay đã thuộc về người khác rồi, tiếc quá trời ơi !

Ngôn ngữ Chăm là loại hình ngôn ngữ đa âm tiết, khác với đơn âm của người Việt nên lục bát Chăm khác với lục bát Việt, tuy nhiên, thẳng trong lời ăn tiếng nói dân gian vẫn có trường hợp giao thoa, tương đồng nhau trong cách gieo vần giữa cặp lục bát Chăm với cặp lục bát Việt:

Cặp lục bát Chăm:

⁵⁶ Ảnh hưởng văn hoá Chăm qua Việt Nam, in trong Văn hoá nguyệt san, số 25, Sài Gòn tháng 10-1957, dịch theo thể lục bát: *Nỗi lòng ai biết cho đây/Rau kia dưới nước dạ này thấu chẳng.*

⁵⁷ *Nguồn gốc dân tộc Việt Nam*, Đào Duy Anh, NXB Thế giới ở trang 22-23, cho rằng: người Việt xưa có lẽ là một chi nhánh của chủng tộc Indonesien, sống rải rác thời thái cổ thuộc vùng Đông Nam Á, từ miền A Xam phía bắc Ấn Độ, qua miền Hoa Nam đến quần đảo Nam Dương, hiện nay vẫn còn di tích nền văn hoá cổ.

⁵⁸ *Nhạc Chăm còn lại*, Phạm Duy trong Tạp chí nguyệt san Vạn Hạnh, số 4, Sài Gòn tháng 9-1965, tr. 74, 79. Dịch: *Kìa ai đi đến từ xa / Thật giống lòng ta như thể một người / Thăm yêu từ thuở ấy thời / Cho kẻ khác rồi tiếc quá trời ơi!* In lại trong cuốn *Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam*, Sài Gòn, 1972.

- *Mai baik dei brei pha crong*
Tangin dei tapong kauk luk munhurk
Bbuk ai tarung yuw harok
Tangin dei pork nhjwoh yuw tathi
(Về đi em cho đùi gác
Bàn tay em vuốt, đầu xức dầu thơm
Tóc anh bù rối như rơm
Tay em vuốt thì mượt như lược chải).

Cặp lục bát Việt:

- *Tò vò mà nuôi con nhện*
Ngày sau nó lớn nó quện nhau đi
Tò vò ngồi khóc tỉ tỉ
Nhện ơi nhện hỡi, nhện đi đường nào ?

Đặc điểm khác nhau giữa lục bát người Việt với người Chăm về phân phối vần, trong Ariya Chăm, vần trắc (t) tồn tại khá bình đẳng với vần bằng (b), sự phân phối chen kẽ nhau, nghĩa là một câu hiệp vần bằng, liền sau đó là câu hiệp vần trắc. Đối chiếu bài ca dao Việt “Tò vò” nêu trên với bài lục bát Chăm sau đây, ta thấy có sự tương đồng về phương thức hiệp vần.

-*Limun tol Ba Lai Bal Huh*
Bal gioh ginuh bhap illimo
Bal đwa danuh khak bilo
Xanak ginroh ralo halei jang o bboh.

Gần đây, trong Tạp chí Champaka, số 1 năm 1999, có in bài Trường ca Chăm Bà-ni (Ariya Cam Bini) của nhà nghiên cứu văn hoá Chăm, ông Fatimah là thành viên của chương trình Thế giới Mĩ Lai – Đông Dương, giới thiệu 118 câu thơ lục bát, gieo vần giống như cách gieo vần câu thơ lục bát của người Việt xưa [59]. Còn trong trường ca *Hbia tà lúi – kalipu* của người Chăm ở Phú Yên, chúng tôi thấy trong trường ca/ariya này có số câu dài ngắn khác nhau (câu dài nhất 23 từ, sau khi đã chuyển ngữ sang tiếng Việt), theo đó, lại không tìm thấy ảnh hưởng câu lục bát của người Việt. [60] Tuy nhiên, nếu chỉ đếm số lượng tiếng câu lục và câu bát trong ariya Chăm (sau khi chuyển ngữ sang tiếng Việt,

⁵⁹ Xem: *Xứ Chăm và văn hoá Chăm Việt*, bài viết của Trần Thục Hiền.

⁶⁰ Xem: *Trường ca Hbia tà lúi – kalipu*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, Ka Sô Liêng, sưu tầm, biên dịch, giới thiệu, NXB. Văn hóa dân tộc, 2011, phần dịch sang tiếng Việt từ trang 419 – 740.

nghĩa là đã trở thành lục bát dịch) để so sánh, đối chiếu sự giao thoa Việt – Chăm, thì không rút ra được sự giao thoa hay tương đồng. Mặt khác cũng cần xét đến, rằng tiếng Chăm là ngôn ngữ đa âm tiết, lại cho thấy khác với lục bát Việt. Điều này xét câu ca dao Chăm trong hai trường hợp như các nhà nghiên cứu đã thực hiện để có sự so sánh:

+ Bằng cách đếm âm tiết, không tùy thuộc vào lượng chữ, ta thấy câu lục sáu âm tiết, câu bát tám âm tiết (trong câu, có một hình vị, chứa hai âm tiết). Ví dụ:

Câu:

-Cam saung Bini ke kan
 1 2 3-4 5 6
 Mu sa karan ia sa bilauk
 1 2 3-4 5 6 7-8

Câu chêm ngôn Pauh Catwai

- Tabur xanung twei đơy
 1-2 3-4 5 6
 Wak Pauh Catwai twei bauh akhar
 1 2 3-4 5 6 7-8

Cách đếm âm tiết này theo lời ăn tiếng nói Chăm có mặt trong thể loại trữ tình như Ariya Cam Bini, Ariya Xah Pakei, hoặc những câu chêm ngôn như Pauh Catwai, Muk Thruh Palei và có mặt trong hầu hết các sáng tác dân gian người Chăm.

+ Bằng cách đếm theo lượng trọng âm, ta thấy có hiện tượng đọc lướt, nén chữ hay nuốt âm là một trong những thuộc tính của ngôn ngữ đa âm tiết. Do đó trong các sử thi như Akayet Dewa Muno, Akayet Um Murup, Akayet Ina Patra hay các bài ca mang tính triết lý, thể loại ariya chỉ được tính theo lượng trọng âm của từ đa âm tiết, một số hư từ cũng bị lướt bớt, không tính từng âm tiết như trường hợp đầu. Ví dụ :

- Akayet si panuh twor tabiak
 1-2 3 4 5 6
 Ppadong nưm ka ratwok Rija Dewa Muno
 1 2 3 4 5 6 7-8
 (Akayet Dewa Muno)
 -Glong anak linhaiy likuk jang o hu
 1 0-2 0-3 0-4 5 0 6

Bhian drap ngap ralo pioh hapak khing ka thraung

1 2 3 0-4 5 0-6 7 0 8

(Ariya Glong Anak)

Như thế, cho dù dùng phương pháp đếm âm tiết hay đếm trọng âm trong câu ca dao lục bát, ta vẫn thấy có sự tương đồng, giao thoa nhau giữa câu ca dao người Việt và người Chăm.

Trong bài viết: «*Bước Tiến trong nghiên cứu văn minh Chăm – văn học Chăm*» của Nguyễn Đức Hiệp (Sydney Australia) khi bàn về *Văn học dân gian Chăm* của Inrasara, trong tác phẩm *Văn học Chăm – khái luận*, phát biểu rằng: thể thơ Ariya-trường ca tương tự như thơ lục bát Việt Nam và Inrasara cho thấy qua đối chiếu và phân tích sơ bộ, lục bát Việt và *ariya* Chăm có rất nhiều điểm giống nhau. Trong đó, phần giống nhất là nhịp điệu của câu thơ. Thể thơ *ariya* thể hiện trong các tác phẩm trữ tình của người Chăm có phần tương tự như các tác phẩm Bích Câu kỳ ngộ, Lục Vân Tiên hay Truyện Kiều của người Việt.

Trong quá trình giao lưu, quan hệ qua lại nhau, người Việt miền Trung đã có sự trao truyền thơ ca dân gian từ Việt sang Chăm (lấy ca dao lục bát để khảo sát), phần nhiều tìm thấy trong ca dao đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt. Mặt khác, chúng ta còn tìm thấy thể thơ lục bát biến thể có sự gặp nhau giữa văn học dân gian Việt – Chăm. (9/2015).

TRANG THƠ



Tăng Tấn Tài

HOÀNG THÀNH MÙA LÁ RỤNG

Nắng cửa thành thêm xanh vòm lá
ngạo ngễ Hoàng thành vội vội ánh ban mai
Tăm tắp núi đồi rộng dài đất nước
dải Trường Sơn lịch sử bốn ngàn năm

Di tích cổ thành đá hát lời xưa
nông cụ thô sơ cho đời no đủ
Cối xay quay vòng hạt vàng gởi vạ
chày giã chân đưa nhịp lên xuống thành ngày

Đời gian nan cho cuộc sống thẳng ngay
trăm mối âu lo dồn về một phía
Vẫn cứ thẳng ngay nợ tình ân nghĩa
giọt mồ hôi thơm dải đất nồng nàn



Tranh: Lê Huy Hạnh

Dặm trường xa bao nẻo dọc ngang
cầu khẩn cho mùa thuận hòa mưa nắng
Bao chứng tích ngàn xưa sâu nặng
khắc đậm ngọt ngào di cảo thời gian

Những vòng tròn chạm trổ hoa văn
mặt đá, mặt người mờ hôi thắm mệt
Nụ cười trên môi gửi theo ngày Tết
đêm ba mươi tí tách lửa cời vui

Thu lặng lẽ lá vàng rơi quạnh quẽ
đá Hoàng thành chồng khít vào nhau
Đời khép mở một thời bình biến
để có ngày vui cho con cháu ngàn đời.

TTT

LÀNG QUÊ SOI BÓNG DÒNG SÔNG

Điệu ru soi bóng dòng sông
Dòng xưa bến cũ cánh đồng vườn rau
Hoà Thọ Tây những sắc màu
Cụm khu công nghiệp làm giàu quê hương.

Trạm biển áp, những tuyến đường
Chợ vừa xây mới phố phường đổi thay
Niềm vui đang ở tầm tay
Khu đô thị mở luồng cây vừa khô.

Dòng sông như có lời chào
Hoàng hôn, chiều phố rộn bao ước thầm
Tiếng chiều âm vọng chuông ngân
Liệng chao cánh én, nhịp đàn thanh tao.

Đình làng Phong Lệ, Gò Mô ...
Sơ khai vùng đất năm nào thành quê
Dòng sông Cẩm Lệ đi - về
Còn sông nuôi lớn lời thề cháu con.

Tuyến đường Cầu Đỏ - Túy Loan
Nay mai là phố ngập tràn ý thơ
Hoà Thọ Tây, phất ngọn cờ
Xuân về ấm áp
ước mơ dậy lòng.

TTT



LỜI XUÂN TỪ NHỮNG CƠN MƯA

Lời xuân lặn vào những cơn mưa chồi búp
nhật nắng phía nào để sưởi ấm mùa đông
lúa cứ lên xanh mạ non cấy thẳng hàng
gập bàn tay là cuối mùa cuối vụ

Nứt nẻ bàn chân bùn sâu chưa đủ
lượng trái phơi đồng thấm giọt mồ hôi
nắng cháy làn da mưa ngóng mây trời
phía núi rừng cao mây không về nữa

Dòng sông vắt qua cây mơ nguồn sữa
công việc ruộng đồng những việc không tên
trần trọc canh khuya mơ về hạt nước
nhát cuốc luống cày toại những mùi hương



Quả gánh hai vai oằn xuống đảm đương
lệch bóng sao khuê ánh trăng chênh chếch
mười sáu xuân xanh bao mùa trăng khuyết
nắng dội lên ngày lưng mẹ bạc phai

Xuân phía mặt trời trở đóa ban mai
mùa vắng cơn mưa lạnh thăm giông gió
bàn tay nhọc nhằn đếm từng đốt nhỏ
thấp nển lên mùa gieo hạt vào xuân
TTT

Dương Xuân Định

DÁNG VẼ QUÊ HƯƠNG



Tranh: Hs. Lê Huy Hạnh

Em thánh thiện trong tà áo mộng
Chiếc eo xinh xứ Quảng dải dầu
Vòng cổ đẹp như khung trời Lũng Cú
Tà áo bay rộng mở mũi Cà Mau

Áo dài đẹp nét dịu dàng, trung hậu
Có chút gì thấp thoáng dáng kiều sa
Có chút gì trong dáng vẽ thướt tha
Yêu em cả chiếc áo dài thơ mộng

Ôi! Việt Nam quê hương tôi lòng lộng
Áo dài bay như sông núi chan hoà
Nguồn sông Hồng, sông Hương thon thả
Dãy Trường Sơn tay với nước Cửu Long

Dáng người đẹp, chao ôi, thanh khiết quá
Áo dài xinh thuần nhũ nhiệm mầu
Đi khắp cả năm châu bốn bể
Vẫn nhớ hoài, nỗi nhớ đợi chờ nhau.
DXĐ

VÒNG TAY THÂN THIẾT

Sao cứ nhớ hoài từng ngõ Hòa Thộ Tây
Để sáng nay ngập ngừng gặp bạn
Trời đã vào đông mà sao ấm áp
Giữa những bàn tay thân thiết dịu dàng

Cơn gió thoảng qua từng hạt mưa lang thang
Đường Trần Ngọc Sương, quán cà phê quen thuộc
Trường Nguyễn Văn Linh mái trường xưa thuở trước
Gợi những ước mơ trong ký ức ngọt ngào

Buổi sáng về những khoảnh khắc hạnh hao
Viếng mộ Ông Ích Khiêm vị tướng tài cương trực
Soi rọi chúng ta những điều hạnh phúc
Như tia nắng trải dài từng ngõ nhỏ hôm nay.

Từng nhánh hoa tô điểm những hàng cây
Tôi với các anh từ bao miền đất nước
Gặp nhau đây Phong Lệ - Hòa Thộ Tây
DXĐ

LỜI CHÚC PHÚC ĐẦU NĂM

Ta rót ra đây lời chúc phúc
Thay cho rượu cúc thẩm hương đời
Hãy mở lòng ra và đón nhận
Chút tình hào kiệt chốn xa xôi

Nắng lại cho ta một nụ cười
Trên cành lá biếc thẩm xuân tươi
Mây trôi nhẹ nhẹ trời xanh ngát
Những cánh chim êm liệng giữa trời

Hát vang như thuở còn xanh tóc
Tuổi mới thanh xuân đẹp rạng ngời
Bao nhiêu mộng ước tươi hồng ấy
Giang hồ thoả chí nét xuân vui.

DXĐ



Nguyễn Lương Hiệu

LÀM KHÁCH QUÊ HƯƠNG

Tặng Hòa Thọ quê hương tôi

Tôi về làm khách quê mình
Mẹ ơi, con đứng lặng thỉnh cúi đầu
Ngó phía trước, nhìn lại sau
Thực – hư, không – có vò nhàu trái tim
Lạy quỳ tạ lỗi chân chim
Tung tăng quá khứ nổi chìm à ơi

Tôi về làm khách quê tôi
Đắm chìm hàng phượng bồi hồi tiếng ve
Giật mình bởi cổng gai tre
Níu tôi về với trưa hè tuổi thơ
Vụt đứng lên thật không ngờ
Mẹ tôi vẫn đứng bên bờ dâu xanh

Tôi về làm khách người thân
Kỷ niệm xa kéo lại gần: mâm cơm
Từ đâu bỗng ngọn gió nồm
Thối tôi về tới một hôm, quê nhà.

NLH

LỜI RU BẠN BÈ



Tranh: Hs. Lê Huy Hạnh

Bạn bè là bạn bè ơi,
Lời ru sóng vỗ đắp bồi tình thân!

Đưa bạn xa, thả bạn gần
Trái tim mở cửa quây quần về đây

Hòa Thọ, ta với tương lai
Nụ cười hội ngộ là dây không gian

Bao tính nét đứng sắp hàng
Điểm danh quá khứ nghe càn khôn rơi

Mỗi thằng bạn, một bầu trời
Lại cùng chia sẻ nỗi đời riêng, chung

Buồn vui, hờn giận tương phùng
Cầm tay nhau đến tận cùng đầy vơi...

Bạn bè là bạn bè ơi...

NLH

TRĂNG NGỌC

(Bài viết mừng cháu Nội chào đời được 1 tháng)

...Hăm tám thế nào
Hăm chín thế ấy
Ba mươi không trăng (*)
mà lòng ta vành vạnh
Nở lên một đóa hồng nhung
Cúi xuống ánh trăng khe khẽ
Làn da thơm mật ngọt đời ta.

Thuở đam mê mẹ cha phối nghĩa vàng trăng
độ lượng
Chưa kịp rằm tinh khiết bùng ra
Giữa trần gian ôm vàng nhật nguyệt
Khát vọng bên đời sáng tối ánh sao Khuê.

Tạ ơn bầu trời lãnh lót sơn ca
Tạ ơn mẹ cha lời ru lên rừng xuống biển
Nâng niu hạt ngọc long lanh nguyệt lộng
Thiêm thiếp mắt nhìn về tận núi sông

Bắt gặp dấu chân nhiệm màu ánh sáng
Trăng ngọc mở đầu “mười sáu thật trăng” (*)
NLH

(*) Lời bài Đồng dao

Hồ Sĩ Bình

TRỞ LẠI PHỐ XƯA

Giữa phố cũ nổi đời thương cỏ biếc
đi tìm ai ngùi ngụi chút hương cau
chiều đã tím chạc chiều ai có biết
khi qua sông bụi búi những ngàn sau

Trong lặng im buồn vui và bão tố
lá cũng mềm đồng vọng gió nôn nao
khi mưa trắng ngút trời nương lữ thứ
tiếc một thời không nói với sương sao

Nhớ màu rêu chiều lên xanh bối rồi
góc phố nào cũng phơ phẩy ra tranh
em đứng vẽ nơi đông về đứng đợi
mà heo may vội vội chờ mùa đi

Màu của phố giờ như trắng hội
không còn huyền hoặc thuở em xưa
tôi lạc giữa nơi mình lưu dấu
chỉ còn trắng ngơ ngác hiên nhà...

HSB

BIỂN. NÚI. SÔNG VÀ PHỐ

Biển cho Đà Nẵng những nụ hôn tóc ướt vai trần
những cơn gió cuồng tráng
những chất phác r ám nắng
những con sóng biết hẹn hò trăng hội
biển cho Đà Nẵng đôi khi biết nỗi buồn mùa đông
đừng tưởng nụ cười của Mona Lisa
trong tranh Leonardo da Vinci
không nhuộm màu tư lự
những đốm lân tinh phơi lụa đêm một dải
nói với ta điều cảnh báo
Hoàng Sa cho Đà Nẵng hòn đảo bãi cát vàng
ký ức xoắn xang,
đón đau trong xương thịt
ta chào nhau bằng lời hẹn Malvinas

núi cho Đà Nẵng nỗi lòng của đại dương
những hơi thở của gió
trong buồng phổi khoẻ khoắn của cây lá
núi cho ngôi nhà Đà Nẵng bình phong
em cứ bình tâm ngồi đọc sách mùa mưa
và mấy linh trường chà vá chân nâu
hiền như ma soeur
cho em chụp ảnh khoe với bạn bè thế giới



sông chia đôi phố mà không chia cắt
chẳng còn ai bận tâm chi bên ni bên nớ
con gái quận nhì quận nhất
bà già quận ba xưa lắm rồi
Đà Nẵng đã sớm đi về phía đông
biển đã bị đánh thức

Đà Nẵng đón sông về trùng phùng cửa biển
sông ngời làm thơ gác chân lên phố
đèn đuốc sáng loá nhập nhoà
kể chuyện qua sông với những chuyến phà
bọn trẻ cho là cổ tích
cầu Rồng đã khắc lửa từ lâu rồi
có người đi thuyền trên sông Hoàng Phố ngang qua
Thượng Hải,
đổ rượu xuống sông hét vang làm sao bằng sông Hàn
sóng gọi lòng tiếng trống giục hát bộ
nhắc tuồng nhân nghĩa Đà Nẵng
núi áo anh mấy mươi năm đẹp ngất ngư
với cô gái sông Hàn

HSB

CẨM LỆ

VỀ QUÊ ĂN TẾT ĐI ANH

Năm ngoái
anh không về
Trời tháng Chạp quê mình ngập nắng
Đảo Sơn Chà mây bành bồng viễn xứ
Em đợi anh về ăn Tết năm nay!

Về đi anh!
Những con phố đầy bóng hoa bóng nắng
Gió rung rinh trên đường Hai Tháng Chín
Nắng hanh vàng
Trải lụa
Bến sông xưa.

Chiều ngoại thành từng sợi khói vòng quanh
“Tiếng mẹ rút rơm
tiếng đời khoan nhặt”
Quên thế sự bên thềm chiều ngày Tết
Nhóm lửa vào xuân hong sợi tóc già

Về quê đi anh!
Như năm nào em đập cửa gọi anh
Và chuyện kể ríu ran ngày Nguyên đán
Đà Nẵng vẫn vương
Tĩnh động không ngờ

Phố thị vào xuân áo xanh áo đỏ
Sặc sỡ màu hoa trên bước đường chiều
Em lộng lẫy bên anh giữa dòng đời
sôi động

Mẹ già vui
Nước mắt
Lưng tròn

Ta bên nhau như thể thời đi học
Bâng khuâng hạnh phúc nhịp tim đời
Nghe sóng vỗ sông Hàn ngày giáp Tết
Tiếng lợn nhà ai in ịt sau chiều

Về anh!
Về quê mình ăn Tết đi anh
Bánh tét bánh khô ngọt thơm quê kiểng
Ta thức trắng đêm
 Nghe
 Tiếng vọng đất trời.

CL

CÂU THƠ ĐƯA TIỀN

1. Đồng cạn đồng sâu phở đất
 Bờ tre treo mảnh trăng cong
 Chị đi mà không kịp ngó
 Cây đa giếng nước đầu làng
2. Cọng rơm cong mình trở dạ
 Chiều đi trên từng kẽ tay
 Mẹ quăng một đời cơm áo
 Chị ơi nước chảy đá mòn
3. Gió nhẹ vườn trưa thừa tiếng chim
 Tóc thơm vương nắng đã bao lần
 Lời ru vắng vắng qua đầu xóm
 Rớt lại câu hò đây. Chị ơi !
4. Em đưa đường xa mấy nhịp
 Cầm tay mẹ dặn khế khàng
 Trở vai mai về phố huyện
 Nhớ mang theo giọt sáo đồng.

CL

Lê Huy Hạnh

KHÔNG ĐỀ

Mùa xuân mỏng mảnh yếm đào
Cho đôi vú ngọc giấu vào nồn tơ
Giật mình thoáng nắng hoa mơ
Ta làm lá cỏ thức chờ gọi em ...

LHH

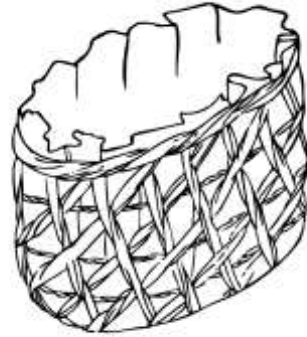


Tranh: Hs. Lê Huy Hạnh

SẼ SÀNG...

Rồi mai ta dắt nhau về
Đồng hoa cỏ dại, bờ đê gió tràn
Đò ngang em đáng mơ màng
Có con chim hót sẽ sàng mùa xuân ...

LHH



Đỗ Phan

BÃO

Em ra đi bão chưa kịp dấy lên
Em trở lại trời trong xanh nắng ấm
Đâu biết được giữa hai bờ tĩnh lặng
Cơn bão lòng dữ dội thổi qua anh.
ĐP

SỢI BẠC !

Tóc em hai màu đen trắng
Sợi đen vất vả, sợi trắng tảo tần
Nửa học trò, nửa dành lại cho em
Anh xin nhận về riêng mình “sợi bạc”
ĐP

Trần Trung Sáng

GIẤC MƠ XANH

Như là giấc mơ xanh
Ta gặp lại em ngày mười bảy tuổi
Vành môi hồng
Đôi mắt long lanh
Vương sợi tóc thoáng hương thơm vườn ổi
Phía trước
Vẫn dòng sông năm cũ
Mây vẫn trắng
Trời vẫn xanh
Mà bao phận đời giờ trôi xa tấp
Trên ghề đá buồn vui
Em cùng ta câu chuyện kể
Những giận hờn, hò hẹn tựa hôm qua
Đã mấy chục năm
Rồi nhiều năm sau nữa...
Tình hai ta
Mãi mãi...
Gặp nhau
Trong buổi chiều tà
Vòng tay ôm chặt
giấc mơ xanh
Chẳng muốn rời xa.

TTS

Phương Bội

NGỌN ĐÈN

Ngọn đèn lấy lửa mặt trời
Sáng lên xua tan bóng tối
Người thầy thắp lên dòng chữ
Mở lối cho em vào đời.

PB



Vũ Hạ

CÂU CA RAY RÚT

“Trường giếng sâu anh nổi sợi dây dài
Ai ngờ giếng cạn tiếc hoài sợi dây”
Giở trang sách cũ gặp mình
Nổi đau vào đời rất thực
Ai thả sợi dây vào câu ca ray rút
Cố nhân ơi mưa bụi đường về
Bâng khuâng lòng mình gặp lại
Giọt sầu muôn thuở còn đây
Nổi đời cái còn cái mất
Tiếc gì tắc lưỡi đêm thâu



Tranh: Lê Huy Hạnh

Con chim cứ chuyền bụi ốt
Xiêu xiêu bóng đổ qua cầu
Ta về một trời cô quạnh
Câu ca thấm đẫm mưa chiều
Trái thị hóa thành cô Tấm
Nguyễn Du lại khóc thân Kiều
Tưởng mình hóa thành ga xép
Đêm đêm chờ mãi bóng tàu
Bao năm sách đèn lỡ dở
Tiếc mình lại tiếc sợi dây
Chiếc cầu đi qua ngày tháng
Cái quên cái nhớ rã rời
Buông tay một trời cô quạnh
Còn chăng là sợi mây trôi !

VH

La Nguyễn

ĐÊM CỦA EM

Đêm bây giờ là đêm của em
Trong sâu thẳm tình reo dáng lửa
Anh trở về như một lần đã hứa
Đêm âm thầm thấp nắng phía ngày lên.
LN

ẢN TƯỢNG

Một lần thôi cảm ơn người
Mắt môi tròn nở nụ cười bao dung
Trong đêm trắng tỏa mịm mừng
Ngời xanh màu mắt ngỏ cùng tin yêu

Mắt em cười đã bao chiều
Dấu lòng trần trở đã nhiều đau thương
Hắn từ mắt dối trời sương
Ngẩn ngơ trăm nỗi còn vương môi cười

Trời xa vàng ánh trăng tươi
Đêm trôi trong mắt của người thắm sâu
Nửa mai em có về đâu
Trong ta đôi mắt vẫn màu sáng trong.
LN



Mai Hữu Phước

UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Ta thử một mình ngồi uống rượu
Ví như em đã quá xa rồi!
Tự nhiên phường phố thành hiu quạnh
Hồn buồn như tảng đá mồ côi.

Tim ta đập mạnh trong lồng ngực
Nhưng mềm như cỏ dưới sương khuya
Không em chợt thấy mình vô nghĩa
Và cứ như chân đã đứt lìa...

Ta biết tìm ai trong nỗi nhớ
Buồn vui còn biết tặng ai đây.
Cành hoa trong lọ chùng khô héo
Ngày rộng trào dâng nỗi đọa đầy.

Ta rót em vào trong đáy cốc
Nghe lòng rưng rức những mùa phai,
Chưa nhấp môi cay đời đã đắng
Thì xin thử cạn tiếp chung này.

MHP

THÌ TA NGHE HẾT

Em cứ cần nhần kêu ta uống rượu
Ta làm thơ không uống rượu cũng buồn
Lắm lúc thấy đời nhiều nhưong đen bạc
Ta khuây sầu bằng chén rượu thi nhân.

Em lại cần nhần kêu ta lắm bạn
Vừa đi về đã vội vã đông xe
Ta lắm bạn vì biết chơi thành thật
Bạn trao qua ta trao lại cho huề.

Em đôi lúc khen ta... cũng được
Ta cười hì trong mắt ướt giai nhân
Ta từng bảo em là Tiên giáng thế
Rớt nhằm ta từ đó hoá phong trần.

Em nói ta thế nào ta nghe hết
Hai tai ta còn tốt đến không ngờ.
Nhưng đừng bảo ta làm theo ý khác
Kẻo biến ta thành một kẻ ngu ngơ.
MHP

Nguyễn Kim Huy

SỢI XUÂN

Những sợi xuân dệt vào cơn mưa
Lất phất gương mặt người rạng rỡ
Đường phố đẹp em đi trong bờ ngõ
Áo choàng khăn len em giấu nụ cười

Tháng ba trong veo cho trọn niềm vui
Chùng mơ ước đã bùng lên với gió
Trời mệnh mang một vòm xanh thăm thẳm
Trong mệnh mang muôn sắc những hẹn hò

Phổ thao thiết trong từng ngõ nhỏ
Cánh hoa mai còn vương trên sân nhà
Tháng ba dịu dàng lành như hoa cỏ
Em nồng nàn hơi thở chờ ai?

- *Quê nhà chưa đến mùa gặt hái
Ngày đã thơm trái quả ngọt ngào...*

NKH

NGÀY ĐI QUA KHÁT VỌNG ĐỜI NGƯỜI

Không còn đâu em ngọn gió phóng khoáng sau hè. Chỉ thô ráp lạnh lùng khoảng sân xi măng và những mảng tường bê tông xơ cứng lên tiếng thách thức với bất cứ ý nghĩ mơ mộng nào về giếng nước bờ ao và những vàng trắng huyền ảo đã quá chùng lúi xa vào cõi cổ tích mơ hồ đến con trẻ cũng không thể nào tin vào được nữa.



Tranh: Hs. Lê Huy Hạnh

Và cũng không còn nữa đâu một mái nhà tranh. Dẫu bên ngoài những mùa đông buốt giá vẫn còn đó những cơn mưa phùn khắc khoải đi tìm cái bếp lửa luôn rực lên màu đỏ nồng nàn trong lếp bếp tiếng củi nổ bên một góc nhà ấm áp thường xuyên trở về trong ký ức tha thiết của mỗi chúng mình.

Nên em cũng đừng trách anh tại sao chúng mình không bao giờ có thể vươn tới một khoảng trời khoáng đạt của ước mơ và suy tưởng, tại sao chúng mình cứ mãi mấp mé giữa bao nhiêu âu lo và hy vọng, toan tính và khát khao, tầm thường và đẹp đẽ. Và cũng đừng trách chi đời người eo hẹp có là bao mà chúng mình cứ phải giam mình trong những bó buộc và mãi dẫm chân trong những vòng lẩn quẩn cứ như đã cùng nhau rơi vào những trận mê hồn không lối thoát.

Lẩn quẩn trong bốn bức tường cửa kính đóng chặt đến gió cũng không thể lọt vào. Lẩn quẩn trên những con đường nhựa trơn tuột lồi nào cũng giống nhau âm ỉ tiếng xe cộ và những gương mặt người bao giờ cũng hối hả vội vàng. Lẩn quẩn trong vòng xoáy công việc ngày thường bộn bề đa phần vô bổ, những bận rộn nổi cộm áo gạo tiền định hình từ buổi sơ khai và những ham muốn danh vọng đã có tự thời cổ xưa nhân loại mà cứ ngỡ mình đang sống cuộc đời hiện đại, đang phấn đấu đang đeo đuổi những điều thiêng liêng to tát lắm...

NKH

NHỮNG ĐỐM LỬA

Độc V.G. Korolenko

Đã lóe lên đằng kia dấu rất xa những đốm lửa nhỏ trong đêm mùa thu ảm đạm mịt mùng trên dòng sông buốt giá. Những đốm lửa thấp sáng niềm hy vọng chập chờn trong cuộc hành trình dằng dặc đã đến hồi mỏi mệt của một đời người được hình thành bởi vô số những chuyến đi và những cuộc kiếm tìm liên tục nối kết nhau mà phần nhiều không thể nào định trước.

Đã hiện ra phía trước dấu nhạt mờ cái đích đến hứa hẹn ít nhiều sự ấm áp bình yên của phút nghỉ ngơi đang trông đợi cuối một chặng đường dài. Phút nghỉ ngơi hiếm hoi trước khi lại bắt đầu một cuộc hành trình khác vất vả hơn gian lao hơn trong một ngày có thể cũng chẳng đẹp trời hơn mà cái đích đến chỉ mới hiện lên mờ mờ ở một nơi rất sâu trong vô vàn ý tưởng mông lung.

Còn xa khước. Mặc cho người chèo thuyền lảo bầm khi vẫn đưa tay uể oải khua mái chèo. Còn xa khước. Mặc cho những đốm lửa dường như sắp sửa bị cuốn trôi vào cái bóng đêm vô cùng vô tận giữa đôi bờ vách đá sừng sững tối om trước mọi nỗ lực của con người. Còn xa khước. Nhưng những đốm lửa đã hiện lên, lung linh, mờ ảo ẩn chứa bao nhiêu sự hứa hẹn đền bù. Còn xa khước. Nhưng những đốm lửa đã lóe sáng để kịp thời vực dậy niềm tin đã muốn tan vào băng giá. Những đốm lửa cứ lần át bóng đêm nhích gần nhích gần lại mỗi lúc một rõ hơn ...

NKH

Thu Di



1/ GIẢ DỤ

Giả dụ
Đời được trăm năm
Những tháng năm còn lại
Ấm áp tình người tình ta
Những tháng năm còn lại
Mặn nồng thiết tha
Dầu bờ lưng còng
Dầu làn tóc bạc
Tận đáy lòng còn hăm nóng những băng khuôn
TD

2/ ĐÔI MẮT

Tạo hóa cho em đôi mắt
Để nhìn đời đâu dễ thấu lòng ai!
Xưa thi nhân thường bảo
Đôi mắt là cửa sổ tâm hồn
Anh tin ĐÔI MẮT ...

Lưỡi dao sắc ngọt cắt tim anh!
TD

VIẾT GIỮA NGÀY XUÂN

Gọi là chút hương xuân còn vương vấn đâu đây, nghe buồn ngủi, nuối tiếc. Điều gì đó thật vui vợi, thăm sâu... Nào ai biết, nào ai hay? Phải chăng là sự sâu thăm của tâm hồn? Với đôi tay mong nối hai đầu thương nhớ, cho cung đàn tình ngân phiếm réo rắt, dịu êm, gọi anh về trong nỗi nhớ của em...

Anh bay cao, bay xa như cánh nhạn hồng. Vô tình nghiêng đôi cánh rơi vào tim em một phần nhỏ bé hương yêu. Để đêm về áp ủ, ngày đến ngăn ngợ, lang thang trong vườn Thúy như năm xưa Kiều chờ Kim Trọng để rồi mất hút mù khơi... Mười lăm năm sau, gõ chiếc đu đưa thân vào định mệnh Kiều lại gặp Kim “đem tình cầm sắt đổi ra cầm kỳ”.

Mười lăm năm sau có người giữ áo từ quan, lên non tìm động hoa vàng... Giữ áo từ quan hay cười hạc về trời cũng mang theo một phần con tim để có nhau. Ngày ấy dấu có cũ, có nhạt màu trong em vẫn nguyên tác một vàng trắng.

Anh và em – Giữa lòng mùa xuân nghe nhớ mùa xuân cũ. Mà có cũ lắm đâu! Sao ngỡ chừng lâu lắm. Hóa ra nặng nghĩa tình nên cảm nhận một điều như thế. Một mùa xuân với bao điều thú vị, hạnh phúc – Trân trọng!

Hãy nhẹ nhàng gạt đầu cho nàng xuân bình thản đi qua, Đừng vương vút phân vân mà tội nghiệp. Hãy lắng nghe giai điệu mùa xuân muện màng, đầm ấm, thiết tha mà Kiều buông tiếng để mai một có người tìm về chốn cũ đón Xuân.

TD



TRẮNG MUỘN

Ngày ấy mỗi đứa một nơi, cùng nhập trường giữa mùa tu hú gọi. Nơi xứ người gần gũi thân quen. Ngày chia tay quyến luyến, bịn rịn, nước mắt...

Biết là không gặp, vẫn trên chuyến tàu tốc hành, vượt ngàn cây số, em trở lại chốn xưa.

Người chủ quán với thói quen cũ mang đến hai ly chanh rum: - Xin mời! Em ngạc nhiên bởi bên mình là chiếc ghế trống. Bỗng, bắt gặp ánh mắt của người chủ quán cùng sự cảm thông chia sẻ nỗi niềm. Em khẽ gật đầu thầm cảm ơn.

Chợt giật mình ngoảnh lại: Hương xưa đâu! Ánh trắng muộn màng len lén nhìn em buông tiếng thở dài...

TD

Hạ Anh

BÓNG MẸ BUỔI HOÀNG HÔN

Tôi đã viết những bài thơ kể lể
Nói rằng: con thương mẹ lắm mẹ ơi!
Từ buổi cưu mang đến lúc trưởng thành
Đôi mắt mẹ luôn soi đường con bước
Dòng sữa mẹ với vòng tay trù mến
Con lớn khôn mẹ đã già nua
Tóc đổi màu theo thời gian bạc phéch
Tấm lưng còng mẹ nặng gánh hai vai
Mẹ tần tảo, đâu giàu sang phú quý
Thầy vì con, mẹ đâu quản thân gầy



Cám ơn mẹ, đã cho con nguyên vẹn
Một tấm thân trọn vẹn làm người
Nợ bút nghiên mẹ cho con tri thức
Biết hiếu từ biết trọng nghĩa nhơn
Bước vào đời con biết đâu phải trái
Biết vị tha, biết trọn đạo thủy chung
Con dẫu lớn nhưng trong đôi mắt mẹ
Vẫn đại khờ cái thuở còn thơ
Chợt một chiều gặp dòng thư pháp
“Ai còn mẹ đừng để sầu vương lên mắt mẹ
Dòng sông trôi có trở lại bao giờ”⁶¹
Tối hốt hoảng trước hoàng hôn mờ nhạt
Vội tìm về quỳ bên mẹ yêu thương
Mẹ rưng rưng mừng vui qua dòng lệ
Con trai ơi! Mẹ đã có con về.

HA

⁶¹ Câu thơ Đỗ Trung Quân.

Ngô Nguyên Xuân

TÌNH THƠ TRONG XUÂN

Tình thơ sông núi tự bao giờ
Bao nghìn năm Hồng Lạc dựng cờ
Mùa Xuân đi vào miền đất Mẹ
Bắc Nam Trung một Mẹ Âu Cơ

Từ ấy ta gọi nhau “đồng bào”
Có đất nước nào như thế đâu
Từ ải Nam Quan đầu phía bắc
Trải dài cho đến tận Cà Mau

Ta vẫn tự hào giống Lạc Long
Nghìn xưa con cháu dòng Tiên Rồng
Bao năm giặc bắc vào xâm lấn
Cơ đồ vẫn vững một non sông

Bao lần bao mùa xuân nở hoa
Trai gái cùng vui hội thái hoà
Yêu nhau, thương nhau mãi mãi nhé
Xây dựng cơ đồ sông núi ta

Hôm nay đất nước lại vào xuân
Mùa xuân cha mẹ Lạc Long Quân
Thương nhau nhé: Bắc Trung Nam nhé
yêu nhau đi, trai gái giống Lạc Hồng
NNX

Ở ĐÓ LÀ QUÊ HƯƠNG

Dẫu rằng hơn bảy trăm năm trước là đất của Hời
Ta đi ngang nghe một cửa biển Đợi
Và sông Hoài thương nhớ tận ngàn sau
Ngang qua Điện Bàn Duy Xuyên ngập ngựa bãi dâu
Nước Thu Bồn sẽ chia cho Cổ Cò, Cầu Nhí
Ở đó có Đoàn Quý Phi về Chúa Sãi
Vó ngựa Chúa Hiền vượt tháp Bằng An
À em, ấy chỉ phần nhỏ xứ Quảng Nam
Đã sản sinh ra tứ Hổ, tứ Hùng, tứ Kiệt
Và Ngũ Phụng Tề Phi bất diệt
Tự hào thay xứ sở Quảng Nam
Em về đâu ! Còn Tí Sé, Dùi Chiêng
Còn Hòn Kẽm, Đá Dừng xa ngút ngát
Còn Đèo Le, lên Đại Bường xanh mát
(Một làng quê cây trái như miền Nam)

Nếu còn duyên thì trở lại Hoà Vang
 Còn Giếng Bộng, còn Ngũ Hành Sơn và Sơn Trà
 ngóng biển
 Những con sóng bạc đầu xô xát chuyển
 Cho sông Hàn ngăn cách một Hà Thân
 Để Đệ Nhất Hùng Quan khai phóng đèo Hải Vân
 Ngăn chia đôi lần vó ngựa Tây Sơn phạt Bắc
 Ôi Quảng Nam từ châu Ô, xa lác
 Nhập Đại Việt xưa thành Châu Quảng xưa sau
 Một dải đất phù sinh nắng sớm mưa mau
 Truyền lại những tên "ghe bầu, dầu rái"
 Những cái tên: gàu múc, cái ang, om, kiềng!
 Nong, nia, thúng, mủng, dùm, sàng...
 Tôi lớn lên trong lửa đạn tứ phương
 May mà còn để nhìn trang sử Việt
 Một phần nhỏ thế kỷ sau ai biết
 Xin một chút gọi là nói lại nước non
 Xin cho quê hương nghìn thuở mãi trường tồn

NNX



BUỘC VÀO THÂN PHẬN

*Quê hương là sợi chỉ hồng
Buộc vào thân phận trăm năm còn hoài*

Có người nói “quê hương chùm khế ngọt”
"là hàng bông bụt, là giậu mồng tơi"
Người ra đi chỉ duy nhất một nơi
Từ cổng nhà ... rẽ ra muôn ngã

Từ ngõ nhà, ngõ quê hương, cây lá
Xanh tuổi đời, xanh cành lá, xanh ước mơ
Ôi quê hương ... mấy ai đợi, ai chờ
Khi mộng ước công thành nên quên hút

Nếu quê hương ví như liều thuốc
Nuôi người lớn khôn bằng bao việc từ mẹ cha
Thì chuyện "chôn nhau cắt rốn" hương hoa
Tuổi thơ nẩy lộc, nẩy mầm từ đâu có

Ai chăm bón, đón mưa, ngăn gió
Cho chim bay về phía ước mơ
Ôi quê hương nào phải tình cờ
Giữa đến - đi bằng định đề, qui ước

Quê hương cũng nào phải sau hay trước
Để lập văn bằng, làm chứng chỉ nuôi thân
Tôi gọi người, gọi quê hương... từ những người
thân
Khi “tha hương ngộ cố tri” mới rõ

Quê hương là góc sân, là cánh hoa đầu ngõ
Chợt tình cò thấy nhớ buổi chiều đông
Của tuổi xưa cặp cặp sách bên hông
Cùng trẻ thơ nô đùa vô tư lự

Chép hoài bảo trên bước đường lữ thứ
Cho đến một chiều chợt nhớ ngày xưa
Đó là quê hương giờ phút giao mùa
Đêm trừ tịch cùng cha đón Tết

Ồi quê hương ... đồ ai nói hết
Là cái gì trong nghĩa sống ta đi
Tìm áo cơm của “tử biệt sinh ly”
Lúc từ giã cõi đời không nói được

Đường trước nhà ra đi... chân bước
Cơm áo công danh quên nghĩa sinh thành
Quê hương không định nghĩa lập thành
Tuỳ tuổi sống chọn cho mình hướng nghĩ
Và như vậy! Ơi bạn bè tri kỷ
Cầm tay nhau và nói tiếng Quê hương!

NNX

Phạm Đình Đề

XUÂN VỀ BÊN SÔNG

Tiên Sơn dòng nước êm trôi
Đôi bờ lưu dấu muôn đời thuở xa
Miếu đền tích cổ Chăm Pa
Hàng nghìn năm trải chưa nhòa sắc vương.

Làng quê làn khói thuốc thơm
Hàng trăm năm tỏa vấn vương lòng người
Họ Ông con cháu nối đời
Tiếng danh họa khắc ngược xuôi phố phường.

Bãi dài xanh sắc La Hường
Rau non mầm nụ quả buồng trầu giàn
Cầu dài nối nhịp sang ngang
Sáng chiều tấp nập từng hàng xe qua.

Cao cao cửa sổ tòa nhà
Bình minh nắng trải trông xa bốn bề
Giao hòa nhịp điệu phố quê
Đón mừng Xuân mới đang về bên sông.

PĐĐ



HẠT XUÂN

Bao nhiêu mơ mộng tràn đầy
Đã dành cho những tháng ngày Xuân xưa
Chiều nay ngồi ngắm phùn mưa
Đếm bao nhiêu hạt Xuân mùa đi qua.

Bao Xuân bên mẹ, bên cha
Bao xuân người đã cùng ta song hành
Bao xuân trai gái trưởng thành
Bao xuân tình bạn ngọt lành gần, xa.

Ta giữa đời, đời bên ta
Bốn mùa tiết vận trôi qua bao lần
Chiều nay ngắm hạt mưa Xuân
Nỗi niềm dậy thức ghép vần câu thơ.
PĐĐ

VŨ TRỤ VẦN XOAY

Thuở hồng hoang mặt trời di động
Bình minh lên con sóng ửng hồng
Khi rất gần nón che tròn bóng
Ánh nhạt vàng khoảng lặng chiều buông
Màn đêm về mờ ảo trắng suông
Trái đất tròn chẳng phút đứng yên
Ngày nối ngày ánh nắng ngả nghiêng
Đồng lạnh qua Xuân đến khắp miền...
PĐĐ

Ông Văn Lạc

CÔ GIÁO VÙNG CAO

Tặng: Ông thị Lập

Nhìn lên vùng cao mù sương
Nơi em sẽ đến tình thương dâng tràn
Trên tay "Quyết Định" rõ ràng
Trở thành cô giáo, xứ ngàn loại hoa
Thôi đành tạm biệt phần hoa
Em đi lập nghiệp, cờ hoa đón chào
Ước mơ, hoài bão gửi vào
Từng trang giáo án làm xao xuyến lòng
Em luôn tâm nguyện một lòng
Bảo ban, giảng dạy hết lòng vì ai?
Hình thành nhân cách nay mai
Cô trò thông cảm cùng nhau học hành
Nhiều đêm trần trọc năm canh
Em thầm tự nghĩ phải dành thời gian
Cảm thông hoàn cảnh gian nan
Em phải giúp đỡ trò ngoan của mình
Dạy thêm, phụ đạo tận tình
Cho trò theo kịp chương trình cả năm.



Em là ánh sáng trắng rằm
Soi đường, chỉ lối thẳng trằm vượt qua,
Học trò cứ thế nhận ra
Đường xưa cô bước, nay ta theo cùng
Vài lời nói với anh yêu
Chúng ta hẹn ước, tình yêu đợi chờ
Đôi ta dệt lại vần thơ
Một năm chung thủy, anh chờ được không?
Khi nào "Biên Chế" nhận xong
Hai ta mới dám thông dong chung nhà

Đôi lời kính gửi mẹ cha
Phận là con gái tuy xa gia đình
Nhưng con vẫn nhớ ân tình
Kính yêu cha mẹ, xót tình chị em
Hết lòng cô giáo ngày đêm
Vùng cao gian khó càng thêm nghĩa tình.

OVL

Hồ Thị Ngọc Hoài

BẮT ĐẦU CHO MỘT MÙA XUÂN

Là bằng những chuyển đổi mạnh mẽ ở bên trong và được con người biết tới.

Biết; ân cần, nâng đỡ, chở che. Nghe được hạt đang chuyển trong lòng đất, nhựa chuyển trong cành, biết, nụ đã lên cành nhưng nụ cũng có thể ngậm sắc mà tàn, cành nhánh có thể ứ nhựa mà đứt khúc, và biết, chỉ bàn tay, tấm lòng mở ra, truyền hơi ấm, tin yêu, che chở, mới mong mùa xuân là bất tận...

Sự lắng nghe sâu sắc về hủy diệt, về nỗi mong manh của tạo sinh, hồi sinh, một hạt, một nhánh... biết đâu rồi lại tàn... Lắng nghe, tinh thấu, truyền hơi ấm, tin yêu, che chở... là sự mầu nhiệm làm bừng sắc xuân.

Cái mới được âm thầm nuôi nấng. Sự bắt đầu của mùa xuân bằng những chuyển đổi mạnh mẽ ở bên trong, và được con người biết tới, được thấu cảm, những bàn tay, những tấm lòng mở ra, ân cần, nâng đỡ, chở che...

Và mùa xuân là bất tận...

HTNH



Nguyễn Thị Kim Hà

CON ĐƯỜNG KÝ ỨC



Có thể trong anh cũng có một con đường
Như con đường nhỏ quê em thời thơ ấu
Và tình yêu quê hương nung nấu
Được nhân lên từ bụi đất làng quê
Có thể trong anh những kỉ niệm quay về
Vòng tay mẹ ấm nồi khoai đêm vắng
Nâng ta lớn tình yêu đời trao tặng
Lời tự tình đêm trắng giữa rừng xưa
Nhưng anh ơi, con đường nhỏ nên thơ
Đưa ta đến với mái trường thuở nhỏ
Đưa ta đến bên nhau trong nỗi nhớ
Đưa ta về bên mái lá yêu thương
Những con đường mang sắc nắng quê hương
Tươi sắc lá gió xuân về lặng lẽ
Và có những con đường từ tim mẹ
Đang mong con da diết đợi con về.

NTKH

Nguyễn Hoài Linh

MỘT THOÁNG QUÊ EM

Từ đất rừng phương Nam xa xôi
Anh ghé thăm em nơi thành phố biển
Đà Nẵng một chiều trở gió sang đông
Quê anh có chín ngã sông
Quê em có năm ngọn núi
Sông núi liền nhau dù xa cách muôn trùng
Những chiều Mỹ Khê anh ngắm biển nhớ sông
Sáng Ngũ Hành Sơn em có nghe nắng ấm
Nhớ Cù Lao Xanh với lòng người đắm thắm
Văng vẳng tiếng đờn tài tử tri âm
Về lại sông Hàn thơ mộng quê em
Thăm hòn Non Nước núi Sơn Trà mây phủ
Những ánh mắt, nụ cười chứa chan tình cảm
Đã làm say lòng du khách muôn phương

Chiều Hải Vân mây gió nghiêng nghiêng
 Như sương khói bóng hình Huyền Trân tình sử
 Bước lên đèo cao Bà Nà thăm thẳm
 Gió lạnh từng cơn theo tiếng nhạc mưa rừng
 Chén rượu nồng say mời lữ khách tạm dừng
 Nhìn đôi Vọng Nguyệt trắng vàng mới mọc
 Nắm tay em tặng vần thơ triu mến
 Chán chứa ân tình, ấm lại buổi chiều đông
 Mai giã từ rồi, xin hãy mãi nhớ mong
 Trở lại nơi đây... dang vòng tay chào đón.

NHL



Đình Tùng

THỌ TÂY VƯỜN MÌNH ĐI TỚI

Bao năm chia tách xã nhà
Bao năm tiếp tục mở ra phong trào
Ban đầu lòng cũng nao nao
Suy đi nghĩ lại lòng nào chẳng vơi
Lòng dân ý Đảng hợp thời
Ra công xây dựng đáp lời nước non
Bao năm chỉ mới tuổi tròn
Sinh trên mảnh đất chồi non bạc màu
Tính sao cho cảnh sang giàu
Ngày ngày suy nghĩ tách sau muộn màng
Ai ai cũng muốn giàu sang
Quyết tâm nội lực để cùng đi lên
Bao năm lòng vững chí bền
Toàn tâm toàn lực xây nên cơ đồ
Quê ta có kém thua nào
Các ngành, đoàn thể ta cùng vươn ra

Xứng danh phường bạn, quận nhà
Trẻ già, trai gái quê ta thuận lòng
Đây là ý nguyện lòng mong
Xây cho đất Thọ song hành cùng đi
Dù cho sỏi đá chai lì
Toàn dân toàn lực cũng vì ấm no
“Qua sông thì phải lụy đờ”
Bây giờ ta khỏi phải lo đón chờ
Bao năm ý nguyện ước mơ
Điện, đường, trường, trạm đang chờ đón ta
Nhà máy, xí nghiệp mở ra
Ngày nay Hòa Thọ đang hoàng hơn xưa
Dù cho nắng lụt bão mưa
Đồng tâm, hiệp lực chung đưa phong trào
Quê hương rất đổi tự hào
Mong cho Tây Thọ không ngừng đi lên.

ĐT

TRANG ÂM NHẠC

LỜI MƯA

Nhạc: Quỳnh Hợp - Thơ: Tăng Tấn Tài

Lời mưa

Tự tình - thiết tha (Boston) 3/4 - 00 Nhạc: Quỳnh Hợp - Lời: thơ Tăng Tấn Tài

Lời mưa đầy ắp đù. Nốt nhạc trầm cuối thu. Vỗ cơn say nồng cháy. Thi thắm lời trên tay. Thương em hoài dòng ruối. Mưa vấp bóng ngoài sân. Lời mưa hôn mùa cũ. Tiếng mưa thì thật gần. Mặt trời về sau núi. vọng lại đôi tiếng chim. Lời mưa vọng qua suối. Đong mưa tôi khuất chim. Vai thon chiều thềm lóc. Nơi vàng thất lưng ong. Lời mưa thương vạt yếm. Kết vụ chờ mùa sang. Lời mưa đầy ắp...sang. Ta thương em xa vắng. Lời mưa tôi muộn màng. Ru hoa mùa gập mặt. Riêng mình gom nỗi nhớ. Ta thương em xa vắng. Lời mưa tôi muộn màng. Ru hoa mùa gập mặt. Gom nỗi nhớ riêng mình.

HỘI NON SÔNG

Nhạc và lời: Cẩm Lệ

Hội non sông

Vui - Tự hào Nhạc & Lời: Cẩm Lệ

The musical score is written on ten staves. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written below the notes, with some words appearing on two lines. The score ends with a double bar line on the tenth staff.

Đứng trên núi nhìn về đồng bằng, lòng mê
Tiếng em hát vọng từ mái trường, lòng mê
say ta ngắm non sông, chan chứa yêu thương đẹp
say em đón tương lai, vào giữa yêu thương những
quả mai miền hồng... những dòng sông trên trâm
sớm mai hóng... vì non sông nên anh
miền bát tăn. Nói nhau về chợ năng phù
còn ra trận. Nhớ thương nhiều gọi lại quê
sa, hương, biển khơi xa yêu ngày đêm sông vô
hương, hồi em hẹn nhau ngày mới,
những con thuyền lướt gió ra khơi, Năng
quê hương mình lại đến mau, hoa, Năng
tình thương nên hơi đầy cá bạc. Sông xô con thuyền cho
tình thương nên dâng nhìn cho thỏa. Sớm mai lên đường cho
vững nhịp tay bơi. Đứng trên cao gọi mây gọi
kịp hội quê hương. Gào, nhìn về quê nghe năng nghĩa tình.
Anh lên đường thương nhớ gọi trong thơ.

TRANG MỸ THUẬT

Tranh giấy dán Hs. Nguyễn Văn Tài

ĐÊM SỐNG HOÀI
Giấy dán, 60 x 80



HƯƠNG SEN 2
Giấy dán, 60 x 60



ĐỒI XUYA
Giấy dán, 60 x 80



Tranh: Hs. **Nguyễn Giao**



Sen hạ



Tĩnh vật



Hoa sen



Quê nhà (sơn dầu)

Tranh: hs Tiểu học Hoàng Dư Khương, Cẩm Lệ



*Đoàn kết Việt Nam – Cu Ba
Mai Lê Văn Anh*



*Đội mũ Bảo hộ
Ngô Nguyệt Khanh*



*Hoàng Sa quê em
Bảo Thi*



*Đà Nẵng quê em
Nguyễn Sao Khuê*

Tranh: hs THCS Đặng Thai Mai, Hòa Thọ Tây



*Em yêu cây xanh
Trần Thị Minh Duyên (8/2)*



*Pháo hoa Đà Nẵng
Phạm Đức Thịnh (9/1)*



*Vui hội Trung thu
Lý Hà Thu (8/3)*



*Vì môi trường xanh
Nguyễn Thị Thùy Dương (8/3)*

TRANG NHIẾP ẢNH

Ảnh: Di tích lịch sử phường Hòa Thọ Tây

Ảnh: Võ Văn Hòe



Mộ Ông Ích Khiêm



Bia mộ Ông Ích Khiêm



Đình làng Phong Lệ Bắc



Bức bình phong đình làng



Mộ Ông Ích Đường



Bìa di tích lịch sử xã Hòa Thọ

LỜI CẢM ƠN

Xin chân thành cảm ơn:

- Ban Tuyên giáo Quận ủy Cẩm Lệ
- Đảng ủy, UBND, UBMT Tổ Quốc Việt Nam phường Hòa Thọ Tây
- Hội Nhà Văn thành phố Đà Nẵng
- Nhà xuất bản Đà Nẵng
- Phòng Văn hóa Thông tin quận Cẩm Lệ
- Trung tâm VH TT & TT quận Cẩm Lệ
- Các cơ quan, Ban, Ngành, Đoàn thể, ... thuộc phường Hòa Thọ Tây
- Các doanh nghiệp, Trường học trên địa bàn phường
- Các tác giả trong địa bàn quận Cẩm Lệ và TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh ...
- Thân hữu và bạn đọc gần xa

Đã tận tình ủng hộ, giúp đỡ tinh thần lẫn vật chất để GIAI PHẨM XUÂN PHONG LỆ chào xuân Giáp Thìn – 2024 được đến tay bạn đọc.

Mong các bạn tiếp tục cộng tác để Giai phẩm Xuân Phong Lệ được ra mắt hàng năm.

CLB. VHNT. PHONG BẮC